

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Phụ lục số 02

CHI TIẾT HIỆN TRẠNG VÀ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
1	PHƯỜNG ĐỒNG HỚI	22.984		22.984	
1	TDP 1 Hải Thành	338	Sáp nhập toàn bộ TDP 1 Hải Thành, toàn bộ TDP 2 Hải Thành, toàn bộ TDP 3 Hải Thành và 224 hộ Tổ dân phố 4 Hải Thành (ranh giới là đường Trương Pháp) thành 01 tổ dân phố mới	1.050	
2	TDP 2 Hải Thành	284			
3	TDP 3 Hải Thành	204			
4	TDP 4 Hải Thành	271			
5	TDP 5 Hải Thành	292	Sáp nhập 47 hộ thuộc TDP4 Hải Thành (Cắt từ ngõ 63 đường Trương Pháp -TDP 4, kéo dài qua ngõ 83 đường Lê Thành Đồng -TDP6) toàn bộ TDP 5 Hải Thành, toàn bộ TDP6 Hải Thành và toàn bộ TDP 7 Hải Thành thành 01 tổ dân phố mới	1.004	
6	TDP 6 Hải Thành	352			
7	TDP 7 Hải Thành	313			
8	TDP Nam Thành	362	Sáp nhập toàn bộ TDP Nam Thành, toàn bộ TDP Đồng Đình, toàn bộ TDP Đồng Tâm và 07 hộ từ TDP 1 Đồng Phú, ranh giới là phía Tây đường 23/8 thành 01 tổ dân phố mới	973	
9	TDP Đồng Đình	196			
10	TDP Đồng Tâm	408			
11	TDP Đồng Hải	588	Giữ nguyên	588	
12	TDP Đồng Mỹ	212	Sáp nhập toàn bộ TDP Phú Mỹ, toàn bộ TDP Đồng Mỹ và toàn bộ TDP Thành Mỹ thành 01 tổ dân phố mới	1.029	
13	TDP Phú Mỹ	399			
14	TDP Thành Mỹ	418			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
15	TDP 1 Đồng Phú	520	Sáp nhập 513 hộ thuộc TDP 1 Đồng phú (trừ hộ từ TDP 1 Đồng Phú nhập sang TDP Nam Thành (cũ, lấy ranh giới phía Đông đường 23/8) và toàn bộ TDP 2 Đồng Phú thành 01 tổ dân phố mới	1.043	
16	TDP 2 Đồng Phú	530			
17	TDP 3 Đồng Phú	394	Sáp nhập toàn bộ TDP 3 Đồng Phú, toàn bộ TDP 4 Đồng Phú, toàn bộ TDP 5 Đồng Phú và toàn bộ TDP 6 Đồng Phú thành 01 tổ dân phố mới	1.352	
18	TDP 4 Đồng Phú	441			
19	TDP 5 Đồng Phú	259			
20	TDP 6 Đồng Phú	258			
21	TDP 7 Đồng Phú	550	Sáp nhập toàn bộ TDP 7 Đồng Phú, toàn bộ TDP 8 Đồng Phú và toàn bộ TDP 9 Đồng Phú thành 01 tổ dân phố mới	1.179	
22	TDP 8 Đồng Phú	248			
23	TDP 9 Đồng Phú	381			
24	TDP 10 Đồng Phú	290	Sáp nhập toàn bộ TDP 10 Đồng Phú và toàn bộ TDP 11 Đồng Phú thành 01 tổ dân phố mới	648	
25	TDP 11 Đồng Phú	358			
26	TDP Mỹ Cảnh	487	Sáp nhập toàn bộ TDP Mỹ Cảnh và toàn bộ TDP Đồng Dương thành 01 tổ dân phố mới	877	
27	TDP Đồng Dương	390			
28	TDP Sa Động	362	Sáp nhập toàn bộ TDP Sa Động, toàn bộ TDP Trung Bính và toàn bộ TDP Hà Dương thành 01 tổ dân phố mới	1.027	
29	TDP Trung Bính	433			
30	TDP Hà Dương	232			
31	TDP Hà Thôn	602	Sáp nhập toàn bộ TDP Hà Thôn, toàn bộ TDP Hà Trung và toàn bộ TDP Cửa Phú thành 01 tổ dân phố mới	945	
32	TDP Hà Trung	69			
33	TDP Cửa Phú	274			
34	TDP Diêm Bắc 1	206	Sáp nhập toàn bộ TDP Diêm Bắc 1, toàn bộ TDP Diêm Bắc 2, toàn bộ TDP Diêm Nam, toàn bộ TDP Bình Phúc và 45 hộ thuộc TDP Diêm Trung thành 01 tổ dân phố mới	1.023	
35	TDP Diêm Bắc 2	298			
36	TDP Diêm Nam	170			
37	TDP Bình Phúc	304			
38	TDP Diêm Trung	174	Sáp nhập toàn bộ TDP Diêm Thượng, toàn bộ TDP Diêm Hạ, 129 hộ TDP Diêm Trung và toàn bộ TDP Đức Trường thành 01 tổ dân phố mới	820	
39	TDP Diêm Thượng	205			
40	TDP Diêm Hạ	185			
41	TDP Đức Trường	301	Sáp nhập toàn bộ TDP Nam Hồng, toàn bộ TDP Bắc Hồng và toàn bộ TDP Diêm Hải thành 01 tổ dân phố mới	835	
42	TDP Nam Hồng	314			
43	TDP Bắc Hồng	220			
44	TDP Diêm Hải	301	Giữ nguyên	479	
45	TDP Phú Thượng	479			
46	TDP Tân Sơn	389	Sáp nhập toàn bộ TDP Tân Sơn và toàn bộ TDP Đức Sơn thành 01 tổ dân phố mới	789	
47	TDP Đức Sơn	400			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
48	TDP Đức Điền	334	Sáp nhập toàn bộ TDP Đức Điền, toàn bộ TDP Đức Thị và 130 TDP Giao Tế (Tây Bắc Lê Lợi) thành 01 tổ dân phố mới	692	
49	TDP Đức Thị	228			
50	TDP Giao Tế	269			
51	TDP Đức Giang	157	Sáp nhập toàn bộ TDP Đức Giang, toàn bộ TDP Đức Môn, toàn bộ TDP Đức Hoa (có ranh giới phía Tây đường Nguyễn Đăng Giai) thành 01 tổ dân phố mới	564	
52	TDP Đức Môn	221			
53	TDP Đức Hoa	186			
54	TDP Đức Thủy	221	Sáp nhập toàn bộ TDP Đức Thủy, toàn bộ TDP Đức Phong và 139 TDP Giao Tế (có ranh giới phía Đông đường Nguyễn Đăng Giai) thành 01 tổ dân phố mới	623	
55	TDP Đức Phong	263			
56	TDP 1 Nam Lý	326	Sáp nhập toàn bộ TDP 1 Nam Lý, toàn bộ TDP 2 Nam Lý, toàn bộ TDP 12 Nam Lý và 224 hộ TDP 8 Nam Lý (phía Nam Cầu Vượt) thành 01 tổ dân phố mới	1.198	
57	TDP 12 Nam Lý	266			
58	TDP 2 Nam Lý	382			
59	TDP 8 Nam Lý	264	Sáp nhập 40 hộ TDP 8 Nam Lý (phía Bắc cầu vượt), toàn bộ TDP 9 Nam Lý và toàn bộ TDP 11 Nam Lý thành 01 tổ dân phố mới	1.095	
60	TDP 11 Nam Lý	469			
61	TDP 9 Nam Lý	586			
62	TDP 3 Nam Lý	340	Sáp nhập toàn bộ TDP 3 Nam Lý, toàn bộ TDP 7 Nam Lý và toàn bộ TDP 13 Nam Lý thành 01 tổ dân phố mới	1.098	
63	TDP 13 Nam Lý	379			
64	TDP 7 Nam Lý	379			
65	TDP 4 Nam Lý	534	Sáp nhập toàn bộ TDP 4 Nam Lý, toàn bộ TDP 5 Nam Lý, toàn bộ TDP 15 Nam Lý và toàn bộ TDP 6 Nam Lý thành 01 tổ dân phố mới	1.272	
66	TDP 5 Nam Lý	197			
67	TDP 15 Nam Lý	204			
68	TDP 6 Nam Lý	337			
69	TDP 10 Nam Lý	359	Sáp nhập toàn bộ TDP 10 Nam Lý và toàn bộ TDP 14 Nam Lý thành 01 tổ dân phố mới	781	
70	TDP 14 Nam Lý	422			
2	PHƯỜNG ĐÔNG THUẬN	9.776		9.776	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
1	Tổ dân phố 1	370	Sáp nhập toàn bộ TDP 1 và TDP 5 thành Tổ dân phố mới	859	
2	Tổ dân phố 5	489			
3	Tổ dân phố 2	539	Giữ nguyên	539	
4	Tổ dân phố 3	292	Sáp nhập toàn bộ TDP 3 và một phần TDP 10 và một phần TDP 4 thành một Tổ dân phố mới	890	
5	Tổ dân phố 10 (một phần)	318			
6	Tổ dân phố 4 (một phần)	280			
7	Tổ dân phố 6	509	Giữ nguyên	509	
8	Tổ dân phố 9	458	Sáp nhập toàn bộ TDP 9 và một phần TDP 4 (cụm dân cư phía Tây Bắc của đường Nguyễn Công Hoan) và một phần TDP 11 (cụm dân cư phía Tây đường tàu) thành một Tổ dân phố mới	668	
9	Tổ dân phố 4 (một phần)	160			
10	Tổ dân phố 11 (một phần)	50			
11	Tổ dân phố 11 (một phần)	386	Sáp nhập một phần TDP 11 (phần còn lại sau khi chuyển 50 hộ) và một phần TDP 10 (cụm dân cư phía Đông Bắc đường tàu) và một phần TDP 13 (cụm dân cư phía Nam đường Trường Chinh) thành một TDP mới	518	
12	Tổ dân phố 10 (một phần)	5			
13	Tổ dân phố 13 (một phần)	127			
14	Tổ dân phố 7	414	Sáp nhập toàn bộ TDP 7 và TDP 8 thành một TDP mới	798	
15	Tổ dân phố 8	384			
16	Tổ dân phố 12	282	Sáp nhập toàn bộ TDP 12 và một phần TDP 13 (số hộ dân còn lại nằm phía Bắc đường Trường Chinh) thành một TDP mới	554	
17	Tổ dân phố 13 (một phần)	272			
18	Tổ dân phố 14	291	Sáp nhập toàn bộ TDP 14, TDP 15 và một phần TDP 3 Lộc Đại (tính từ cầu Lộc Đại đi vào hướng Nam) thành một TDP mới	732	
19	Tổ dân phố 15	384			
20	Tổ dân phố 3 Lộc Đại (một phần)	57			
21	Tổ dân phố 1 Lộc Đại	205	Sáp nhập toàn bộ TDP 1 Lộc Đại. TDP 5 Lộc		

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
22	Tổ dân phố 5 Lộc Đại	200	Sáp nhập toàn bộ TDP 1 Lộc Đại, TDP 5 Lộc Đại và một phần TDP 2 Lộc Đại (ở phía Tây Quốc lộ 1A) thành một TDP mới	605	
23	Tổ dân phố 2 Lộc Đại (một phần)	200			
24	Tổ dân phố 2 Lộc Đại (một phần)	111	Sáp nhập toàn bộ TDP 4 Lộc Đại và một phần TDP 2 Lộc Đại, một phần TDP 3 Lộc Đại (nằm ở phía Đông Quốc lộ 1A) thành một TDP mới	552	
25	Tổ dân phố 3 Lộc Đại (một phần)	100			
26	Tổ dân phố 4 Lộc Đại	341			
27	Tổ dân phố 7 Phú Xá	226	Sáp nhập toàn bộ TDP 7 Phú Xá và TDP 8 Phú Xá thành một TDP mới	499	
28	Tổ dân phố 8 Phú Xá	273			
29	Tổ dân phố 9 Hữu Cung	245	Sáp nhập toàn bộ TDP 9 Hữu Cung và TDP 10 Hữu Cung thành một TDP mới	538	
30	Tổ dân phố 10 Hữu Cung	293			
31	Tổ dân phố 6 Lộc Đại	309	Sáp nhập toàn bộ TDP 6 Lộc Đại và TDP 11 Hữu Cung thành một TDP mới	532	
32	Tổ dân phố 11 Hữu Cung	223			
33	Tổ dân phố Tân Phú	204	Sáp nhập toàn bộ TDP Tân Phú, TDP Nam Phú, TDP Tây Phú, TDP Đông Phú và TDP Bắc Phú thành một TDP mới	983	
34	Tổ dân phố Nam Phú	206			
35	Tổ dân phố Tây Phú	236			
36	Tổ dân phố Đông Phú	155			
37	Tổ dân phố Bắc Phú	182			
3	PHƯỜNG ĐỒNG SƠN	8.643		8.643	
1	TDP 1 Phương Xuân	319	Sáp nhập toàn bộ TDP 1 Phương Xuân, TDP 2 Phương Xuân và TDP 3 Phương Xuân thành Tổ dân phố mới	1.035	
2	TDP 2 Phương Xuân	381			
3	TDP 3 Phương Xuân	335			
4	TDP 1 Mỹ Cường	354	Sáp nhập toàn bộ TDP 1 Mỹ Cường, TDP 2 Mỹ Cường và TDP 3 Mỹ Cường thành Tổ dân phố	789	
5	TDP 2 Mỹ Cường	243			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
6	TDP 3 Mỹ Cương	192	mới		
7	TDP 1 Phú Vinh	242	Sáp nhập toàn bộ TDP 1 Phú Vinh, TDP 2 Phú Vinh, TDP 3 Phú Vinh và TDP 4 Phú Vinh thành Tổ dân phố mới	904	
8	TDP 2 Phú Vinh	297			
9	TDP 3 Phú Vinh	166			
10	TDP 4 Phú Vinh	199			
11	Tổ dân phố 1	164	Sáp nhập toàn bộ TDP 1, TDP 2, TDP 8 thành Tổ dân phố mới	658	
12	Tổ dân phố 2	260			
13	Tổ dân phố 8	234			
14	Tổ dân phố 3	139	Sáp nhập toàn bộ TDP 3, TDP 4, TDP 5 và TDP 6 thành Tổ dân phố mới	997	
15	Tổ dân phố 4	269			
16	Tổ dân phố 5	306			
17	Tổ dân phố 6	283			
18	Tổ dân phố 7	362	Sáp nhập toàn bộ TDP 7 và TDP9 thành Tổ dân phố mới	723	
19	Tổ dân phố 9	361			
20	Tổ dân phố 10	361	Sáp nhập toàn bộ TDP 10 và TDP 11 thành Tổ dân phố mới	682	
21	Tổ dân phố 11	321			
22	TDP Trung Nghĩa 1	140	Sáp nhập toàn bộ TDP Trung Nghĩa 1, TDP Trung Nghĩa 2, TDP Trung Nghĩa 3 và TDP Trung Nghĩa 4 thành Tổ dân phố mới	661	
23	TDP Trung Nghĩa 2	170			
24	TDP Trung Nghĩa 3	148			
25	TDP Trung Nghĩa 4	203			
26	TDP Trung Nghĩa 5	184	Sáp nhập toàn bộ TDP Trung Nghĩa 5, TDP Trung Nghĩa 6, TDP Ba Đa, TDP Rẫy Cau và TDP Thuận Hóa thành Tổ dân phố mới	846	
27	TDP Trung Nghĩa 6	269			
28	TDP Ba Đa	116			
29	TDP Thuận Hóa	128			
30	TDP Rẫy Cau	149			
31	TDP Thuận Hà	136	Sáp nhập toàn bộ TDP Thuận Hà, TDP Thuận Vinh và TDP Thuận Phong thành Tổ dân phố mới	756	
32	TDP Thuận Vinh	345			
33	TDP Thuận Phong	275			
34	TDP Thuận Hòa	127	Sáp nhập toàn bộ TDP Thuận Hòa, TDP Thuận Phước và TDP Thuận Ninh thành Tổ dân phố mới	592	
35	TDP Thuận Phước	299			
36	TDP Thuận Ninh	166			
4	PHƯỜNG ĐÔNG HÀ	12.415		12.415	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
1	Khu phố 1 - Phường 1 cũ	326	Sắp xếp một phần Khu phố 1 (296) và toàn bộ Khu phố 9 (449)	745	
2	Khu phố 9 - Phường 1 cũ	449			
3	Khu phố 2 - Phường 1 cũ	813	Sắp xếp toàn bộ Khu phố 2 (813) và một phần Khu phố 1 (30), một phần Khu phố 3 (28)	871	
4	Khu phố 3 - Phường 1 cũ	756	Sắp xếp phần còn lại Khu phố 3 (604), một phần Khu phố 4 (167) và một phần Khu phố 6, Phường 3 (48)	819	
5	Khu phố 4 - Phường 1 cũ	692	Sắp xếp phần còn lại Khu phố 4 (525) và toàn bộ Khu phố 5 (689)	1.214	
6	Khu phố 5 - Phường 1 cũ	689			
7	Khu phố 6 - Phường 1 cũ	789	Sắp xếp toàn bộ Khu phố 6 (789) và toàn bộ Khu phố 7 (399)	1.188	
8	Khu phố 7 - Phường 1 cũ	399			
9	Khu phố 8 - Phường 1 cũ	831	Giữ nguyên	831	
10	Khu phố Tây Trì - Phường 1 cũ	641	Sắp xếp một phần Khu phố Tây Trì (531), một phần Khu phố 3 (124) và một phần Khu phố 1 (192) Phường 3	847	
11	Khu phố 1 - Phường 3 cũ	373	Lấy ranh giới phía Bắc đường Trần Hưng Đạo và QL 9, sắp xếp một phần Khu phố 1 (151), một phần Khu phố 6 (188), một phần Khu phố 5 (48), một phần Khu phố 2 (220), một phần Khu phố Tây Trì (110) Phường 1 và một phần của Khu phố 4 (21) Phường 4	738	
12	Khu phố 2 - Phường 3 cũ	371			
13	Khu phố 5 - Phường 3 cũ	367	Lấy ranh giới phía Nam đường Trần Hưng Đạo và QL 9, sắp xếp phần còn lại của Khu phố 2 (151), phần còn lại Khu phố 5 (319), một phần Khu phố 6 (134) và toàn bộ Khu phố 7	975	
14	Khu phố 6 - Phường 3 cũ	370			
15	Khu phố 7 - Phường 3 cũ	371			
16	Khu phố 1 - Phường 4 cũ	269	Sắp xếp toàn bộ Khu phố 1 (269 hộ), Khu phố 2 (315 hộ) và một phần Khu phố 1 (30) Phường 3	614	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
17	Khu phố 2 - Phường 4 cũ	315	(315 hộ) và một phần Khu phố 1 (50) Phường 5 (Khu vực Khe Lấp) thành khu phố mới	014	
18	Khu phố 3 - Phường 4 cũ	358	Sắp xếp toàn bộ Khu phố 3 (358 hộ) và Khu phố 4 (331 hộ) thành khu phố mới	689	
19	Khu phố 4 - Phường 4 cũ	352			
20	Khu phố 1 - Phường Đông Giang cũ	380	Lấy ranh giới từ Quốc lộ 1A đến phía Tây đường Thanh Niên, sắp xếp một phần của Khu phố 1 (105 hộ), một phần của Khu phố 2 (73 hộ), một phần của Khu phố 4 (14 hộ) và một phần của Khu phố 1, Đông Thanh (130 hộ), một phần của Khu phố 2, Đông Thanh (140 hộ)	462	
21	Khu phố 2 - Phường Đông Giang cũ	278			
22	Khu phố 3 - Phường Đông Giang cũ	289	Lấy ranh giới từ phía Đông đường Thanh Niên đến tiếp giáp xã Hiếu Giang. Sắp xếp một phần phía Đông đường Thanh Niên của Khu phố 1 (85 hộ), một phần phía Đông đường Thanh Niên Khu phố 2 (205 hộ), một phần phía Đông đường Thanh Niên của Khu phố 4 (166 hộ) và toàn bộ KP3	745	
23	Khu phố 4 - Phường Đông Giang cũ	180			
24	Khu phố 5 - Phường Đông Giang cũ	230	Lấy ranh giới phía Đông Hói Sông, sắp xếp toàn bộ Khu phố 5 và Khu phố 6	490	
25	Khu phố 6 - Phường Đông Giang cũ	260			
26	Khu phố 1 - Phường Đông Thanh cũ	265	Lấy ranh giới từ Toà nhà Viettel lên đường sắt Bắc - Nam, dọc theo phía Tây Quốc lộ 1A. Sắp xếp một phần của Khu phố 1 (phần phía Tây Quốc lộ 1A) gồm 135 hộ; một phần của Khu phố 2 (phần phía Tây Quốc lộ 1A) gồm 100 hộ; một phần của Khu phố 3 (phía Đông đường sắt Bắc Nam) gồm 100 hộ và một phần Khu phố 1, Đông Giang (phía Tây Quốc lộ 1A) gồm có 190 hộ	525	
27	Khu phố 2 - Phường Đông Thanh cũ	240			
28	Khu phố 3 - Phường Đông Thanh cũ	296	Lấy ranh giới từ đường sắt Bắc - Nam đến tiếp giáp với xã Hiếu Giang. Sắp xếp một phần Khu		

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
29	Khu phố 4 - Phường Đông Thanh cũ	260	giáp với xã Thêu Giang, sáp xếp một phần khu phố 3 (đoạn từ đường sắt Bắc -Nam) gồm 196 hộ và toàn bộ Khu phố 4 (260 hộ) và Khu phố 5 (206 hộ)	662	
30	Khu phố 5 - Phường Đông Thanh cũ	206			
5	PHƯỜNG NAM ĐÔNG HÀ	15.670		15.670	
1	Khu phố 2 (Phường 2 cũ)	276	Sáp nhập toàn bộ Khu phố 1, Khu phố 2, Khu phố 3 (một phần Bắc Lê Thế Tiết), Khu phố 4, Khu phố 5 (Phường 2 cũ) để thành lập 01 (một) Tổ dân phố mới	1.325	
2	Khu phố 4 (Phường 2 cũ)	221			
3	Khu phố 5 (Phường 2 cũ)	295			
4	Khu phố 1 (Phường 2 cũ)	218			
5	Một phần Khu phố 3 (Phường 2 cũ)	315			
6	Một phần Khu phố 2 (Đông Lễ cũ)	268	Sáp nhập một phần Khu phố 2, toàn bộ khu phố Lương An (Đông Lễ), một phần Khu phố 3 (Phường 2 cũ), một phần phía Bắc thuộc Khu phố 5 (Đông Lễ cũ), một phần phía Bắc đường Nguyễn Biểu thuộc khu phố Phương Gia, một phần khu phố Lập Thạch (Đông Lễ cũ), để thành lập 01 (một) Tổ dân phố mới	892	
7	Lương An (Đông Lễ cũ)	212			
8	Một phần Khu phố 3 (Phường 2 cũ)	27			
9	Một phần Khu phố 5 (Đông Lễ cũ)	119			
10	Một phần Phương Gia (Đông Lễ cũ)	236			
11	Một phần Lập Thạch (Đông Lễ cũ)	30			
12	Khu phố 1 (Phường 5 cũ)	731	Sáp nhập toàn bộ Khu phố 1 (Phường 5 cũ), một phần Khu phố 2 (Đông Lễ cũ), để thành lập 01 (một) Tổ dân phố mới	748	
13	Một phần Khu phố 2 (Đông Lễ cũ)	17			
14	Khu phố 3 (Phường 5 cũ)	717	Sáp nhập toàn bộ Khu phố 3, Khu phố 2, một phần ở phía Bắc đường Tôn Thất Thuyết thuộc Khu phố 4 (Phường 5 cũ), để thành lập 01 (một) Tổ dân phố mới	1.509	
15	Khu phố 2 (Phường 5 cũ)	709			
16	Một phần Khu phố 4 (Phường 5 cũ)	83			
17	Một phần Khu phố 4 (Phường 5 cũ)	406	Sáp nhập một phần Khu phố 4, một phần Khu		
18	Một phần Khu phố 5 (Phường 5 cũ)	155			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
19	Một phần Khu phố 6 (Phường 5 cũ)	287	phố 5; một phần Khu phố 6, một phần Khu phố 9, một phần Khu phố 10 (Phường 5 cũ), để thành lập 01 (một) Tổ dân phố mới	1.127	
20	Một phần Khu phố 9 (Phường 5 cũ)	232			
21	Một phần Khu phố 10 (Phường 5 cũ)	47			
22	Một phần Khu phố 5 (Phường 5 cũ)	194	Sáp nhập một phần Khu phố 5, một phần Khu phố 6, một phần Khu phố 7, một phần Khu phố 9 (Phường 5 cũ), để thành lập 01 (một) Tổ dân phố mới	749	
23	Một phần Khu phố 6 (Phường 5 cũ)	275			
24	Một phần Khu phố 7 (Phường 5 cũ)	115			
25	Một phần Khu phố 9 (Phường 5 cũ)	165			
26	Khu phố 11 (Phường 5 cũ)	896	Giữ nguyên Khu phố 11 (Phường 5 cũ)	896	
27	Khu phố 8 (Phường 5 cũ)	736	Sáp nhập Khu phố 8 (Phường 5 cũ), một phần Khu phố 1 (Đông Lễ cũ), để thành lập 01 (một) Tổ dân phố mới	756	
28	Một phần Khu phố 1 (Đông Lễ)	20			
29	Một phần Khu phố 7 (Phường 5 cũ)	574	Sáp nhập một phần ở phía Bắc đường Trường Chinh thuộc Khu phố 10 và một phần ở phía Đông đường Hàm Nghi thuộc Khu phố 9 (Phường 5 cũ), để thành lập 01 (một) Tổ dân phố mới	1.383	
30	Một phần Khu phố 9 (Phường 5 cũ)	489			
31	Một phần Khu phố 10 (Phường 5 cũ)	320			
32	Một phần Khu phố 1 (Đông Lương cũ)	0	Sáp nhập một phần Khu phố 1 (Đông Lương cũ), một phần Khu phố 1 (Đông Lễ cũ), một phần Khu phố 7, một phần Khu phố 10 (Phường 5 cũ), để thành lập 01 (một) Tổ dân phố mới	867	
33	Một phần Khu phố 1 (Đông Lễ cũ)	120			
34	Một phần Khu phố 7 (Phường 5 cũ),	240			
35	Một phần Khu phố 9 (Phường 5 cũ),	220			
36	Một phần Khu phố 10 (Phường 5 cũ),	287			
37	Khu phố 4 (Đông Lễ cũ)	468	Sáp nhập toàn bộ Khu phố 4 (Đông Lễ cũ), một phần ở phía Nam đường Lê Thánh Tông và phía Đông đường Hùng Vương thuộc Khu phố 10 (Phường 5 cũ), một phần ở phía Đông đường		
38	Một phần Khu phố 10 (Phường 5 cũ)	33			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
39	Một phần Khu phố 1 (Đông Lễ cũ)	442	(1 phần ở cũ, một phần ở phía Đông đường Hùng Vương thuộc Khu phố 1 (Đông Lễ cũ), một phần phía Bắc đường Lý Thường Kiệt thuộc Khu phố 1 (Đông Lương cũ), một phần phía Bắc đường Lý Thường Kiệt thuộc Khu phố 2 (Đông Lương cũ) để thành lập 01 (một) Tổ dân phố mới	1.172	
40	Một phần Khu phố 1 (Đông Lương cũ)	98			
41	Một phần Khu phố 2 (Đông Lương cũ)	131			
42	Khu phố 3 (Đông Lễ cũ)	365	Sáp nhập toàn bộ Khu phố 3, một phần Khu phố 5, một phần khu phố Lập Thạch, một phần ở phía Nam đường Nguyễn Biều khu phố Phương Gia (Đông Lễ cũ), một phần khu phố Trung Chi (Đông Lương cũ), để thành lập 01 (một) Tổ dân phố mới	620	
43	Một phần Khu phố 5 (Đông Lễ cũ)	89			
44	Một phần Lập Thạch (Đông Lễ cũ)	166			
45	Một phần Phương Gia (Đông Lễ cũ)	0			
46	Một phần Trung Chi (Đông Lương cũ)	0			
47	Một phần Khu phố 3, Đông Lễ cũ	30	Sáp nhập một phần khu phố Vĩnh Phước, một phần khu phố Đại Áng, một phần ở phía Đông đường sắt Lý Thường Kiệt thuộc Khu phố 2, một phần khu phố Trung Chi, một phần Khu phố 3 (Đông Lương), để thành lập 01 (một) Tổ dân phố mới	1.113	
48	Khu phố Trung Chi (Đông Lương cũ)	443			
49	Một phần Đại Áng (Đông Lương cũ)	478			
50	Một phần Khu phố 2 (Đông Lương cũ)	98			
51	Khu phố Vĩnh Phước (Đông Lương cũ)	45			
52	Một phần Khu phố 3 (Đông Lương cũ)	19			
53	Một phần Khu phố 1 (Đông Lương cũ)	549	Sáp nhập một phần phía Nam đường Lý Thường Kiệt thuộc Khu phố 1, một phần phía Tây đường Sắt thuộc khu phố Đại Áng, một phần Khu phố 2, một phần phía Bắc đường Điện Biên Phủ thuộc Khu phố 3, một phần khu phố Lai Phước (Đông Lương cũ), để thành lập 01 (một) Tổ dân phố mới	1.098	
54	Một phần Đại Áng (Đông Lương cũ)	27			
55	Một phần Khu phố 2 (Đông Lương cũ)	264			
56	Một phần Khu phố 3 (Đông Lương cũ)	258			
57	Một phần Khu phố 3, (Đông Lương cũ)	64	Sáp nhập một phần khu phố Lai Phước (phía Đông đường Hùng Vương), một phần khu phố Vĩnh Phước (phía Nam đường Thuận Châu), một phần Khu phố 3 (phía Nam đường Điện Biên	798	
58	Một phần Khu phố Vĩnh Phước (Đông Lương cũ)	339			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
59	Một phần khu phố Lai Phước (Đông Lương cũ)	395	phần khu phố 3 (phía Nam đường Điện Biên Phủ), để thành lập 01 (một) Tổ dân phố mới		
60	Khu phố Tân Vĩnh (Đông Lương cũ)	555	Sáp nhập toàn bộ Khu phố Tân Vĩnh (Đông Lương cũ), một phần phía Tây đường Hùng Vương thuộc khu phố Lai Phước (Đông Lương cũ), một phần phía Nam đường Điện Biên Phủ thuộc Khu phố 1 (Đông Lễ cũ) để thành lập 01 (một) Tổ dân phố mới	617	
61	Một phần Lai Phước (Đông Lương cũ)	62			
62	Một phần Khu phố 1 (Đông Lễ cũ)	0			
6	PHƯỜNG BẮC GIANH	7.404		7.404	
1	Tổ dân phố Minh Phượng	272	Sáp nhập TDP Minh Lợi, Minh Phượng, đồng thời nhập 15 hộ phía tây đường Trần Hưng Đạo thuộc TDP Thọ Đơn; cắt 08 hộ phía Đông đường Trần Hưng Đạo thuộc TDP Minh Lợi về TDP Thọ Đơn; cắt 06 hộ phía Tây đường Trần Hưng Đạo (từ Cầu Quảng Thuận đến quán Bún Phượng (số 774 Trần Hưng Đạo) để nhập về TDP Dinh - Đồng Môn (mới)	1.146	
2	Tổ dân phố Minh Lợi	873			
3	Tổ dân phố Nhân Thọ	646	Sáp nhập toàn bộ TDP Nhân Thọ và TDP Ngoại Hải để thành Tổ dân phố mới	1.004	
4	Tổ dân phố Ngoại Hải	358			
5	Tổ dân phố Thọ Đơn	900	Tách 15 hộ tuyến đường Tây Trần Hưng Đạo thuộc TDP Thọ Đơn để nhập vào TDP Minh Lợi (mới). Đồng thời nhập 08 hộ phía Đông của đường Trần Hưng Đạo thuộc TDP Minh Lợi (cũ) về Tổ dân phố Thọ Đơn mới.	893	
6	Tổ dân phố Cầu	302	Sáp nhập 4 TDP: Đình Chùa, Bến Chợ, Cầu, Cồn Kết thành 01 TDP mới; tách 200 hộ thuộc các TDP Đình Chùa, Bến Chợ (Đoạn phía đông đường Yết Kiêu đến đường sông Gianh để nhập về TDP Dinh Đồng Môn (mới)	752	
7	Tổ dân phố Đình - Chùa	311			
8	Tổ dân phố Bến - Chợ	272			
9	Tổ dân phố Cồn Kết	67			
12	Tổ dân phố Dinh	218	Sáp nhập các TDP Dinh và TDP Đồng Môn và nhập 200 hộ dân thuộc các TDP Đình Chùa, Bến Chợ (Đoạn phía đông đường Yết Kiêu đến cầu Gianh và 05 hộ của TDP Me Hôi; Nhập 06 hộ	680	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
13	Tổ dân phố Đồng - Môn	251	Chia và 05 hộ của TDP Mệ Hội; nhập 06 hộ phía Tây đường Trần Hưng Đạo (Từ Cầu Quảng Thuận đến quán Bún Phụng) để nhập về TDP Dinh - Đồng Môn (mới)	080	
14	Tổ dân phố Đơn Sa	481	Sáp nhập 02 TDP Đơn Sa và Quảng Phúc để hình thành Tổ dân phố mới	979	
15	Tổ dân phố Diên Phúc	498			
16	Tổ dân phố Mỹ Hòa	541	Sáp nhập TDP Mỹ Hòa (trừ 26 hộ thuộc TDP Mỹ Hòa (Từ đường ven biển đến Đồn biên phòng cửa khẩu Cảng Gianh) và TDP Xuân Lộc để thành Tổ dân phố mới.	830	
17	Tổ dân phố Xuân Lộc	315			
18	Tổ dân phố Tân Mỹ	545	Nhập 26 hộ thuộc TDP Mỹ Hòa (Từ đường ven biển đến Đồn biên phòng cửa khẩu Cảng Gianh) để hình thành TDP Tân Mỹ mới	571	
7	PHƯỜNG BA ĐƠN	6.888		6.888	
1	Khu phố 1	561	Chia 180 hộ phía Đông đường Chu Văn An cho Khu phố 2 và chia 381 hộ phía Tây đường Chu Văn An cho Khu phố 5		
2	Khu phố 2	516	Sắp xếp nguyên trạng Khu phố 2 + 180 hộ của Khu phố 1 thành 1 Tổ dân phố mới	696	
3	Khu phố 3	377	Sắp xếp nguyên trạng Khu phố 3 + 278 hộ của Khu phố 6 + 40 hộ (xóm Tân Long, TDP Chính Trực) + 20 hộ (xóm Lâm Trường TDP Tiền Phong) thành 1 Tổ dân phố mới	715	
4	Khu phố 4	321	Sắp xếp nguyên trạng Khu phố 4+ 170 hộ của Khu phố 6 + 90 hộ TDP Thủy Sơn (phía Bắc công viên đình làng Tượng Sơn và đường Trạm điện) thành 1 Tổ dân phố mới	581	
5	Khu phố 5	402	Sắp xếp nguyên trạng Khu phố 5 + 381 hộ của Khu phố 1 + 50 hộ TDP Thủy Sơn (phía Nam QL 12A) thành 1 Tổ dân phố mới	833	
6	Khu phố 6	448	Chia 278 hộ phía Đông đường Chu Văn An cho KP3 và chia 170 hộ phía Tây đường Chu Văn An cho KP4		

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
7	Tổ dân phố 1	140	Sáp nhập toàn bộ TDP1, TDP2, TDP3, TDP4, TDP5 thành 1 Tổ dân phố mới	763	
8	Tổ dân phố 2	142			
9	Tổ dân phố 3	118			
10	Tổ dân phố 4	167			
11	Tổ dân phố 5	196			
12	Tổ dân phố 6	192			
13	Tổ dân phố 7	156	Sáp nhập toàn bộ TDP6, TDP7, TDP8, TDP Tân Xuân, TDP Cầu thành 1 Tổ dân phố mới	850	
14	Tổ dân phố 8	233			
15	Tổ dân phố Tân Xuân	149			
16	Tổ dân phố Cầu	120			
17	Tổ dân phố Trường Sơn	510	Sáp nhập toàn bộ TDP Trường Sơn và 1 phần TDP Thủy Sơn (trừ 50 hộ cho KP5 và trừ 90 hộ cho KP4) thành 1 Tổ dân phố mới	678	
18	Tổ dân phố Thủy Sơn	308			
19	Tổ dân phố Chính Trực	424	Sáp nhập 1 phần TDP Chính Trực (trừ 40 hộ xóm Tân Long cho KP3) và 1 phần TDP Tiên Phong (trừ 20 hộ xóm Lâm Trường cho KP3) thành 1 Tổ dân phố mới	895	
20	Tổ dân phố Tiên Phong	531			
21	Tổ dân phố Vân Đông	97	Sáp nhập toàn bộ TDP Vân Đông, TDP Vân Bắc, TDP Vân Trung, TDP Vân Nam, TDP Tân Đông, TDP Tân Thượng thành 1 Tổ dân phố mới	877	
22	Tổ dân phố Vân Bắc	146			
23	Tổ dân phố Vân Trung	169			
24	Tổ dân phố Vân Nam	185			
25	Tổ dân phố Tân Đông	149			
26	Tổ dân phố Tân Thượng	131			
8	PHƯỜNG QUẢNG TRỊ	7.623		7.623	
1	Thôn Tích Tường	493	Giữ nguyên hiện trạng, sắp xếp thành 1 khu phố	493	
2	Thôn Như Lệ	481	Sáp nhập nguyên trạng thôn Như Lệ, Thôn Tân Mỹ và thôn Tân Phước thành 1 khu phố	830	
3	Thôn Tân Phước	146			
4	Thôn Tân Mỹ	203			
5	Khu phố 1 (P An đôn cũ)	249	Sáp nhập toàn bộ Khu phố 1 và Khu phố 3 thành 1 khu phố	475	
6	Khu phố 3 (P An đôn cũ)	226			
7	Khu phố 1 (P1 cũ)	408	Sáp nhập toàn bộ Khu phố 1 (P1 cũ); một phần Khu phố 2 (P1 cũ: 236 hộ) và một phần Khu phố	926	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
8	Khu phố 2 (P1 cũ)	296	Khu phố 2 (P1 cũ: 250 hộ) và một phần Khu phố 3 (P1 cũ: 282 hộ) thành 1 khu phố	920	
9	Khu phố 3 (P1 cũ)	367	Sáp nhập toàn bộ Khu phố 4, một phần Khu phố 2 (P1 cũ: 60 hộ), một phần Khu phố 3 (P1 cũ: 77 hộ) và một phần Khu phố 3 (P3 cũ: 89 hộ) thành 1 khu phố	502	
10	Khu phố 4 (P1 cũ)	276			
11	Khu phố 1 (P2 cũ)	203	Sáp nhập toàn bộ Khu phố 6 (P3 cũ), một phần Khu phố 1 (P2 cũ: 134 hộ), một phần Khu phố 2 (P2 cũ: 192 hộ), một phần Khu phố 2 (P3 cũ: 66 hộ), một phần Khu phố 3 (P3 cũ: 35 hộ) và một phần Khu phố 7 (P3 cũ: 136 hộ) thành 1 khu phố	872	
12	Khu phố 6 (P3 cũ)	309			
13	Khu phố 7 (P3 cũ)	232			
14	Khu phố 2 (P2 cũ)	395	Sáp nhập toàn bộ Khu phố 3 (P2 cũ), một phần Khu phố 1 (P2 cũ: 69 hộ) và một phần Khu phố 2 (P2 cũ: 203 hộ) thành 1 khu phố	668	
15	Khu phố 3 (P2 cũ)	396			
16	Khu phố 4 (P2 cũ)	194	Sáp nhập toàn bộ Khu phố 4 và Khu phố 5 (P2 cũ) thành 1 khu phố	775	
17	Khu phố 5 (P2 cũ)	589			
18	Khu phố 1 (P3 cũ)	339	Sáp nhập toàn bộ Khu phố 1 (P3 cũ), một phần Khu phố 2 (P3 cũ: 246 hộ) và một phần Khu phố 3 (P3 cũ: 89 hộ) thành 1 khu phố	674	
19	Khu phố 2 (P3 cũ)	312			
20	Khu phố 3 (P3 cũ)	373			
21	Khu phố 5 (P3 cũ)	211	Sáp nhập toàn bộ Khu phố 5 (P3 cũ), một phần Khu phố 7 (P3 cũ: 96 hộ) và một phần Khu phố 3 (P3 cũ: 160 hộ) thành 1 khu phố	467	
22	Khu phố 4 (P3 cũ)	655	Sáp nhập một phần Khu phố 4 (P3 cũ: 481 hộ), một phần Khu phố 5 (P2 cũ: 08 hộ) thành 1 khu phố	489	
23	Khu phố 8 (P3 cũ)	270	Sáp nhập toàn bộ Khu phố 8 (P3 cũ), một phần Khu phố 3 (P1 cũ: 08 hộ) và một phần Khu phố 4 (P3 cũ: 174 hộ) thành 1 khu phố	452	
9	XÃ A ĐOI	2.265		2.265	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
1	Thôn Troan La Reo	186	Sáp nhập toàn bộ 03 Thôn: Troan La Reo, Ra Po và Ra Man thành 01 thôn mới	526	
2	Thôn Ra Po	171			
3	Thôn Ra Man	169			
4	Thôn Đồng Tâm	172	Sáp nhập toàn bộ 03 Thôn: Đồng Tâm, Proi Xy và A Dơi Đót thành 01 thôn mới	455	
5	Thôn Proi Xy	124			
6	Thôn A Dơi Đót	159			
7	Thôn Prin Thành	125	Sáp nhập toàn bộ 03 Thôn: Prin Thành, Xa Doan, A Dơi Cô thành 01 thôn mới	377	
8	Thôn Xa Doan	137			
9	Thôn A Dơi Cô	115			
10	Thôn Măng Sông	128	Sáp nhập toàn bộ 02 Thôn: Măng Sông và Vàng thành 01 thôn mới	230	02 thôn này có 230/350 hộ gia đình. Đạt 65,7% so với tiêu chuẩn. Tuy nhiên, đề xuất sáp nhập thành 01 thôn vì nếu sáp nhập thêm thôn Ba Lòng hoặc thôn Vàng tiếp giáp là không phù hợp. Lý do: - Thôn Măng Sông tiếp giáp liền kề với thôn Vàng và nằm tách biệt trên một tuyến đường riêng dài khoảng 7km. - Dân cư sống phân tán, khoảng cách xa nhất giữa các cụm dân cư trong thôn Măng Sông và Vàng có điểm đến 4km. - Khoảng cách tính từ các cụm dân cư giữa thôn Măng Sông đến thôn Ba Lòng liền kề là khoảng 16km; từ thôn Vàng đến thôn Hùn liền kề khoảng 5km và địa hình đồi núi cách trở, giao thông đi lại giữa các thôn qua suối rất khó khăn, phức tạp, đặc biệt mùa mưa địa bàn bị chia cắt với các thôn liền kề. Xét các yếu tố đặc thù nêu trên, đề xuất thành lập 01 thôn.
11	Thôn Vàng	102			
12	Thôn Hùn	100			02 thôn này có 292/350. Đạt 84% so với tiêu chuẩn (trong đó tiếp nhận 27 hộ gia đình của thôn Loa và Ba Tầng vì những hộ này liền kề với thôn Hùn, sống tách biệt với thôn Loa và Ba Tầng, khoảng cách đến thôn Hùn gần hơn đến thôn Loa và Ba Tầng). Đề xuất thành 1 thôn vì không thể sáp nhập thêm thôn Loa hoặc thôn

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
13	Thôn Trùm	165	Sáp nhập toàn bộ 02 Thôn: Hùn và Trùm và 07 hộ của thôn Loa, 20 hộ của thôn Ba Tầng thành 01 thôn mới	292	<p>A Dơi Cò hay A Dơi Đờ. Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thôn Hùn tiếp giáp liền kề với thôn Trùm và nằm tách biệt trên một tuyến đường có chiều dài khoảng 8km. - Dân cư sinh sống phân tán. Khoảng cách xa nhất giữa các cụm dân cư trong thôn Hùn là khoảng 6km và xa nhất giữa các cụm dân cư trong thôn Trùm là khoảng 3km. - Khoảng cách tính từ các cụm dân cư giữa các thôn liền kề từ thôn Hùn đến thôn Vàng khoảng 4km, thôn Trùm đến thôn A Dơi Cò khoảng 6km đến thôn A Dơi Đờ khoảng 6km. - Thôn Hùn và thôn Trùm đều có địa hình đồi núi cách trở, giao thông đi lại giữa các thôn qua suối rất khó khăn, phức tạp, đặc biệt mùa mưa địa bàn bị chia cắt. - Thôn Trùm và thôn Hùn là 2 thôn đặc biệt khó khăn, thuộc thôn biên giới cần tập trung công tác bảo vệ chủ quyền Biên giới lãnh thổ Quốc gia. <p>Xét các yếu tố đặc thù nêu trên, đề xuất thành lập 01 thôn.</p>
14	Cụm dân cư của thôn Loa	7			
15	Cụm dân cư của thôn Ba Tầng	20			
16	Thôn Loa	147	Sáp nhập 03 Thôn: Loa, Ba Lòng và Ba Tầng (trừ cụm dân cư thôn Loa 07 hộ và cụm dân cư 20 hộ của thôn Ba Tầng) thành 01 thôn mới	385	
17	Thôn Ba Tầng	109			
18	Thôn Ba Lòng	129			
10	XÃ LAO BẢO	5.409		5.409	
1	Thôn Vĩnh Đông	481	Giữ nguyên	481	
2	Thôn Trung Chín	384	Giữ nguyên	384	
3	Thôn Tây Chín	439	Giữ nguyên	439	
4	Thôn Duy Tân	206	Sáp nhập toàn bộ Thôn Duy Tân và toàn bộ Thôn Cao Việt	420	
5	Thôn Cao Việt	214			
6	Thôn Tân Kim	375	Sáp nhập toàn bộ Thôn Tân Kim và toàn bộ Thôn Ka Túp	461	
7	Thôn Ka Túp	86			
8	Thôn An Hà	289	Sáp nhập toàn bộ Thôn An Hà và toàn bộ Thôn	610	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
9	Thôn Xuân Phước	321	Xuân Phước	310	
10	Thôn Ka Tăng	261	Sáp nhập toàn bộ Thôn Ka Tăng và toàn bộ Thôn Khe Đá	377	
11	Thôn Khe Đá	116			
12	Thôn Bích La Trung	107	Sáp nhập toàn bộ Thôn Bích La Trung, toàn bộ Thôn Hà Lệt, toàn bộ thôn Nam Xuân Đức và toàn bộ thôn An Tiêm	482	
13	Thôn Hà Lệt	145			
14	Thôn Nam Xuân Đức	164			
15	Thôn An Tiêm	66			
16	Thôn Cổ Thành	161	Sáp nhập toàn bộ Thôn Cổ Thành, toàn bộ Thôn Nại Cửu và toàn bộ thôn Bích La Đông	548	
17	Thôn Nại Cửu	217			
18	Thôn Bích La Đông	170			
19	Thôn Yên Thuận	178	Sáp nhập toàn bộ Thôn Yên Thuận, toàn bộ Thôn Long An và toàn bộ thôn Long Quy	444	
20	Thôn Long An	138			
21	Thôn Long Quy	128			
22	Thôn Long Hợp	268	Sáp nhập toàn bộ Thôn Long Hợp và toàn bộ thôn Long Thành	373	
23	Thôn Long Thành	105			
24	Thôn Long Phụng	157	Sáp nhập toàn bộ Thôn Long Phụng, toàn bộ Thôn Long Giang, toàn bộ thôn Xi Núc và toàn bộ thôn Làng Vây	390	
25	Thôn Long Giang	83			
26	Thôn Xi Núc	115			
27	Thôn Làng Vây	35			
11	XÃ TÂN LẬP	3.194		3.194	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
1	Thôn Cu Ty	132	Sắp xếp, sáp nhập nguyên hiện trạng các thôn: Cu Ty, Cửa thành 01 thôn mới	215	<p>Quy mô sau sáp nhập là 215 hộ, đạt 61,42% so với tiêu chuẩn. Thôn mới sáp nhập lại trên cơ sở 02 thôn cũ thuộc vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (được UBND tỉnh công nhận theo Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 và được Bộ Dân tộc và Tôn giáo công nhận tại Quyết định số 104/QĐ-BDTT ngày 27/02/2026). (1) Xét về vị trí địa lý: Thôn Cu Ty giáp với thôn Cửa, giáp thôn Ta Xía và giáp thôn Ra Ty, việc sáp nhập thôn Cu Ty, thôn Cửa và thôn Ta Xía hoặc thôn Ra Ty thành 01 thôn là không thể được do địa bàn tách lập nhau, điểm xa nhất thôn Cửa, thôn Cu Ty đến thôn Ta Xía và thôn Ra Ty khoảng 10km đến 12km; (2) Xét về đặc điểm dân cư: Dân cư sinh sống phân tán, các cụm dân cư trong thôn sống cách xa nhau, có điểm lên đến 4-5km. (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Địa hình đồi núi cách trở, địa bàn rộng, diện tích sau khi sáp nhập khoảng 1.437 ha. Vào mùa mưa bão, một số khu vực thường xuyên bị chia cắt, ảnh hưởng đến công tác quản lý địa bàn, tổ chức các hoạt động cộng đồng và phục vụ Nhân dân; (4) Xét về yếu tố văn hóa - xã hội, chính trị - an ninh - quốc phòng: Địa bàn có 100% dân số là đồng bào dân tộc Bru Vân Kiều, sinh sống lâu đời, có những nét đặc trưng riêng về văn hóa, phong tục, tập quán. Đồng thời, đây là địa bàn thuộc khu vực phòng thủ cấp xã, có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh và bảo đảm ổn định chính trị trên địa bàn.</p> <p>Do đó, căn cứ điều kiện thực tế về vị trí địa lý, quy mô diện tích, đặc điểm dân cư, điều kiện tự nhiên, cũng như các yếu tố đặc thù về quốc phòng, an ninh và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, việc tiếp tục sáp nhập thêm với các thôn khác nhằm bảo đảm đạt đủ tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình là không phù hợp, có thể ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước, công tác điều hành ở cơ sở và việc phục vụ Nhân dân. Vì vậy, đề nghị giữ nguyên phương án sáp nhập thôn Cu Ty và thôn Cửa thành 01 thôn mới theo phương án đã xây dựng.</p>
2	Thôn Cửa	83			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
3	Thôn Ra Ty	75	Sắp xếp, sáp nhập nguyên hiện trạng các thôn: Ra Ty, Ta Xía thành 01 thôn mới	223	<p>Quy mô sau sáp nhập là 223 hộ, đạt 63,71% so với tiêu chuẩn. Thôn mới sáp nhập lại trên cơ sở 02 thôn cũ thuộc vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (được UBND tỉnh công nhận theo Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 và được Bộ Dân tộc và Tôn giáo công nhận tại Quyết định số 104/QĐ-BDTTG ngày 27/02/2026); (1) Xét về vị trí địa lý: Thôn Ra Ty tiếp giáp với thôn Ta Xía, thôn Cu Ty, thôn Cửa, thôn Cu Ta Ka, thôn Trầm Cheng. Việc sáp nhập thôn Ra Ty, thôn Ta Xía với 01 thôn thứ ba khác là không thể được do địa bàn quá rộng, có đồi núi, khe suối chia cắt nhau. Khoảng cách từ khu vực xa nhất của thôn Ra Ty và thôn Ta Xía đến các thôn lân cận như thôn Cửa và thôn Cu Ty khoảng 10 km; (2) Xét về đặc điểm dân cư: Địa bàn các thôn có phạm vi rộng, dân cư phân bố không tập trung, khoảng cách giữa các cụm dân cư lớn; trong đó có những khu vực cách trung tâm thôn từ 7 km trở lên. (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Địa hình chủ yếu là đồi núi, bị chia cắt bởi nhiều khe suối, giao thông đi lại còn nhiều khó khăn. Địa bàn thôn Ra Ty nằm tương đối biệt lập trên khu vực đồi núi cao, diện tích tự nhiên của thôn mới sau sáp nhập khoảng 2.069 ha. Vào mùa mưa bão, một số khu vực thường xuyên bị chia cắt, ảnh hưởng đến công tác quản lý địa bàn, tổ chức các hoạt động cộng đồng và phục vụ Nhân dân; (4) Xét về yếu tố văn hóa - xã hội, chính trị - an ninh - quốc phòng: Địa bàn có 100% dân số là đồng bào dân tộc Bru Vân Kiều, sinh sống lâu đời, có những nét đặc trưng riêng về văn hóa, phong tục, tập quán. Đồng thời, đây là địa bàn thuộc khu vực phòng thủ cấp xã, có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh và bảo đảm ổn định chính trị trên địa bàn. Do đó, căn cứ điều kiện thực tế về vị trí địa lý, quy mô diện tích, đặc điểm dân cư, điều kiện tự nhiên, cũng như các yếu tố đặc thù về quốc phòng, an ninh và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, việc tiếp tục sáp nhập thêm với các thôn khác nhằm bảo đảm đạt đủ tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình là không phù hợp, có thể ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước, công tác điều hành ở cơ sở và việc phục vụ Nhân dân. Vì vậy, đề nghị giữ nguyên phương án sáp nhập thôn Ra Ty và thôn Ta Xía thành 01 thôn mới theo phương án đã xây dựng.</p>
4	Thôn Ta Xía	148			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
5	Thôn Trầm Cheng	109	Sắp xếp, sáp nhập nguyên hiện trạng các thôn: Trầm Cheng, Cu Ta Ka thành 01 thôn mới	281	<p>Quy mô sau sáp nhập là 281 hộ, đạt 80,28% so với tiêu chuẩn. Thôn mới sáp nhập lại trên cơ sở 02 thôn cũ thuộc vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (được UBND tỉnh công nhận theo Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 và được Bộ Dân tộc và Tôn giáo công nhận tại Quyết định số 104/QĐ-BDDTTG ngày 27/02/2026). (1) Xét về vị trí địa lý: Thôn Trầm Cheng tiếp giáp với các thôn Cu Ta Ka, Ra Ty, Ta Xía, Cu Ty; thôn Cu Ta Ka tiếp giáp với thôn Ra ty và thôn Trầm Cheng. Việc sáp nhập thôn Trầm Cheng, Cu Ta Ka vào cùng thôn thứ ba khác là không thể được do địa bàn chia cắt nhau bằng đồi núi và khe suối. Điểm xa nhất từ thôn Trầm Cheng đến các thôn khác như Ra Ty khoảng 10km; (2) Xét về đặc điểm dân cư: Dân cư sinh sống phân tán, các cụm dân cư trong thôn Cu Ta Ka sống cách xa nhau, có điểm lên đến 3 km; (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Địa hình đồi núi cách trở, địa bàn Trầm Cheng, Cu Ta Ka nằm tách biệt trên một quả đồi, địa bàn rộng, diện tích sau khi sáp nhập khoảng 1.562 ha. Vào mùa mưa, một số khu vực thường xuyên bị chia cắt cục bộ, ảnh hưởng đến việc đi lại, công tác quản lý địa bàn và tiếp cận các dịch vụ công của người dân.(4)Xét về yếu tố văn hóa - xã hội, chính trị - an ninh - quốc phòng: Địa bàn có 100% dân số là đồng bào dân tộc Bru Vân Kiều, sinh sống ổn định lâu đời, có bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán đặc trưng cần được quan tâm bảo tồn và phát huy. Địa bàn thuộc khu vực phòng thủ cấp xã, trọng yếu về an ninh - quốc phòng và giữ gìn ổn định chính trị trên địa bàn.</p> <p>Vì vậy, căn cứ điều kiện thực tế về vị trí địa lý, diện tích tự nhiên, đặc điểm phân bố dân cư, điều kiện giao thông, địa hình, cũng như các yếu tố đặc thù về dân tộc, văn hóa, quốc phòng và an ninh, việc tiếp tục sáp nhập thêm với các thôn khác nhằm bảo đảm đạt tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình là không phù hợp. Việc mở rộng quy mô thôn có thể làm tăng khoảng cách quản lý, gây khó khăn trong công tác điều hành ở cơ sở, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và việc phục vụ Nhân dân. Do đó, đề nghị giữ nguyên phương án sáp nhập thôn Trầm Cheng và thôn Cu Ta Ka thành 01 thôn mới theo phương án đã xây dựng.</p>
6	Thôn Cu Ta Ka	172			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
7	Thôn Bản Cồn	68	Sắp xếp, sáp nhập nguyên hiện trạng các thôn, bản: Bản Cồn, Cheng thành 01 thôn mới .	177	<p>Quy mô sau sáp nhập là 177 hộ, đạt 50,57% so với tiêu chuẩn. Thôn mới sáp nhập lại trên cơ sở 02 thôn cũ thuộc vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (được UBND tỉnh công nhận theo Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 và được Bộ Dân tộc và Tôn giáo công nhận tại Quyết định số 104/QĐ-BDTTG ngày 27/02/2026). (1) Xét về vị trí địa lý: Bản Cồn tiếp giáp với thôn Cheng, thôn Tân Trung, thôn Tân Sơn, thôn Tân Hòa; thôn Cheng tiếp giáp với thôn Tân Hữu, thôn Tân Hòa. Việc sáp nhập bản Cồn, thôn Cheng và các thôn thứ ba khác là không thể được do khác biệt về văn hóa, phong tục tập quán, điều kiện sinh hoạt...; (2) Xét về đặc điểm dân cư: Dân cư sinh sống phân tán, các cụm dân cư trong bản Cồn sống cách xa nhau, có điểm lên đến 3 km. Điểm xa nhất thôn Cheng và bản Cồn khoảng 4 km; bản Cồn với thôn Tân Sơn khoảng 5km; (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Địa hình đồi núi cách trở, địa bàn rộng, diện tích sau khi sáp nhập khoảng 400 ha. Một số điểm thường xuyên bị chia cắt vào mùa mưa; (4) Xét về yếu tố văn hóa - xã hội, chính trị - an ninh - quốc phòng: Địa bàn thuộc khu vực phòng thủ cấp xã, trọng yếu về an ninh - quốc phòng có người đồng bào dân tộc Bru Vân Kiều, Pa Cô sinh sống. Ngoài ra, bản Cồn và thôn Cheng sau năm 1993 được chia tách ra làm 2 thôn (bản Cồn thuộc xã Tân Lập (cũ), thôn Cheng thuộc xã Tân Liên (cũ)), đây là 02 thôn, bản có chung nguồn gốc, xuất xứ.</p> <p>Vì vậy, thôn sau sáp nhập bản Cồn và thôn Cheng ngoài yếu tố đặc thù về vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện khó khăn, địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, thì yếu tố lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán được Ủy ban nhân dân xã cân nhắc và đề xuất để làm căn cứ sáp nhập lại 02 thôn, bản thành thôn có yếu tố đặc thù. Do đó, đề nghị giữ nguyên phương án sáp nhập Bản Cồn và thôn Cheng thành 01 thôn mới theo phương án đã xây dựng.</p>
8	Thôn Cheng	109			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
9	Bản Làng Vây	121	Sắp xếp, sáp nhập nguyên hiện trạng các bản: Bản Làng Vây, Bản Bù thành 01 thôn mới	219	<p>Quy mô sau sáp nhập là 219 hộ, đạt 62,5% so với tiêu chuẩn. Thôn mới sáp nhập lại trên cơ sở 02 thôn cũ thuộc vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (được UBND tỉnh công nhận theo Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 và được Bộ Dân tộc và Tôn giáo công nhận tại Quyết định số 104/QĐ-BD TTG ngày 27/02/2026). (1) Xét về vị trí địa lý: Bản Bù tiếp giáp với Bản Làng Vây, thôn Tân Thuận. Việc sáp nhập bản Làng Vây, bản Bù và các thôn khác là điều không thể được do khác biệt về văn hóa, phong tục tập quán, điều kiện sinh hoạt...;(2) Xét về đặc điểm dân cư: Dân cư sinh sống phân tán, các cụm dân cư trong bản Làng Vây sống cách xa nhau, có điểm lên đến 4 km. Điểm xa nhất bản Làng Vây và bản Bù khoảng 4 km; (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Địa hình đồi núi cách trở, địa bàn rộng, diện tích sau khi sáp nhập khoảng 950 ha. Một số điểm thường xuyên bị chia cắt vào mùa mưa; khu vực các hộ dân bản Vây 2 (cũ) giao thông vào bản chỉ qua bằng 1 con đường duy nhất (có 01 cây cầu bắc qua) mùa mưa lũ dễ bị chia cắt; (4) Xét về yếu tố văn hóa - xã hội, chính trị - an ninh - quốc phòng: Địa bàn thuộc khu vực phòng thủ cấp xã, trọng yếu về an ninh - quốc phòng có người đồng bào dân tộc Bru Vân Kiều, Pa Cô sinh sống. Bên cạnh đó, bản Làng Vây gắn liền với địa danh và di tích lịch sử nổi tiếng, nơi diễn ra trận chiến Làng Vây năm 1968 - trận đánh mở đầu cho chuỗi thắng lợi của Chiến dịch Khe Sanh, góp phần giải phóng huyện Hướng Hóa (cũ) và tạo bước ngoặt quan trọng trên chiến trường Trị - Thiên trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.</p> <p>Vì vậy, thôn sau sáp nhập bản Làng Vây và bản Bù ngoài yếu tố đặc thù về vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, thì yếu tố lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán được Ủy ban nhân dân xã cân nhắc và đề xuất để làm căn cứ sáp nhập 02 thôn, bản thành thôn mới có yếu tố đặc thù. Do đó, đề nghị giữ nguyên phương án sáp nhập bản Làng Vây và bản Bù thành 01 thôn mới theo phương án đã xây dựng.</p>
10	Bản Bù	98			
11	Thôn Tân Thuận	310	Sắp xếp, sáp nhập nguyên hiện trạng các thôn:		

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
12	Thôn Tân Tài	252	Tân Thuận, Tân Tài thành 01 thôn mới	252	
13	Thôn Tân Sơn	189	Sắp xếp, sáp nhập nguyên hiện trạng các thôn: Tân Sơn, Tân Trung thành 01 thôn mới	399	
14	Thôn Tân Trung	210			
15	Thôn Tân Hữu	126	Sắp xếp, sáp nhập nguyên hiện trạng các thôn: Tân Hữu, Tân Tiến, Tân Hòa, Tân Hào thành 01 thôn mới	604	
16	Thôn Tân Tiến	164			
17	Thôn Tân Hòa	153			
18	Thôn Tân Hào	161			
19	Thôn Tân Phú	146	Sắp xếp, sáp nhập nguyên hiện trạng các thôn: Tân Phú, Liên Hòa, Hiệp Hòa thành 01 thôn mới	514	
20	Thôn Hiệp Hòa	177			
21	Thôn Liên Hòa	191			
12	XÃ CAM LỘ	7.582		7.582	
1	Thôn 1	315	Sáp nhập toàn bộ 02 thôn: thôn 1 và thôn 8 thành 01 thôn mới	623	
2	Thôn 8	308			
3	Thôn 2	296	Sáp nhập toàn bộ 02 thôn: thôn 2 và thôn 3 thành 01 thôn mới	608	
4	Thôn 3	312			
5	Thôn 5	237	Sáp nhập toàn bộ 03 thôn: thôn 5, thôn 6 và thôn 7 thành 01 thôn mới	576	
6	Thôn 6	156			
7	Thôn 7	183			
8	Thôn 4	212	Sáp nhập toàn bộ 02 thôn: thôn 4 và thôn 9 thành 01 thôn mới	481	
9	Thôn 9	269			
10	Thôn Mỹ Tường	186	Sáp nhập toàn bộ 02 thôn: Mỹ Tường, Quật Xá thành 01 thôn	438	
11	Thôn Quật Xá	252			
12	Thôn Tân Định	139	Sáp nhập toàn bộ 04 thôn: Tân Định, An Phước, Phan Xá Phường và Tân Trang thành 01 thôn mới	650	
13	Thôn An Phước	145			
14	Thôn Phan Xá Phường	222			
15	Thôn Tân Trang	144			
16	Thôn Tân Xuân 1	148	Sáp nhập toàn bộ 02 thôn: Tân Xuân 1, Tân Xuân		

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
17	Thôn Tân Xuân 2	173	2 và khu dân cư tại Dốc Động Mạch thuộc thôn Cam Phú thành 01 thôn mới	429	
18	Thôn Cam Phú (KDC tại Dốc Động Mạch)	108			
19	Thôn Thượng Lâm	243	Sáp nhập toàn bộ 03 thôn: Thượng Lâm, Tân Phú, Cam Phú 3 và một phần thôn Cam Phú (Trừ khu dân cư tại Dốc Động Mạch) thành 01 thôn mới	584	
20	Thôn Tân Phú	98			
21	Thôn Cam Phú 3	143			
22	Thôn Cam Phú (Trừ KDC tại Dốc Động Mạch)	100			
23	Thôn Mai Lộc 1	218	Sáp nhập toàn bộ 03 thôn: Mai Lộc 1, Sơn Thanh, Mai Trung thành 01 thôn mới	473	
24	Thôn Sơn Thanh	86			
25	Thôn Mai Trung	169			
26	Thôn An Trung	205	Sáp nhập toàn bộ 03 thôn An Trung, Mai Đàn, Đoàn Kết thành 01 thôn mới	512	
27	Thôn Mai Đàn	128			
28	Thôn Đoàn Kết	179			
29	Thôn Mai Lộc 2	145	Sáp nhập toàn bộ 03 thôn Mai Lộc 2, Đốc Kinh, Minh Chính thành 01 thôn mới	503	
30	Thôn Đốc Kinh	258			
31	Thôn Minh Chính	100			
32	Thôn Cam Lộ Phường	82	Sáp nhập toàn bộ 03 thôn: Cam Lộ Phường, Bảng Sơn, Bảng Đông thành 01 thôn mới	407	
33	Thôn Bảng Sơn	156			
34	Thôn Bảng Đông	169			
35	Thôn Phương An 1	138	Sáp nhập toàn bộ 03 thôn: Phương An 1, Phương An 2, Bảng Sơn 3 thành 01 thôn mới	501	
36	Thôn Phương An 2	202			
37	Thôn Bảng Sơn 3	161			
38	Thôn Cu Hoan	124	Sáp nhập toàn bộ 03 thôn: Cu Hoan, Nghĩa Phong, Định Sơn thành 01 thôn mới	419	
39	Thôn Nghĩa Phong	140			
40	Thôn Định Sơn	155			
41	Thôn Thượng Nghĩa	134	Sáp nhập toàn bộ 03 thôn: Thượng Nghĩa, Hoàn Cát và Ouât Xá Thương thành 01 thôn mới	378	
42	Thôn Hoàn Cát	159			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
43	Thôn Quật Xá Thượng	85			
13	XÃ HƯỚNG PHÙNG	2.924		2.924	
1	Thôn Xa Bai	110	Sáp nhập toàn bộ thôn Xa Bai và toàn bộ thôn Hoong Mới thành 01 thôn	290	Thôn thuộc địa bàn miền núi, vùng đồng bào DTTS, thôn ĐBK (Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh), ở địa bàn có giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thường bị cô lập vào mùa mưa lũ; không thể nhập thêm thôn khác vì từ điểm đầu thôn Xa Bai đến điểm cuối thôn Hoong Mới khoảng 12Km; diện tích tự nhiên thôn sau sáp nhập khoảng 80Km ²
2	Thôn Hoong Mới	180			
3	Thôn Miệt - Pa Công	90	Sáp nhập toàn bộ thôn Miệt - Pa Công và toàn bộ thôn Cooc thành 01 thôn	193	Thôn thuộc địa bàn miền núi, vùng đồng bào DTTS, thôn ĐBK (Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh), ở địa bàn có giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán, biệt lập; không thể sáp nhập thêm thôn khác vì khoảng cách từ điểm đầu thôn đến cuối thôn khoảng 6Km, diện tích tự nhiên thôn sau sáp nhập khoảng 20Km ²
4	Thôn Cooc	103			
5	Thôn Cát	113	Sáp nhập toàn bộ thôn Cát và toàn bộ thôn Trĩa thành 01 thôn	165	Thôn thuộc địa bàn miền núi, vùng đồng bào DTTS, thôn ĐBK (Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh), ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; điểm gần nhất từ thôn Trĩa đến thôn gần nhất là thôn Mới khoảng 9Km, đường đi lại khó khăn, cách trở, nhiều đoạn phải đi qua suối, khe, bị cô lập vào mùa mưa lũ
6	Thôn Trĩa	52			
7	Thôn Mới	66	Sáp nhập toàn bộ thôn Mới và toàn bộ thôn Hồ thành 01 thôn	162	Thôn thuộc địa bàn miền núi, vùng đồng bào DTTS, thôn ĐBK (Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh), ở địa bàn đặc biệt khó khăn, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán, không thể sáp nhập thêm thôn khác do địa bàn rộng do ngăn cách bởi các con suối lớn, ngầm, tràn mùa mưa lũ thường bị chia cắt, địa hình phức tạp, đồng thời từ thôn mới đến thôn Nguồn Rào - Pin khoảng cách khoảng 10Km
8	Thôn Hồ	96			
9	Thôn Ra Ly - Rào	150	Sáp nhập toàn bộ thôn Ra Ly - Rào và toàn bộ	300	Thôn thuộc địa bàn miền núi, vùng đồng bào DTTS, thôn ĐBK (Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh), ở địa bàn đặc biệt khó khăn, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; không thể sáp nhập thêm thôn khác vì điểm

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
10	Thôn Nguồn Rào - Pin	159	thôn Nguồn Rào - Pin thành 01 thôn	507	sinh sống phân tán; không thể sáp nhập thêm thôn khác vì điểm đầu của thôn từ Nguồn Rào - Pin đến điểm cuối thôn Ra Ly - Rào là hơn 10Km; thôn thường bị chia cắt vào mùa mưa lũ bởi các cầu tràn, suối
11	Miệt Cũ	86	Giữ nguyên	86	Thôn thuộc địa bàn miền núi, vùng đồng bào DTTS, thôn ĐBK (Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh), ở địa bàn đặc biệt khó khăn, thôn tái định cư, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán, biệt lập so với các thôn xung quanh, khoảng cách gần nhất đến thôn Cọp là 9Km; diện tích tự nhiên khoảng 22Km ²
12	Thôn Cọp	252	Sáp nhập toàn bộ thôn Cọp và toàn bộ thôn Cổ Nhồi thành 01 thôn	336	Thôn thuộc địa bàn miền núi, vùng đồng bào DTTS, thôn ĐBK (Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh), ở địa bàn đặc biệt khó khăn, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; không thể sáp nhập thêm thôn khác vì điểm cuối của thôn Cổ Nhồi đến trung tâm của thôn liền kề là thôn Hướng Choa khoảng 15Km
13	Thôn Cổ Nhồi	84			
14	Thôn Hướng Choa	79	Sáp nhập toàn bộ thôn Hướng Choa và toàn bộ thôn Phùng Lâm thành 01 thôn	200	Thôn thuộc địa bàn miền núi, vùng đồng bào DTTS, thôn ĐBK (Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh), ở địa bàn đặc biệt khó khăn, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán, biệt lập so với các thôn còn lại; thường xuyên bị ngăn cách khi mưa lũ; không thể sáp nhập thêm thôn khác vì diện tích tự nhiên rộng, chủ yếu đồi núi; điểm đầu thôn Phùng Lâm đến điểm cuối thôn Hướng Choa khoảng 11Km
15	Thôn Phùng Lâm	121			
16	Thôn Xa Ry	292	Sáp nhập toàn bộ thôn Xa Ry, toàn bộ thôn Hướng Phú và toàn bộ thôn Chênh Vên thành 01 thôn	491	
17	Thôn Hướng Phú	55			
18	Thôn Chênh Vên	144			
19	Thôn Bụt Việt	142	Sáp nhập toàn bộ thôn Bụt Việt, toàn bộ thôn Đại Độ và toàn bộ thôn Chên thành 01 thôn	326	Thôn thuộc địa bàn miền núi, vùng đồng bào DTTS, thôn ĐBK (Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh), ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn ở địa bàn thôn hiện có; duy chỉ có 3 thôn cùng nằm trên
20	Thôn Đại Độ	93			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
21	Thôn Cheng	91			Khuôn, ở địa bàn thôn biên giới, quy mô hộ gia đình nhỏ, một tuyến đường riêng biệt, đường biên giới tiếp giáp Lào
22	Thôn Doa Cù	118	Sáp nhập toàn bộ thôn Doa Cù, toàn bộ thôn Hướng Hải và toàn bộ thôn Mã Lai Pun thành 01 thôn	366	
23	Thôn Hướng Hải	46			
24	Thôn Mã Lai Pun	202			
14	XÃ HIẾU GIANG	7.650		7.650	
1	Thôn Vĩnh An	398	Giữ nguyên	398	
2	Thôn Bích Giang	355	Giữ nguyên	355	
3	Thôn Nam Hiếu	315	Sáp nhập toàn bộ thôn Nam Hiếu và toàn bộ thôn Vĩnh Đại thành 01 thôn mới	540	
4	Thôn Vĩnh Đại	225			
5	Thôn Định Xá	245	Sáp nhập toàn bộ thôn Định Xá, Mộc Đức, Trương Xá thành 01 thôn mới	565	
6	Thôn Mộc Đức	133			
7	Thôn Trương Xá	187			
8	Thôn Lâm Lang 1	132	Sáp nhập toàn bộ thôn Lâm Lang 1, Lâm Lang 2, Lâm Lang 3 thành 01 thôn mới	532	
9	Thôn Lâm Lang 2	175			
10	Thôn Lâm Lang 3	225			
11	Thôn Tam Hiệp	205	Sáp nhập toàn bộ thôn Tam Hiệp, Tân Xuân và KDC Thiện Chánh của thôn Thiện Chánh Thọ Xuân thành 01 thôn mới	390	
12	Thôn Tân Xuân	131			
13	KDC Thiện Chánh	54			
14	Thôn Cam Vũ 1	165	Sáp nhập toàn bộ thôn Cam Vũ 1, Cam Vũ 2, Cam Vũ 3, Nhật Lệ và KDC Thọ Xuân của thôn Thiện Chánh Thọ Xuân thành 01 thôn mới	634	
15	Thôn Cam Vũ 2	179			
16	Thôn Cam Vũ 3	145			
17	Thôn Nhật Lệ	103			
18	KDC Thọ Xuân	42			
19	Thôn An Mỹ	208	Sáp nhập toàn bộ thôn An Thái, An Mỹ, Tân Lập thành 01 thôn mới	415	
20	Thôn An Thái	103			
21	Thôn Tân Lập	104			
22	Thôn Bình Mỹ	167	Sáp nhập toàn bộ thôn Bình Mỹ, Ba Thung thành	388	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
23	Thôn Ba Thung	221	01 thôn mới	221	
24	Thôn Tân Hiệp	298	Sáp nhập toàn bộ thôn Tân Hiệp, Đâu Bình, Tân Quang, Tân Hòa thành 01 thôn mới	635	
25	Thôn Đâu Bình	108			
26	Thôn Tân Quang	59			
27	Thôn Tân Hòa	170			
28	Thôn Bản Chùa	104	Giữ nguyên	104	Thôn Bản Chùa là địa bàn sinh sống tập trung, lâu đời của 100% đồng bào dân tộc thiểu số (người Bru Vân Kiều). Thôn có phong tục tập quán, lối sống, tiếng nói và bản sắc văn hóa đặc trưng riêng biệt, được lưu giữ qua nhiều thế hệ. Việc giữ lại thôn Bản Chùa giúp duy trì không gian văn hóa, tín ngưỡng và phong tục tập quán đặc thù của đồng bào dân tộc thiểu số, tránh nguy cơ mai một bản sắc nếu phải sáp nhập vào các thôn (người Kinh) có sự khác biệt lớn về văn hóa, phong tục, tập quán. Mặt khác thôn có khoảng cách tương đối xa so với các thôn lân cận; việc giữ nguyên thôn Bản Chùa đảm bảo thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thuận lợi công tác tuyên truyền vận động, hội họp, sinh hoạt và tương tác của người dân với chính quyền. Thôn Bản Chùa có khoảng cách địa lý đến thôn liền kề gần nhất khoảng 03 km (tính theo đường giao thông hiện có). Diện tích thôn bản Chùa trên 220 ha, trong đó khu vực có người dân sinh sống tập trung của thôn khoảng 10 ha. Trường hợp thực hiện nhập thôn Bản Chùa với thôn liền kề thì khoảng cách từ hộ dân đầu thôn đến hộ dân cuối thôn sau khi sáp nhập khoảng 08 km, gây khó khăn cho công tác quản lý, điều hành của thôn cũng như việc tham gia các hoạt động cộng đồng của người dân.
29	Thôn Phú Ngạn	217	Sáp nhập toàn bộ thôn Phú Ngạn, Cam Lộ thành 01 thôn mới	418	
30	Thôn Cam Lộ	201			
31	Thôn An Bình	401	Giữ nguyên	401	
32	Thôn Phở Lại	337	Sáp nhập toàn bộ thôn Phở Lại, An Thạch thành 01 thôn mới	530	
33	Thôn An Thạch	193			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
34	Thôn Kim Đâu	534	Sáp nhập toàn bộ thôn Kim Đâu, Phi Thừa thành 01 thôn mới	619	
35	Thôn Phi Thừa	85			
36	Thôn Mỹ Xuân	179	Sáp nhập toàn bộ thôn Mỹ Xuân, Phú Hậu thành 01 thôn mới	324	Thôn Mỹ Xuân và Phú Hậu nếu sáp nhập thiếu 26 hộ so với quy định số hộ tối thiểu. Tuy nhiên thực tế địa bàn, các thôn lân cận với 2 thôn trên nếu sáp nhập thêm để đủ tiêu chí thì địa bàn rộng nhưng chia cắt, không đồng nhất, rất khó khăn trong quản lý điều hành. Thôn nằm dọc theo quốc lộ 1A, thuận lợi trong phát triển kinh tế dự báo trong thời gian tới số hộ dân tăng đảm bảo tiêu chí. Để đủ tiêu chí về số hộ, nếu nhập thêm 02 thôn (Trúc Kinh, Trúc Khê là 2 thôn liền kề giáp xã Gio Quang) số lượng sau sáp nhập trên 700 hộ; Địa bàn các thôn có chiều dài trải rộng nhiều địa hình như gò đồi, đồng bằng, vùng thấp trũng, nhiều tuyến giao thông và khu dân cư phân tán (18 xóm); Khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn sau sắp xếp khoảng hơn 05 km. gây khó khăn cho công tác điều hành của Ban thôn và Mặt trận và các tổ chức đoàn thể; khó khăn trong hội họp và tổ chức các hoạt động cộng đồng của người dân.
37	Thôn Phú Hậu	145			
38	Thôn Trúc Kinh	220	Sáp nhập toàn bộ thôn Trúc Kinh, Trúc Khê thành 01 thôn mới	402	
39	Thôn Trúc Khê	182			
15	XÃ LA LAY	1.983		1.983	
1	Thôn Ty Nê	107	Sáp nhập toàn bộ thôn Ty Nê, Cu Tài 1, Cựp, A Luông thành 01 thôn mới	435	
2	Thôn Cu Tài 1	189			
3	Thôn Cựp	76			
4	Thôn A Luông	63			
5	Thôn A Ngo	157	Sáp nhập toàn bộ thôn A Ngo, A La, Kỳ Neh thành 01 thôn mới	397	
6	Thôn A La	118			
7	Thôn Kỳ Neh	122			
8	Thôn A Bung	144	Sáp nhập toàn bộ thôn A Bung, Pire1 và Pire 2 thành 01 thôn mới	412	
9	Thôn Pire 1	124			
10	Thôn Pire 2	144			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
11	Thôn La Lay	82	Sáp nhập toàn bộ thôn La Lay, A Đeng và La Hót thành 01 thôn mới	351	
12	Thôn A Đeng	185			
13	Thôn La Hót	84			
14	Thôn A Rông Trên	93	Sáp nhập toàn bộ thôn A Rông Trên, A Rông Dưới và Cu Tài 2 thành 01 thôn mới	388	
15	Thôn A Rông Dưới	180			
16	Thôn Cu Tài 2	115			
16	XÃ HƯỚNG LẬP	827		827	
1	Thôn Tà Rùng	93	Sắp xếp thôn Tà Rùng: 93 hộ, Thôn Ka Tiêng: 83 hộ, Thôn Xà Đung: 144 hộ và khu vực Tà Puông (thuộc thôn Trắng - Tà Puông): 30 hộ, thành 01 thôn	350	
2	Thôn Ka Tiêng	83			
3	Thôn Xà Đung	144			
4	Thôn Trắng - Tà Puông (khu vực Tà Puông)	30			
5	Thôn Trắng - Tà Puông (khu vực Trắng)	51	Sắp xếp Khu vực Trắng (Phần còn lại) thuộc thôn Trắng - Tà Puông 51 hộ, toàn bộ Thôn A Xóc - Cha Lý: 92 hộ, thành 01 thôn	143	Sau sắp xếp, thôn mới có 143 hộ, đạt 40,9% tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình theo quy định. Mặc dù chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình, nhưng đây là phương án phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Địa bàn thôn trải dài, dân cư sinh sống phân tán, địa hình đồi núi chia cắt, khoảng cách từ đầu đến cuối địa bàn lớn, giao thông đi lại khó khăn. Nếu tiếp tục sáp nhập với thôn khác để bảo đảm tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình sẽ hình thành đơn vị có diện tích quá rộng chiều dài thôn khoảng 27 km, gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động cộng đồng. Đây là khu vực có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh vùng biên giới, cần xem xét áp dụng yếu tố đặc thù theo quy định.
6	Thôn A Xóc - Cha Lý	92			
7	Thôn Tri	56	Sắp xếp thôn Tri: 56 hộ, thôn Cựp - Cuôi: 60 hộ,	116	Sau sắp xếp, thôn mới có 116 hộ, đạt 33,1% tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình theo quy định. Thôn thuộc địa bàn miền núi, biên giới đặc biệt khó khăn; địa hình hiểm trở, bị chia cắt bởi nhiều khe suối, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, sạt lở đất và lũ quét vào mùa mưa. Dân cư phân bố không tập trung, khoảng cách

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
8	Thôn Cựp - Cuôi	60	thành 01 thôn	110	giữa các cụm dân cư lớn từ cụm dân cư này đến cụm dân cư khác khoảng 17 km. Việc tiếp tục sáp nhập với các thôn khác sẽ làm tăng quy mô địa bàn quản lý, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của thôn và việc tiếp cận các dịch vụ công của người dân. Do đó cần xem xét áp dụng yếu tố đặc thù theo quy định.
9	Thôn Cù Bai	143	Sắp xếp thôn Sê Pu - Tà Păng: 75 hộ, thôn Cù Bai: 143 hộ, thành 01 thôn	218	Sau sắp xếp, thôn mới có 218 hộ, đạt 62,3% tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình theo quy định. Đây là phương án phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, bảo đảm sự gắn kết cộng đồng dân cư và thuận lợi cho công tác quản lý. Tuy nhiên, địa bàn thôn rộng, dân cư sinh sống phân tán, nhiều khu vực cách xa trung tâm thôn, từ đầu thôn đến cuối thôn khoảng 18km; giao thông đi lại khó khăn do địa hình đồi núi và nhiều khe suối. Khu vực tiếp giáp biên giới Việt Nam - Lào, có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh và đối ngoại biên giới. Vì vậy, cần xem xét áp dụng các yếu tố đặc thù theo quy định để bảo đảm ổn định tổ chức và hiệu quả quản lý địa bàn.
10	Thôn Sê Pu-Tà Păng	75			
17	XÃ BA LÒNG	1.335		1.335	
1	Thôn 5	104	Sáp nhập toàn bộ Thôn 5 và toàn bộ thôn Tà	101	<ul style="list-style-type: none"> - Địa bàn cách biệt, diện tích rộng, thuộc địa bàn xã Hải Phúc cũ trước khi sáp nhập, điều kiện đi lại vẫn còn nhiều khó khăn, từ cụm dân cư đầu đến cuối thôn là 6 km và nếu nhập thêm Hà Lương thì khoảng cách quá xa 13 km. - Địa bàn cách biệt các thôn khác do ngập lụt, mùa mưa hàng năm có đến 8-10 lần ngập lụt, chia cắt. - Thôn 5 và thôn Tà Lang là thôn dân tộc thiểu số và là thôn đặc biệt khó khăn. Người dân trên địa bàn có sự tương đồng về điều kiện sinh hoạt, phong tục, tập quán và đặc điểm cộng đồng dân cư, trong đó chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số từ xã Hải Phúc

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
2	Thôn Tà Lang	87	Lang thành 01 thôn mới	121	cũ, các thôn xung quanh là người kinh nên nhập tiếp nói sẽ không phù hợp phong tục, tập quán. - Là khu vực bố trí tái định cư cho các hộ dân thôn Tân Xá bị ngập lụt từ đó sẽ tăng số hộ dân đảm bảo theo tiêu chuẩn. - Định hướng quy hoạch phát triển khu thương mại – dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp gắn với chợ nông thôn, điểm trung chuyển hàng hóa, nông sản và các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư. Vì vậy, việc tiếp tục sáp nhập với các thôn khác sẽ không bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn, tổ chức sinh hoạt cộng đồng, cũng như giữ gìn an ninh, trật tự tại địa phương.
3	Thôn Tân Xá	219	Sáp nhập toàn bộ Thôn Tân Xá và toàn bộ thôn Đá Nổi thành 01 thôn mới	362	
4	Thôn Đá Nổi	143			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
5	Thôn Hà Lương	209	Giữ nguyên	209	<p>- Địa bàn thôn nằm biệt lập, thấp trũng, thường xuyên chịu ảnh hưởng của mưa lũ và bị chia cắt cục bộ các khu vực, sẽ chia cắt thường xuyên 20-25 đợt bởi các điểm tràn thường bị chia cắt và mùa mưa như Cầu Thủ Lụ, cầu Khe Vò, cầu Tà Lang...; thôn có dân cư phân tán, khoảng cách 6km, nếu nhập thôn Mai Sơn thì khoảng cách khu dân cư 15km.</p> <p>- Khu vực bố trí tái định cư cho thôn Đá Nổi (vùng thấp lệt), khi đó dân cư sẽ tăng lên trong thời gian tới sẽ đảm bảo theo tiêu chuẩn.</p> <p>- Thôn Hà Lương có 02 địa danh lịch sử quan trọng thuộc Cụm Di tích Chiến khu Ba Lòng là Khe Cây và Cồn Vò. Nơi đây là "trái tim kháng chiến" trong thời kỳ chống Pháp, là căn cứ bảo đảm an toàn cho các cơ quan đầu não của Tỉnh ủy và Ủy ban Kháng chiến Bình Trị Thiên</p> <p>- Thôn Hà Lương chính là căn cứ địa lịch sử, nơi Tỉnh ủy Quảng Trị từng rút về đóng trụ sở để lãnh đạo kháng chiến. Giai đoạn lịch sử: Năm 1947, Tỉnh ủy Quảng Trị quyết định rút lực lượng vào Ba Lòng xây dựng Chiến khu cách mạng.</p>

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)		
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ			
6	Thôn Mai Sơn	194	Giữ nguyên Thôn Mai Sơn và nhập 1 phần thôn Na Năm	206	<p>- Địa bàn thôn Mai Sơn nằm biệt lập so với các thôn lân cận, điều kiện giao thông đi lại còn nhiều khó khăn, mùa mưa lụt có từ 15-20 đợt ngập lụt, chia cắt các ngằm tràn; chiều dài địa bàn từ đầu đến cuối thôn 7 km, nếu nhập thôn Hà Lương khoảng cách 15km.</p> <p>- Người dân đã sinh sống ổn định lâu dài, có sự gắn kết chặt chẽ trong đời sống cộng đồng và chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số.</p> <p>- Thôn Mai Sơn Định hướng quy hoạch trung tâm hành chính công của xã, bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính và phục vụ Nhân dân.</p> <p>- Thôn Mai Sơn là thôn dân tộc thiểu số và là thôn đặc biệt khó khăn, cách biệt thôn xung quanh. Đồng thời, đây là khu vực quy hoạch bố trí tái định cư cho thôn Triệu Nguyên (tên thôn mới), trong thời gian tới sẽ đảm bảo hộ dân theo quy định</p> <p>- Thôn Mai Sơn có di tích lịch sử trọng điểm Khe Cau là một địa danh nằm trong Chiến khu Ba Lòng. Nơi đây nổi tiếng là căn cứ địa vững chắc trong kháng chiến và là nơi diễn ra lễ ra mắt Phân khu Bình - Trị - Thiên vào năm 1948.</p> <p>Vì vậy, việc tiếp tục sáp nhập với các thôn khác sẽ gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý địa bàn, tổ chức hội họp, sinh hoạt cộng đồng cũng như bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương.</p>		
7	1 phần của thôn Na Năm (thôn Vạn Na Năm cũ)	12				8	Thôn Xuân Lâm
			9	1 phần của thôn Na Năm (thôn Na Năm cũ)	165		
18	XÃ KHE SANH	6.252			6.252		
1	Thôn 1	558	Giữ nguyên	558			
2	Thôn 2	531	Giữ nguyên	531			
3	Thôn 3A	593	Giữ nguyên	593			
4	Thôn 3B	459	Giữ nguyên	459			
5	Thôn 4	461	Giữ nguyên	461			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
6	Thôn Xa Rường	35	Giữ nguyên	35	<p>Thôn Xa Rường với 100% là người DTTS, với 35 hộ, 188 nhân khẩu và có diện tích tự nhiên 11km², quy mô dân số 17 người/km², là thôn đặc biệt khó khăn của xã Khe Sanh, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo chiếm 51,42%, thôn có vị trí giáp ranh duy nhất với thôn Xa Re, khoảng cách từ hộ dân cuối cùng của thôn Xa Re đến hộ dân đầu tiên của thôn Xa Rường cách nhau khoảng 8.5km, hiện trạng đường GTNT đi lại 100% bằng đường đất, đồi núi dốc nhiều khe suối, mùa mưa lũ bị chia cắt cô lập hoàn toàn, dân cư sống phân tán biệt lập nên không thể sáp nhập với thôn khác được.</p> <p>- Nếu sáp nhập với thôn Xa Re thì khoảng cách giữa thôn Xa Rường và trung tâm thôn mới khoảng 9km, đường GT đi lại khó khăn; ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của nhân dân, đặc biệt là phong tục tập quán sinh hoạt cộng đồng của người đồng bào DTTS.</p> <p>- Công tác quản lý của Thôn mới gặp rất nhiều khó khăn vì khoảng cách giữa các khu dân cư Thôn mới quá xa, đường giao thông đi lại, đặc biệt vào mùa mưa bão.</p>
7	Thôn Tân Xuyên	585	Giữ nguyên	585	
8	Thôn Ho Le	41	Giữ nguyên	41	<p>Thôn Ho Le với 100% là người DTTS, với 41 hộ 218 nhân khẩu và có diện tích tự nhiên 7,15km², quy mô dân số 30người/km², là thôn đặc biệt khó khăn của xã Khe Sanh, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo chiếm 65,85%, nhân dân sống phân tán biệt lập, không có thôn giáp ranh. Nếu sáp nhập với thôn gần nhất là thôn Húc Thượng thì khoảng cách từ hộ dân cuối cùng của thôn Húc Thượng đến hộ dân đầu tiên của thôn Ho Le cách nhau khoảng 5,0km, hiện trạng đường GTNT đi lại 100% bằng đường đất, đồi núi dốc nhiều khe suối, mùa mưa lũ bị chia cắt, cô lập hoàn toàn.</p> <p>- Nếu sáp nhập với thôn khác thì khoảng cách giữa thôn Ho Le và trung tâm thôn mới quá xa khoảng 8km; ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của nhân dân, đặc biệt là phong tục tập quán của người đồng bào DTTS.</p> <p>- Công tác quản lý của Thôn mới gặp rất nhiều khó khăn vì khoảng cách giữa các khu dân cư thôn mới quá xa, đường giao thông đi lại, không thuận lợi đặc biệt vào mùa mưa bão.</p>

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
9	Thôn Ta Cu	59	Giữ nguyên	59	<p>Thôn Ta Cu với 100% là người DTTS, với 59 hộ 328 nhân khẩu và có diện tích tự nhiên 9,8km², quy mô dân số 33người/km², là thôn đặc biệt khó khăn của xã Khe Sanh, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo chiếm 76,27%, nhân dân sống phân tán biệt lập. Nếu sáp nhập với thôn gần nhất là thôn Cu Đông thì khoảng cách từ hộ dân cuối cùng của thôn Cu Đông đến hộ dân đầu tiên của thôn Ta Cu cách nhau khoảng 7,5km, hiện trạng đường GTNT đi lại 100% bằng đường đất, đồi núi dốc nhiều khe suối, mùa mưa lũ bị chia cắt, cô lập hoàn toàn.</p> <p>- Nếu sáp nhập với thôn khác thì khoảng cách giữa thôn Ta Cu và trung tâm thôn mới quá xa khoảng 9km; ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của nhân dân, đặc biệt là phong tục tập quán của người đồng bào DTTS.</p> <p>- Công tác quản lý của Thôn mới gặp rất nhiều khó khăn vì khoảng cách giữa các khu dân cư Thôn mới xa nhau, đường giao thông đi lại, không thuận lợi đặc biệt vào mùa mưa bão.</p>
10	Thôn 5	237	Sáp nhập toàn bộ Thôn 5 và toàn bộ Thôn 6 thành 01 thôn mới	462	
11	Thôn 6	225			
12	Tân Vĩnh	106	Sáp nhập toàn bộ Thôn Tân Vĩnh, Thôn Xa Re, thôn Ruộng và thôn 7 thành 01 thôn mới	475	
13	Xa Re	123			
14	Thôn Ruộng	149			
15	Thôn 7	97			
16	Tân Linh	116	Sáp nhập toàn bộ Thôn Tân Linh, thôn Trầm, thôn Cửa thành 01 thôn mới	467	
17	Thôn Trầm	229			
18	Thôn Cửa	122			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)			
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ				
19	Thôn Hoà Thành	102	Sáp nhập toàn bộ Thôn Quyết Tâm và toàn bộ thôn Hoà Thành thành 01 thôn mới	342	<p>Hiện trạng: - Thôn Quyết Tâm (240 hộ, diện tích 5,25km²) có vị trí giáp thôn Tân Xuyên (580 hộ, diện tích 6,65km²) và thôn 1 (558 hộ, 1,95km²).</p> <p>- Thôn Hoà Thành (102 hộ, 3,6km²) giáp thôn Trầm (229 hộ, 9,4km²) và thôn Tân Vĩnh (106 hộ, 2,26km²). Cụ thể:</p> <p>- Nếu sáp nhập thôn Quyết Tâm vào thôn Tân Xuyên thì dân số đông 820 hộ, diện tích 10,25km². Nếu sáp nhập vào thôn 1 thì dân số đông 798 hộ, diện tích 7,2km².</p> <p>- Nếu thôn Quyết Tâm và thôn Hoà Thành sáp nhập vào các thôn Trầm, Tân Linh và thôn Cửa thì dân số đông 809 hộ, diện tích 25,07km².</p> <p>Do đó, đề xuất phương án sáp nhập thôn Quyết Tâm và Hoà Thành 342 hộ, diện tích 8,85km². Mặc dù quy mô sau sáp nhập đạt 342 hộ, thấp hơn tiêu chí 350 hộ không đáng kể (08 hộ, tương đương khoảng 2,3%), nhưng phương án này là tối ưu, bảo đảm sự ổn định dân cư, thuận lợi trong quản lý nhà nước, giữ gìn sự đoàn kết cộng đồng và phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.</p>			
20	Thôn Quyết Tâm	240				21	Thôn Tà Đủ	48
			22	Thôn Lương Lễ	325	23	Thôn Ta Ri 2	49
			Sáp nhập toàn bộ Thôn Ta Ri 2, thôn Ván Ri và toàn bộ thôn Húc Thượng thành 01 thôn mới	418		24	Thôn Ván Ri	217
						25	Thôn Húc Thượng	152
						26	Thôn Ta Núc	114
			Sáp nhập toàn bộ Thôn Ta Núc, thôn Ta Rừng và toàn bộ thôn Cu Đông thành 01 thôn mới	393		27	Thôn Ta Rừng	173
						28	Thôn Cu Đông	106
19	XÃ TÀ RỤT	2.522						2.522

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
1	Thôn Cự	107	Giữ nguyên thôn Cự	107	(1) Xét về vị trí địa lý: Thôn Cự tiếp giáp với thôn A Pul và thôn La Tó. Tuy nhiên, thứ nhất, thôn Cự ngăn cách với thôn A Pul bởi đồi núi rất cao, khe suối sâu, chia cắt hoàn toàn vào mùa mưa lũ và không có tuyến đường kết nối giữa hai thôn này. Thứ 2, thôn Cự cách thôn La Tó hơn 10 km, chỉ có 01 tuyến đường duy nhất kết nối giữa thôn Cự với thôn La Tó, mặt khác, tuyến đường này có nguy cơ chia cắt hoàn toàn vào mùa mưa lũ. (2) Xét về đặc điểm dân cư: Dân cư sinh sống phân tán, các cụm dân cư trong thôn sống cách xa nhau, có điểm lên đến 4 - 5km. Điểm xa nhất của thôn Cự cách thôn La Tó hơn 13 km. Do đó, không thể sáp nhập thôn Cự với thôn La Tó. Xét từ vị trí địa lý và những yếu tố đặc thù trên, không phù hợp thực hiện sáp nhập thêm dân cư nhằm đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn.
2	Thôn La Tó	103	Sáp nhập toàn bộ thôn La Tó, thôn Húc Nghi và thôn 37 thôn thành 01 thôn mới	336	336/350 hộ gia đình. Đạt 96,00 % so với tiêu chuẩn. (1) Xét về vị trí địa lý: Thôn Cự cách thôn La Tó hơn 10 km, chỉ có 01 tuyến đường duy nhất kết nối giữa thôn Cự với thôn La Tó, mặt khác, tuyến đường này có nguy cơ chia cắt hoàn toàn vào mùa mưa lũ. Điểm xa nhất của thôn Cự cách thôn La Tó hơn 13 km. Do đó, không thể sáp nhập thôn Cự với thôn La Tó. (2) Xét từ vị trí địa lý và những yếu tố đặc thù trên, không phù hợp thực hiện sáp nhập thêm dân cư nhằm đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn.
3	Thôn Húc Nghi	184			
4	Thôn 37	49			
5	Thôn A Liêng	231	Sáp nhập toàn bộ thôn A Liêng với thôn Vực Leng thành 01 thôn mới	363	
6	Thôn Vực Leng	132			
7	Thôn A Đăng	237	Sáp nhập toàn bộ thôn A Đăng với thôn A Pul thành 01 thôn mới	453	
8	Thôn A Pul	216			
9	Thôn Tà Rụt 1	217	Sáp nhập toàn bộ thôn Tà Rụt 1, thôn Tà Rụt 2 và thôn Tà Rụt 3 thành 01 thôn mới	489	
10	Thôn Tà Rụt 2	151			
11	Thôn Tà Rụt 3	121			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
12	Thôn Tân Đi 1	93	Sáp nhập toàn bộ thôn Tân Đi 1, thôn Tân Đi 3 thành 01 thôn mới	223	223/350 hộ gia đình. Đạt 63,71 % so với tiêu chuẩn. (1) Xét về vị trí địa lý: Thôn Tân Đi 3 tiếp giáp với thôn Pa Ling và Thôn Tân Đi 2; Thôn Tân Đi 1 tiếp giáp với thôn A Vao và thôn Tân Đi 2. Tuy nhiên, thứ nhất, thôn Pa Ling cách thôn Tân Đi 3 hơn 15 km, chỉ có 01 tuyến đường duy nhất kết nối giữa Thôn Pa Ling với thôn Tân Đi 3, mặt khác, tuyến đường này có nguy cơ chia cắt hoàn toàn vào mùa mưa lũ. Thứ hai, thôn Tân Đi 3 ngăn cách với thôn Tân Đi 2 bởi đồi núi rất cao, khe suối sâu, chia cắt hoàn toàn vào mùa mưa lũ và không có tuyến đường kết nối giữa hai thôn này. Thứ 3, thôn Tân Đi 1 ngăn cách với thôn Tân Đi 2 bởi đồi núi rất cao, khe suối sâu, chia cắt hoàn toàn vào mùa mưa lũ và không có tuyến đường kết nối giữa hai thôn này. Thứ tư, thôn Tân Đi 1 cách thôn ngăn cách với thôn A Vao bởi đồi núi rất cao, khe suối sâu, chia cắt hoàn toàn vào mùa mưa lũ và không có tuyến đường kết nối giữa hai thôn này (2) Xét về đặc điểm dân cư: Dân cư sinh sống phân tán, các cụm dân cư trong thôn sống cách xa nhau, có điểm lên đến 4-5km. Xét từ vị trí địa lý và những yếu tố đặc thù trên, không phù hợp thực hiện sáp nhập thêm dân cư thôn Pa Ling hoặc thôn Tân Đi 2 hoặc thôn A Vao vào thôn Tân Đi 3 và thôn Tân Đi 1 nhằm đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn.
13	Thôn Tân Đi 3	130			
14	Thôn Pa Ling	172	Giữ nguyên	172	(1) Xét về vị trí địa lý: Thôn Pa Ling tiếp giáp với thôn Tân Đi 3 và Thôn Tân Đi 2. Tuy nhiên, thứ nhất, thôn Pa Ling ngăn cách với thôn Tân Đi 2 bởi đồi núi rất cao, khe suối sâu, chia cắt hoàn toàn vào mùa mưa lũ và không có tuyến đường kết nối giữa hai thôn này; thứ 2, thôn Pa Ling cách thôn Tân Đi 3 hơn 15 km, chỉ có 01 tuyến đường duy nhất kết nối giữa Thôn Pa Ling với thôn Tân Đi 3; mặt khác, tuyến đường này có nguy cơ chia cắt vào mùa mưa lũ. (2) Xét về đặc điểm dân cư: Dân cư sinh sống phân tán, các cụm dân cư trong thôn sống cách xa nhau, có điểm lên đến 4-5km. Điểm xa nhất của thôn Pa Ling cách thôn Tân Đi 3 hơn 18 km. Do đó, không thể sáp nhập thôn Pa Ling với thôn Tân Đi 3. Xét từ vị trí địa lý và những yếu tố đặc thù trên, không phù hợp thực hiện sáp nhập thêm dân cư để đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn.

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
15	Thôn Tân Đi 2	56	Sáp nhập toàn bộ thôn A Vao, thôn Tân Đi 2 và thôn Ra Ró thành 01 thôn mới	379	
16	Thôn A Vao	198			
17	Thôn Ra Ró	125			
20	XÃ ĐAKRÔNG	3.299		3.299	
1	Thôn Làng Cát	232	Sáp nhập toàn bộ thôn Làng Cát và 38 hộ gia đình của cụm dân cư tại điểm A Tong, thuộc thôn Vùng Kho thành một thôn mới	270	- 270/350 hộ gia đình, đạt 77,15% so với tiêu chuẩn. (1) Xét về vị trí địa lý: chi tiếp giáp duy nhất 1 thôn thuộc xã Đakrông là thôn Vùng Kho. (2) Xét về đặc điểm dân cư: Dân cư sinh sống phân tán, các cụm dân cư trong thôn sống cách xa nhau, có điểm lên đến 4-5km. Điểm xa nhất thôn Làng Cát đến thôn Vùng Kho khoảng 7km (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Địa hình đồi núi, sông ngòi cách trở. Một số điểm thường xuyên bị chia cắt vào mùa mưa lũ. (4) Xét về yếu tố Văn hóa - Xã hội, Chính trị - An ninh - Quốc phòng: thôn Làng Cát là địa bàn thuộc khu vực phòng thủ cấp xã, nằm trong khu vực phức tạp loại III về ma túy. Chính vì vậy, cần chú trọng công tác bảo đảm công tác Trật tự - an toàn xã hội. Bên cạnh đó, đây là thôn đã được quy hoạch phát triển du lịch cộng đồng. Xét từ vị trí địa lý và những yếu tố đặc thù trên, không phù hợp thực hiện sáp nhập thêm dân cư nhằm đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn.
2	Cụm dân cư tại điểm A Tong thuộc thôn Vùng Kho	38			
3	Thôn Vùng Kho (không tính cụm dân cư tại điểm A Tong)	272	Sáp nhập 272 hộ của thôn Vùng Kho và 155 hộ gia đình thôn Klu thành một thôn mới	427	
4	Thôn Klu (không tính cụm dân cư tại điểm kinh tế mới thuộc thôn Klu)	155			
5	Cụm dân cư tại điểm kinh tế mới thuộc thôn KLu	32	Sáp nhập 32 hộ gia đình thuộc thôn Klu và toàn bộ thôn Khe Ngải, Chân Rò thành thôn mới	472	
6	Thôn Khe Ngải	218			
7	Thôn Chân Rò	222			
8	Thôn Xa Lãng	125			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
9	Thôn Pa Tầng	102	Sáp nhập toàn bộ thôn Xa Lãng, Pa Tầng, Tà Lêng thành thôn mới	360	
10	Thôn Tà Lêng	133			
11	Thôn Ra Lây	218	Sáp nhập toàn bộ thôn Ra Lây và Ba Nang thành thôn mới	352	
12	Thôn Ba Nang	134			
13	Thôn Đá Bàn	102	Sáp nhập toàn bộ thôn Đá Bàn và thôn Sa Trầm thành thôn mới	226	<p>- 226/350 hộ gia đình. Đạt 64,57% so với tiêu chuẩn. (1) Xét về vị trí địa lý: thôn Sa Trầm tiếp giáp liền kề với 02 thôn thuộc xã Đakrông là Ra Poong, Đá Bàn. Thôn Đá Bàn tiếp giáp liền kề với 02 thôn thuộc xã Đakrông là thôn Sa Trầm và thôn Ba Nang. (2) Xét về đặc điểm dân cư: sinh sống phân tán. Khoảng cách xa nhất giữa các cụm dân cư trong thôn Sa Trầm có điểm lên đến 7km. Khoảng cách xa nhất giữa các cụm dân cư sống trong thôn Đá Bàn khoảng 4km. Khoảng cách tính từ các cụm dân cư giữa các thôn liền kề cụ thể như sau: thôn Sa Trầm đến thôn Ra Poong khoảng 10km; từ thôn Sa Trầm đến thôn Đá Bàn khoảng 7km. Từ thôn Đá Bàn đến thôn Ba Nang khoảng 7km (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Thôn Sa Trầm và thôn Đá Bàn đều có địa hình đồi núi cách trở, giao thông đi lại giữa các thôn phải qua sông, qua suối rất khó khăn, phức tạp. Đặc biệt thường xuyên chia cắt vào mùa mưa lũ. (4) Xét về yếu tố Văn hóa - Xã hội, Chính trị - An ninh - Quốc phòng: thôn Sa Trầm là thôn Biên giới, trọng điểm Quốc phòng an ninh, có Cửa khẩu phụ Cóc. Vì vậy, cần tập trung công tác bảo vệ chủ quyền Biên giới lãnh thổ Quốc gia. Xét vị trí địa lý và các yếu tố đặc thù nêu trên, không phù hợp thực hiện sáp nhập thêm dân cư nhằm đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn.</p>
14	Thôn Sa Trầm	124			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
15	Thôn Ra Poong	185	Sáp nhập toàn bộ thôn Ra Poong và thôn Chai thành một thôn mới	266	- 266/350 hộ gia đình. Đạt 76% so với tiêu chuẩn. (1) Xét vị trí địa lý. Thôn Ra Poong tiếp giáp liền kề với 04 thôn thuộc xã Đakrông là: Chai, Sa Trâm, Ngược và Ra Lây. Thôn Chai tiếp giáp liền kề với 02 thôn là: Ra Poong và Xi Pa. (2) Xét về đặc điểm dân cư: sinh sống phân tán. Khoảng cách xa nhất giữa các cụm dân cư sống trong thôn Ra Poong khoảng 10km. Khoảng cách xa nhất giữa các cụm dân cư sinh sống trong thôn Chai khoảng 2 km. Khoảng cách xa nhất giữa các cụm dân cư giữa các thôn liền kề như sau: từ thôn Ra Poong đến thôn Chai khoảng 5km, đến thôn Ngược khoảng 12 km, Ra Lây khoảng 6km, thôn Chai đến thôn Xi Pa khoảng 4km (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Địa hình đồi núi cách trở, sông suối phức tạp và đặc biệt, thường xuyên chia cắt vào mùa mưa lũ. (4) Xét về yếu tố Văn hóa - Xã hội, Chính trị - An ninh - Quốc phòng: thôn Ra Poong là thôn Biên giới, trọng điểm Quốc phòng an ninh, cần chú trọng công tác bảo vệ chủ quyền Biên giới lãnh thổ Quốc gia. Xét vị trí địa lý và các yếu tố đặc thù nêu trên, không phù hợp thực hiện sáp nhập thêm dân cư nhằm đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn.
16	Thôn Chai	81			
17	Thôn Trại Cá	208			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)			
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ				
18	Thôn Pa Hy	211	Sáp nhập toàn bộ thôn Pa Hy và Tà Lao thành thôn mới	321	- 321/350 hộ gia đình. Đạt 91,71% so với tiêu chuẩn. (1) Xét về vị trí địa lý: thôn Pa Hy tiếp giáp liền kề với 03 thôn thuộc xã Đakrông là thôn Trại Cá, Ly Tôn, Tà Lao. Thôn Tà Lao chỉ tiếp giáp liền kề với 01 thôn thuộc xã Đakrông là thôn Pa Hy. (2) Xét về đặc điểm dân cư: sinh sống phân tán. Khoảng cách xa nhất giữa các cụm dân cư trong thôn Pa Hy khoảng 5km. Khoảng cách xa nhất giữa các cụm dân cư trong thôn Tà Lao khoảng 7km. Khoảng cách tính từ các cụm dân cư giữa các thôn liền kề cụ thể như sau: từ thôn Pa Hy đến Trại Cá khoảng 10km, từ Pa Hy đến Ly Tôn khoảng 6km, từ Pa Hy đến Tà Lao khoảng 8km. (3) Xét về điều kiện tự nhiên: 02 thôn đều có địa hình đồi núi cách trở, sông suối phức tạp, đặc biệt thường xuyên bị chia cắt vào mùa mưa lũ. Xét vị trí địa lý và các yếu tố đặc thù nêu trên, không phù hợp thực hiện sáp nhập thêm dân cư nhằm đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn.			
19	Thôn Tà Lao	110				20	Thôn Ly Tôn	205
21	Thôn Xi Pa	49						

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
22	Thôn Ngược	52	Sáp nhập toàn bộ thôn Ngược và thôn Pa Ngày thành thôn mới	143	<p>- 143/350 hộ gia đình. Đạt 40,86% so với tiêu chuẩn. Xét về vị trí địa lý: Thôn Ngược tiếp giáp liền kề với 02 thôn thuộc xã Đakrông là thôn Ra Poong và thôn Pa Ngày. Thôn Pa Ngày tiếp giáp liền kề với 03 thôn thuộc xã Đakrông là thôn Ly Tôn và Ngược và Xi Pa. (2) Xét về đặc điểm dân cư: sinh sống phân tán. Khoảng cách xa nhất các cụm dân cư trong thôn Ngược 2km. Khoảng cách xa nhất các cụm dân cư trong thôn Pa Ngày 10km (cụm dân cư điểm Khe Ruông),. Khoảng cách từ thôn Ngược đến các thôn liền kề như sau: đến điểm xa nhất của thôn Ra Poong khoảng 10km, và thôn Ra Poong cũng là thôn Biên giới, trọng điểm Quốc phòng an ninh; đến điểm xa nhất của thôn Pa Ngày khoảng 1 km. Khoảng cách từ thôn Pa Ngày đến thôn Ly Tôn khoảng 6km, khoảng cách từ Pa Ngày đến Xi Pa khoảng 15km. (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Địa hình đồi núi cách trở, qua sông qua suối rất phức tạp, có điểm dân cư về trung tâm thôn phải vượt qua 11 con suối. (4) Xét về yếu tố Văn hóa - Xã hội, Chính trị - An ninh - Quốc phòng: 02 thôn đều là thôn Biên giới, trọng điểm Quốc phòng - An ninh cần tập trung công tác bảo vệ chủ quyền Biên giới lãnh thổ Quốc gia. Xét vị trí địa lý và các yếu tố đặc thù nêu trên, không phù hợp thực hiện sáp nhập thêm dân cư nhằm đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn.</p>
23	Thôn Pa Ngày	91			
1	Thôn Thuận 1	133	Sáp nhập toàn bộ thôn Thuận 1, Thuận 2, Thuận 3, Thuận 4 thành 01 thôn mới	447	
2	Thôn Thuận 2	104			
3	Thôn Thuận 3	95			
4	Thôn Thuận 4	115			
5	Thôn Thuận 5	145	Sáp nhập toàn bộ thôn Thuận 5, Thuận Hòa, Bản 7, Úp Ly II thành 01 thôn mới	355	
6	Thôn Thuận Hòa	50			
7	Thôn Úp Ly II	79			
8	Thôn Bản 7	81			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
9	Thôn Ba Viêng	161	Sáp nhập toàn bộ thôn Ba Viêng, A Ho, Bản 10 thành 01 thôn mới	415	<p>Với số lượng 327 hộ, thôn mới thành lập đạt 93,43% theo tiêu chuẩn của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP; 6 thôn còn lại đều đạt và vượt tỷ lệ số hộ theo quy định. Nếu tách 3 thôn này nhập vào các thôn khác thì sẽ làm tăng quy mô dân số, số hộ của các thôn, làm cho diện tích của các thôn rộng hơn ảnh hưởng đến công tác quản lý. Trường hợp lấy các hộ từ các thôn khác bổ sung cho đủ 350 hộ sẽ ảnh hưởng đến nhiều quy trình tách nhập hộ, liên quan đến địa giới hành chính Bên cạnh đó các thôn liền kề chủ yếu là dân tộc Vân Kiều, trong khi đó thôn mới thành lập 100% là dân tộc Pa Kô, nếu sáp nhập sẽ có sự khác nhau về phong tục, tập quán dẫn đến nguy cơ xung đột văn hóa và tâm lý chia rẽ trong đời sống hàng ngày của người dân. Do đó, UBND xã đề xuất thành lập thôn mới với số hộ là 327</p>
10	Thôn Bản 10	111			
11	Thôn A Ho	143			
12	Thôn Mới	211	Sáp nhập toàn bộ thôn Mới, Thanh Ô, Thanh 1 thành 01 thôn mới	460	
13	Thôn Thanh Ô	122			
14	Thôn Thanh 1	127			
15	Thôn A Xau	136	Sáp nhập toàn bộ thôn A Xau, A Xóc Lia, Kỳ Nơ thành 01 thôn mới	461	
16	Thôn A Xóc Lia	158			
17	Thôn Kỳ Nơ	167			
18	Thôn Tăng Cô Hang	96	Sáp nhập toàn bộ thôn Tăng Cô Hang, A Xói Hang, A Quan thành 01 thôn mới	327	
19	Thôn A Xói Hang	112			
20	Thôn A Quan	119			
21	Thôn Kỳ Tăng	162	Sáp nhập toàn bộ thôn Kỳ Tăng, A Mor, A Máy, A Rông thành 01 thôn mới	508	
22	Thôn A Mor	135			
23	Thôn A Máy	104			
24	Thôn A Rông	107			
22	XÃ HƯỚNG HIỆP	3.311		3.311	
1	Khóm 1	297	Sáp nhập toàn bộ hộ của Khóm 1, toàn bộ thôn		

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
2	Thôn Khe Luồi	91	Khe Luồi và 33 hộ của Khóm 2 thành 01 thôn mới	421	
3	1 phần của Khóm 2	33			
4	Khóm 2 (Phần còn lại)	311	Sáp nhập 311 hộ của Khóm 2 và với 68 hộ khóm Khe Xong, 33 hộ của khóm Làng Cát và 02 hộ của khóm A Rông thành 01 thôn mới	414	
5	1 phần của khóm Khe Xong	68			
6	1 Phần của khóm Làng Cát	33			
7	1 Phần của Khóm A Rông	2			
8	Thôn Đồng Đòng	181	Sáp nhập toàn bộ hộ của thôn Đồng Đòng và toàn bộ hộ của thôn Phú Thành thành 01 thôn mới	320	
9	Thôn Phú Thành	139			
10	Thôn Phú Thiềng	136	Sáp nhập toàn bộ hộ của thôn Phú Thiềng với 162 hộ của khóm Làng Cát thành 01 thôn mới	298	
11	1 phần của khóm Làng Cát	162			
12	1 phần của khóm A Rông	175	Sáp nhập 175 hộ của khóm A Rông với 244 hộ của khóm Khe Xong thành 01 thôn mới	419	
13	1 phần của khóm Khe Xong	244			
14	Thôn Phú An	237	Sáp nhập toàn bộ hộ của thôn Phú An với toàn bộ hộ của thôn Xa Rúc và toàn bộ hộ của thôn Xa Vi thành 01 thôn mới	501	
15	Thôn Xa Rúc	123			
16	Thôn Xa Vi	141			
17	Thôn Ruộng	220	Sáp nhập toàn bộ hộ của thôn Ruộng với toàn bộ hộ của thôn Ra Lu thành 01 thôn mới	449	
18	Thôn Ra Lu	229			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
19	Thôn Gia Giã	264	Giữ nguyên	264	Thôn có vị trí địa cách biệt với các thôn khác, nếu sáp nhập với thôn Khe Hà (liền kề) thì không phù hợp, vì thôn có diện tích rộng, dân cư sinh sống thưa thớt và phân tán, địa hình phức tạp, bị chia cắt bởi nhiều khe suối và đồi núi (trên địa bàn có 06 ngàm tràn, vào mùa mưa lũ thường xuyên bị ngập nước, làm chia cắt và cô lập nhiều khu vực dân cư). Khoảng cách từ hộ dân đầu thôn đến hộ dân cuối thôn khoảng 10 km, gây khó khăn cho công tác quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động cộng đồng. Bên cạnh đó, thôn Giã Giã hiện nay đã được hình thành trên cơ sở sáp nhập 02 thôn trước đây. Do đó, nếu tiếp tục thực hiện sáp nhập sẽ làm tăng quy mô địa bàn quản lý, kéo dài khoảng cách giữa các khu dân cư.
20	Thôn Khe Hà	225	Giữ nguyên	225	Thôn có vị trí địa cách biệt với các thôn khác, nếu sáp nhập với thôn Ra Lu hoặc thôn Gia Giã (liền kề) thì không phù hợp, vì thôn có diện tích rộng, dân cư sinh sống thưa thớt và phân tán, địa hình phức tạp, bị chia cắt bởi nhiều khe suối và đồi núi (trên địa bàn có 04 ngàm tràn, vào mùa mưa lũ thường xuyên bị ngập nước, làm chia cắt và cô lập nhiều khu vực dân cư). Khoảng cách từ hộ dân đầu thôn đến hộ dân cuối thôn khoảng 10 km, gây khó khăn cho công tác quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động cộng đồng. Bên cạnh đó, thôn Giã Giã hiện nay đã được hình thành trên cơ sở sáp nhập 03 thôn trước đây. Do đó, nếu tiếp tục thực hiện sáp nhập sẽ làm tăng quy mô địa bàn quản lý, kéo dài khoảng cách giữa các khu dân cư.
23	XÃ QUẢNG NINH	8.936		8.936	
1	Thôn Lương Yến	655	Giữ nguyên	655	
2	Thôn Văn La	577	Giữ nguyên	577	
3	Thôn Làng Vãn	152	Sáp nhập toàn bộ thôn Làng Vãn, toàn bộ thôn Phú Bình, toàn bộ thôn Bình Minh và toàn bộ thôn Văn Hùng thành 01 thôn mới	806	
4	Thôn Phú Bình	150			
5	Thôn Bình Minh	263			
6	Thôn Văn Hùng	241			
7	Thôn Hùng Phú	348	Sáp nhập toàn bộ thôn Trung Trinh và toàn bộ	625	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
8	Thôn Trung Trinh	277	thôn Hùng Phú thành 01 thôn mới	025	
9	Thôn Lệ Kỳ I	194	Sáp nhập toàn bộ thôn Lệ Kỳ I, toàn bộ thôn Lệ Kỳ II và toàn bộ thôn Lệ Kỳ III thành 01 thôn mới	666	
10	Thôn Lệ Kỳ II	216			
11	Thôn Lệ Kỳ III	256			
12	Thôn Vĩnh Tuy I	256	Sáp nhập toàn bộ Thôn Vĩnh Tuy I, toàn bộ thôn Vĩnh Tuy II, toàn bộ thôn Vĩnh Tuy III và toàn bộ thôn Vĩnh Tuy IV thành 01 thôn mới	808	
13	Thôn Vĩnh Tuy II	238			
14	Thôn Vĩnh Tuy III	206			
15	Thôn Vĩnh Tuy IV	108			
16	Thôn Phúc Duệ	115	Sáp nhập toàn bộ thôn Phúc Duệ, toàn bộ thôn Chợ Gộ và toàn bộ thôn Hà Kiên thành 01 thôn mới	547	
17	Thôn Chợ Gộ	249			
18	Thôn Hà Kiên	183			
19	Thôn Phú Cát	90	Sáp nhập toàn bộ thôn Phú Cát và toàn bộ thôn Hà Thiệp thành 01 thôn mới	633	
20	Thôn Hà Thiệp	543			
21	Thôn Tiền	199	Sáp nhập toàn bộ thôn Tiền và toàn bộ thôn Thượng Hậu thành 01 thôn mới	583	
22	Thôn Thượng Hậu	384			
23	Thôn Tây	282	Sáp nhập toàn bộ thôn Tây, toàn bộ thôn Trung thành 01 thôn mới	559	
24	Thôn Trung	277			
25	Thôn Hàm Hòa	237	Sáp nhập toàn bộ thôn Trường Niên và toàn bộ thôn Hàm Hòa thành 01 thôn mới	625	
26	Thôn Trường Niên	388			
27	Thôn Trúc Ly	819	Giữ nguyên	819	
28	Thôn Quyết Tiến	479	Giữ nguyên	479	
29	Thôn Trần Xá	554	Giữ nguyên	554	
24	XÃ NINH CHÂU	8.129		8.129	
1	Thôn Quảng Xá	489	Giữ nguyên	489	
2	Thôn Hòa Bình	398	Giữ nguyên	398	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
3	Thôn Nguyệt Áng	488	Giữ nguyên	488	
4	Thôn Thế Lộc	260	Sắp xếp thôn Thế Lộc và thôn Hữu Tân thành 01 thôn mới	482	
5	Thôn Hữu Tân	222			
6	Thôn Dinh Mười	440	Sắp xếp thôn Dinh Mười và thôn Tiền Vinh thành 01 thôn mới	651	
7	Thôn Tiền Vinh	211			
8	Thôn Phú Lộc	514	Giữ nguyên	514	
9	Thôn Bắc Ngũ	262	Sắp xếp thôn Bắc Ngũ và thôn Trường An thành 01 thôn mới	592	
10	Thôn Trường An	330			
11	Thôn Bình An	168	Sắp xếp thôn Bình An và thôn Đắc Thắng thành 01 thôn mới	483	
12	Thôn Đắc Thắng	315			
13	Thôn Tả Phan	392	Giữ nguyên	392	
14	Thôn Hiễn Lộc	671	Giữ nguyên	671	
15	Thôn Hiễn Vinh	430	Sắp xếp thôn Hiễn Vinh và thôn Phú Vinh thành 01 thôn mới	594	
16	Thôn Phú Vinh	164			
17	Thôn Trung Quán	304	Sắp xếp thôn Trung Quán và thôn Phú Ninh thành 01 thôn mới	502	
18	Thôn Phú Ninh	198			
19	Thôn Tân Định	421	Giữ nguyên	421	
20	Thôn Hiễn Trung	249	Sắp xếp thôn Hiễn Trung và thôn Xuân Hải thành 01 thôn mới	460	
21	Thôn Xuân Hải	211			
22	Thôn Cửa Thôn	698	Sắp xếp thôn Cửa Thôn và thôn Tân Hải thành 01 thôn mới	992	
23	Thôn Tân Hải	294			
24	XÃ TRƯỜNG NINH	9.408		9.408	
1	Thôn Nam Hải	159	Sáp nhập toàn bộ thôn Nam Hải, thôn Đồn, thôn Bến thành 01 thôn mới	613	
2	Thôn Đồn	248			
3	Thôn Bến	206			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
4	Thôn Giữa	186	Sáp nhập toàn bộ thôn Giữa, thôn Sỏi, thôn Bền thành 01 thôn mới	585	
5	Thôn Sỏi	145			
6	Thôn Tây	254			
7	Thôn Đại Phúc	261	Sáp nhập toàn bộ thôn Đại Phúc với thôn Phúc Sơn (trừ 38 hộ thôn Phúc Sơn nằm phía nam khe Xanh tính từ Trần khe Phũ) thành 1 thôn mới	390	
8	Thôn Phúc Sơn	167			
9	Thôn Áng Sơn	250	Sáp nhập toàn bộ thôn Áng Sơn, thôn Xuân Sơn với 38 hộ thôn Phúc Sơn nằm phía nam khe Xanh tính từ Trần khe Phũ) thành 01 thôn mới	549	
10	Thôn Xuân Sơn	261			
11	Thôn Thống Nhất	494	Giữ nguyên	494	
12	Thôn Hoành Vinh	974	Giữ nguyên	974	
13	Thôn Thu Thừ	227	Sáp nhập toàn bộ thôn Thu Thừ, thôn Kim Nại thành 01 thôn mới	609	
14	Thôn Kim Nại	382			
15	Thôn Phúc Nhĩ	156	Sáp nhập toàn bộ thôn Phúc Nhĩ, thôn Cao Xuân, thôn Đại Hữu thành 01 thôn mới	745	
16	Thôn Cao Xuân	327			
17	Thôn Đại Hữu	262			
18	Thôn Lộc Long	531	Giữ nguyên	531	
19	Thôn Phúc Mỹ	338	Sáp nhập toàn bộ thôn Phúc Mỹ, thôn Võ Tân thành 01 thôn mới	464	
20	Thôn Võ Tân	126			
21	Thôn Xuân Dục 1	401	Sáp nhập toàn bộ thôn Xuân Dục 1, thôn Xuân Dục 2 thành 01 thôn mới	675	
22	Thôn Xuân Dục 2	274			
23	Thôn Xuân Dục 3	246	Sáp nhập toàn bộ thôn Xuân Dục 3, thôn Xuân Dục 4 thành 01 thôn mới	547	
24	Thôn Xuân Dục 4	301			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
25	Thôn Đồng Tư	301	Sáp nhập toàn bộ thôn Đồng Tư với 120 hộ thôn Tân Hiền, 11 hộ thôn Tây Cỏ Hiền và 02 hộ thôn Nam Cỏ Hiền (gồm các hộ nằm phía tây trong giới hạn của đường giao thông nông thôn 3, từ cầu Xuân Tuấn đến tiệm vàng Kim Phúc đến ngã 5 bà Lụa về ngã 3 ông Phê đến bến đò Long Đại) thành 01 thôn mới.	434	
26	Thôn Tân Hiền	174			
27	Thôn Đông Cỏ Hiền	180	Sáp nhập toàn bộ thôn Đông Cỏ Hiền, thôn Bắc Cỏ Hiền với 190 hộ thôn Tây Cỏ Hiền và 16 hộ thôn Tân Hiền (Gồm tất cả các hộ nằm phía bắc đường từ Công chợ đi Tây Cỏ Hiền) thành 01 thôn mới.	643	
28	Thôn Bắc Cỏ Hiền	257			
29	Thôn Tây Cỏ Hiền	248			
30	Thôn Nam Cỏ Hiền	248	Sáp nhập toàn bộ thôn Trường Dục với 246 hộ thôn Nam Cỏ Hiền, 47 hộ thôn Tây Cỏ Hiền và 38 hộ thôn Tân Hiền (Gồm tất cả các hộ nằm phía nam đường từ Công chợ đi Tây Cỏ Hiền) thành 01 thôn mới.	553	
31	Thôn Trường Dục	222			
32	Thôn Long Đại	602	Giữ nguyên	602	
26	XÃ TRƯỜNG SON	2.197		2.197	
1	Bản Chân Trộng	64	Sáp nhập toàn bộ Bản Chân Trộng, Đá Chát, Bến	221	Quy mô hộ gia đình: 221/350, đạt 63,14%. Bản Chân Trộng tiếp giáp bản Tân Ly của xã Kim Ngân, cách trung tâm xã 20km, nối liền giao thông với các bản Đá Chát, Bến Đường, Thượng Sơn; bản Thượng Sơn tiếp giáp thôn Liên Xuân, thôn Long Sơn. Khoảng cách giữa bản Thượng Sơn đến bản Chân Trộng khoảng 15km. Khoảng cách giữa các hộ trong bản khoảng 4km, xa nhất giữa các bản với nhau khoảng 20km; Tổng diện tích khu vực có dân cư sinh sống và sản xuất của bản ước khoảng 15 - 20 km ² chủ yếu là đất đồi núi, đất sản xuất
2	Bản Đá Chát	63			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
3	Bản Bến Đường	31	Đường, Thượng Sơn thành 01 bản mới	221	Bản ước khoảng 15 - 20 km ² , chủ yếu là đất đồi núi, đất sản xuất nông - lâm nghiệp và khu vực ven khe suối. Mặc dù quy mô hộ gia đình chưa đạt yêu cầu nhưng nếu tiếp tục sáp nhập với thôn Liên Xuân hoặc thôn Long Sơn liền kề, quy mô địa bàn sẽ mở rộng đáng kể, từ 35-40km ² , khoảng cách xa nhất giữa các hộ có thể tới 30km, làm gia tăng khó khăn trong công tác quản lý dân cư, triển khai chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước cũng như tổ chức các hoạt động cộng đồng tại địa phương.
4	Bản Thượng Sơn	63			
5	Thôn Long Sơn	185	Sáp nhập toàn bộ Thôn Long Sơn, thôn Liên Xuân thành 01 thôn mới	287	Quy mô hộ gia đình 287/350 đạt 82% so với tiêu chuẩn. Thôn Long Sơn tiếp giáp liền kề với 02 bản, 02 thôn thuộc xã Trường Sơn là: Bản Thượng Sơn, bản Cây Cà, thôn Liên Xuân, Thôn Hồng Sơn. Thôn Liên Xuân tiếp giáp liền kề với 02 bản, 01 thôn thuộc xã Trường Sơn đó là: Bản Thượng Sơn, bản Bến Đường, Thôn Long Sơn. Khoảng cách xa nhất giữa các hộ sinh sống trong thôn Long Sơn 2,5 km. Khoảng cách xa nhất giữa các hộ sinh sống trong thôn Liên Xuân khoảng 4 km. Khoảng cách giữa các thôn, bản liền kề như sau: Từ thôn Long Sơn đến thôn Liên Xuân khoảng 2km và ngược lại. Từ thôn Long Sơn, thôn Liên Xuân đến các thôn, bản khác, khoảng 4km, Thôn Liên Xuân đến thôn Hồng Sơn 6km, thôn Long Sơn đến bản Bến Đường 3km. Mặc dù quy mô dân số không đạt yêu cầu nhưng nếu sáp nhập thêm bản liền kề như bản Cây Cà hoặc bản Thượng Sơn thì khó khăn vì cách trở vì phải qua khe suối đầu nguồn sông Long Đại (qua địa phận bản Thượng Sơn), một nhánh sông Long Đại (qua địa phận bản Cây Cà). Còn nếu sáp nhập với thôn Hồng Sơn thì phải qua đèo khu vực C3 thường xuyên bị sạt lở vào mùa mưa hoặc thôn Tân Sơn cũng phải cách hai bên bờ sông Long Đại rất khó để điều hành hoạt động của thôn.
6	Thôn Liên Xuân	102			
7	Bản Cây Cà	65	Sáp nhập toàn bộ bản Cây Cà và bản Trung Sơn	157	Quy mô hộ gia đình: 157/350 hộ, đạt 44,86%. Các bản nằm trên địa bàn miền núi, biên giới, địa hình chia cắt mạnh. Mặc dù có vị trí tiếp giáp nhau nhưng phạm vi quản lý rộng, khoảng cách đi lại giữa các khu dân cư tương đối xa. Bản Cây Cà tiếp giáp các thôn Long Sơn, Hồng Sơn; bản Trung Sơn tiếp giáp bản Dốc Mây, tuy nhiên việc kết nối giao thông giữa các khu dân cư còn nhiều khó khăn, nhất là vào mùa mưa lũ. Khoảng cách xa nhất giữa các hộ lên đến 10km. Diện tích khu vực có dân cư sinh sống khoảng 15-20km ² . Nếu tiếp tục sáp nhập với các thôn

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
8	Bản Trung Sơn	92	thành 01 bản mới	157	bản liền kề như Long Sơn hoặc Hồng Sơn sẽ làm gia tăng diện tích quản lý, kéo dài khoảng cách từ trung tâm thôn, bản đến các cụm dân cư từ 10-20km, tổng diện tích có người dân sinh sống sản xuất lên đến 30km ² . Không những vậy, giữa bản Cây Cà với thôn Hồng Sơn và thôn Long Sơn còn cách bờ nhánh sông đầu nguồn sông Long Đại (qua cầu Cạc). Do đó, việc sáp nhập thêm thôn bản khác sẽ rất khó khăn trong việc điều hành hoạt động, sinh hoạt cộng đồng nhất là mùa mưa lũ dễ xảy ra ngập lụt.
9	Thôn Tân Sơn	80	Sáp nhập toàn bộ bản Cây Sứ, bản Cỏ Tràng thành 01 bản mới	213	Quy mô hộ gia đình đạt 213/350 đạt 60,68%. Thôn Hồng Sơn và thôn Tân Sơn tiếp giáp với bản Cây Sứ, thôn Long Sơn và thôn Liên Xuân. Mặc dù có vị trí liền kề về địa giới hành chính nhưng các đơn vị dân cư này phân bố trên địa bàn rộng, bị chia cắt bởi địa hình đồi núi, khe suối và các khu vực rừng tự nhiên. Khoảng cách từ thôn Hồng Sơn đến thôn Long Sơn khoảng 4 km theo tuyến giao thông hiện có; khoảng cách từ thôn Tân Sơn đến thôn Liên Xuân khoảng 10 km. Nếu thực hiện sáp nhập giữa các đơn vị dân cư liền kề, khoảng cách từ hộ dân đầu tiên đến hộ dân cuối cùng của đơn vị mới hình thành có thể đạt từ 12-15 km, làm gia tăng phạm vi quản lý, gây khó khăn cho việc tổ chức hội họp, sinh hoạt cộng đồng và triển khai các nhiệm vụ chính trị tại cơ sở. Khoảng cách xa nhất giữa các hộ dân trong thôn 7 km. Tổng diện tích khu vực có dân cư sinh sống và sản xuất của hai thôn ước khoảng 10 - 15 km ² . Nếu sáp nhập thêm bản Cây Sứ, Cỏ Tràng liền kề thì gia tăng khoảng cách giữa các hộ dân lên đến 25km, tổng diện tích khu vực có nhân dân sinh sống tăng lên 20-25 km ² . Hơn nữa, việc sáp nhập khó khăn vì giữa thôn Hồng Sơn với bản Cây Sứ còn ngăn cách bởi sông Long Đại chảy siết (di chuyển qua lại bằng cầu treo). Mặc dù quy mô dân số không đạt yêu cầu nhưng việc sáp nhập thêm thôn, bản khác không thuận tiện trong việc điều hành, quản lý cũng như sinh hoạt cộng đồng dân cư.
10	Thôn Hồng Sơn	133	thành 01 bản mới	213	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
11	Bản Cây Sú	43	Sáp nhập toàn bộ bản Cây Sú, bản Cỏ Tràng thành 01 bản mới	133	Quy mô hộ gia đình: 133/350 hộ, đạt 38%. (1) Xét về vị trí địa lý: bản Cây Sú tiếp giáp thôn Hồng Sơn; bản Cỏ Tràng tiếp giáp bản Khe Cát và bản Sắt. Mặc dù các đơn vị dân cư có địa giới hành chính liền kề, song do đặc điểm địa hình đồi núi, nhiều khe suối và rừng tự nhiên nên việc kết nối giao thông giữa các bản còn gặp nhiều khó khăn. Khoảng cách từ trung tâm bản đến các đơn vị dân cư liền kề từ 4 - 15 km theo đường giao thông hiện có. Trường hợp thực hiện sáp nhập, khoảng cách từ hộ dân đầu tiên đến hộ dân cuối cùng của đơn vị mới hình thành có thể từ 10 - 15 km, làm tăng phạm vi quản lý, ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động cộng đồng, hội họp Nhân dân và triển khai nhiệm vụ của hệ thống chính trị ở cơ sở. Khoảng cách xa nhất giữa các hộ dân trong cùng một bản khoảng 3 km. Tổng diện tích khu vực có dân cư sinh sống và sản xuất ước khoảng 10 - 15 km ² . Mặc dù quy mô hộ chưa đạt yêu cầu nhưng nếu sáp nhập với bản Khe Cát sẽ làm gia tăng khoảng cách giữa các hộ dân lên đến 25km hoặc nếu sáp nhập với thôn Hồng Sơn thì phải qua sông Long Đại (di chuyển bằng cầu treo), gây khó khăn cho nhân dân cũng như việc điều hành bản.
12	Bản Cỏ Tràng	90			
13	Bản Khe Cát	115	Giữ nguyên	115	Quy mô hộ gia đình: 115/350 hộ, đạt 32,86%. (1) Xét về vị trí địa lý: Bản cách trung tâm xã khoảng 20 km và cách các bản lân cận gần nhất khoảng 15 km. Bản tiếp giáp với các bản Cỏ Tràng, bản Ploang, Rìn Rìn. Khoảng cách gần nhất giữa các hộ khoảng 7km, dân cư sống 02 bờ suối (01 nhánh sông Rào Tràng). Khoảng cách địa lý xa, giao thông kết nối giữa các khu dân cư còn nhiều hạn chế, khiến việc đi lại, giao lưu và tổ chức các hoạt động chung gặp nhiều khó khăn. Nếu thực hiện sáp nhập với các bản khác sẽ hình thành đơn vị dân cư có phạm vi quản lý rất rộng, làm gia tăng khoảng cách từ trung tâm bản đến các hộ dân, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ bản và việc tiếp cận các dịch vụ công của người dân. Ví dụ, nếu sáp nhập với bản Cỏ Tràng sẽ làm gia tăng khoảng cách giữa các hộ dân lên 20km, rất khó khăn trong việc điều hành hoạt động, sinh hoạt cộng đồng. Vì vậy, mặc dù chưa đủ điều kiện về quy mô dân số nhưng việc sáp nhập thêm thôn bản khác là hết sức khó khăn.

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
14	Bản Sắt	38	Giữ nguyên	38	<p>Quy mô hộ gia đình: 38/350 hộ, đạt 10,86%. (1) Xét về vị trí địa lý: Bản nằm biệt lập, tiếp giáp với các bản Ploang, Rìn Rìn, Khe Cát và Cồ Tràng. Mặc dù có ranh giới hành chính liền kề với các bản nêu trên, song khoảng cách từ trung tâm bản đến trung tâm các bản lân cận từ 12 - 15 km theo đường giao thông hiện có. Các tuyến đường chủ yếu là đường đất, đường rừng và đường dân sinh, nhiều đoạn phải đi qua đèo dốc, khe suối, gây khó khăn cho việc đi lại và tổ chức các hoạt động cộng đồng. Trường hợp thực hiện sáp nhập với bản liền kề như Ploang, Rìn Rìn thì không có đường giao thông, chỉ có đường rừng. Khoảng cách từ hộ dân đầu tiên đến hộ dân cuối cùng của đơn vị mới dự kiến hình thành ước tính từ 18 - 22 km, vượt quá phạm vi thuận lợi cho công tác quản lý hành chính, tổ chức hội họp, sinh hoạt cộng đồng và triển khai các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. (2) Xét về đặc điểm dân cư: Bản hiện có 38 hộ dân sinh sống phân tán trên địa bàn rộng, khoảng cách giữa các cụm dân cư từ 5 - 7 km. Người dân chủ yếu sinh sống gắn với diện tích đất sản xuất, nương rẫy và khu vực chăn nuôi truyền thống. Tổng diện tích khu vực có dân cư sinh sống và sản xuất khoảng 12 - 18 km², phân bố không tập trung. Nếu sáp nhập với các bản lân cận như Cồ Tràng, Khe Cát sẽ làm gia tăng phạm vi quản lý, khoảng cách giữa các hộ dân lên đến 30-35km gây khó khăn cho việc tập họp Nhân dân tham gia các cuộc họp, triển khai chủ trương, chính sách và thực hiện các phong trào tại địa phương.</p>

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
15	Bản Ploang	35	Sáp nhập toàn bộ bản Ploang và bản Rìn Rìn thành 01 bản mới	66	<p>Quy mô hộ gia đình: 66/350 hộ, đạt 18,86%. (1) Xét về vị trí địa lý: Hai bản có vị trí tiếp giáp, liền kề nhau và đều tiếp giáp với bản Khe Cát và bản Đốc Mây. Tuy nhiên, đây là khu vực vùng núi cao, địa hình phức tạp, giao thông đi lại khó khăn. Khoảng cách từ khu dân cư đến bản Khe Cát khoảng 30 km, đến bản Đốc Mây khoảng 15 km chủ yếu là đường rừng, việc đi lại phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết. Mặc dù về mặt địa giới hành chính có sự tiếp giáp nhưng trên thực tế điều kiện kết nối giao thông còn hạn chế, việc tổ chức quản lý, điều hành trên địa bàn rộng sẽ gặp nhiều khó khăn nếu tiếp tục thực hiện sáp nhập với các đơn vị dân cư khác. Việc sáp nhập với bản Đốc Mây là bất khả thi vì không có đường giao thông, còn nếu sáp nhập với bản Khe Cát thì gia tăng khoảng cách giữa các hộ dân lên đến 40km và diện tích quản lý rất lớn. (2) Xét về đặc điểm dân cư: Dân cư chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời trên địa bàn, phân bố không tập trung mà rải rác theo các cụm dân cư gắn với điều kiện sản xuất và sinh hoạt truyền thống. Khoảng cách xa nhất giữa các hộ dân trong bản khoảng 1,5 km. Mặc dù mật độ dân cư thấp nhưng cộng đồng dân cư đã hình thành mối quan hệ gắn bó, ổn định về dòng họ, phong tục, tập quán và đời sống xã hội. Việc sáp nhập thêm dân cư không tạo được lợi thế về tập trung dân số mà có thể làm tăng phạm vi quản lý, gây khó khăn trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, tổ chức hội họp và triển khai các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở.</p>
16	Bản Rìn Rìn	31			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
17	Bản Dốc Mây	24	Giữ nguyên	24	<p>Quy mô hộ gia đình: 24/350 hộ, đạt 6,68%. (1) Xét về vị trí địa lý: Bản là đơn vị dân cư nằm ở khu vực biên giới Việt Nam - Lào, địa bàn biệt lập giữa vùng rừng núi, cách xa trung tâm xã và các thôn, bản lân cận. Khoảng cách từ bản Dốc Mây đến bản Trung Sơn (đơn vị dân cư gần nhất có thể xem xét sáp nhập) khoảng 30 km theo tuyến đường rừng hiện có, phải đi bộ qua nhiều đèo dốc, khe suối, không có đường giao thông cơ giới kết nối trực tiếp. Khoảng cách từ bản đến trung tâm xã từ 30 - 70 km tùy tuyến đường tiếp cận. Nếu thực hiện sáp nhập với bản Trung Sơn hoặc đơn vị dân cư liền kề khác thì khoảng cách từ hộ dân đầu tiên của đơn vị này đến hộ dân cuối cùng của đơn vị kia ước tính trên 35 km, vượt xa phạm vi thuận lợi cho công tác quản lý hành chính, triển khai các hoạt động cộng đồng và tổ chức hội họp nhân dân. Việc đi lại giữa các khu dân cư chủ yếu bằng đường mòn trong rừng, thời gian di chuyển kéo dài, đặc biệt khó khăn trong mùa mưa lũ. (2) Xét về đặc điểm dân cư: Mặc dù quy mô chỉ có 24 hộ gia đình nhưng các hộ dân sinh sống phân tán trên địa bàn rộng, khoảng cách giữa các cụm hộ dân từ 1 - 5 km. Tổng diện tích khu vực có dân cư sinh sống và sản xuất khoảng 10 - 15 km², phân bố dọc các sườn núi, khe suối và vùng sản xuất truyền thống. Điều kiện cư trú phân tán khiến việc tập trung người dân để sinh hoạt cộng đồng, triển khai chủ trương, chính sách của Nhà nước gặp nhiều khó khăn.</p>

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
18	Bản Hôi Rầy	34	Sáp nhập toàn bộ bản Hôi Rầy và bản Nước Đắng thành 01 bản mới	70	<p>Quy mô hộ gia đình: 70/350 hộ, đạt 20%. (1) Xét về vị trí địa lý: Hai bản có vị trí tiếp giáp, liền kề nhau và cùng tiếp giáp với bản Lâm Ninh, thôn Kim Sen theo hướng Đông; tiếp giáp với các bản Cỏ Tràng, Khe Cát theo hướng Tây. Tuy nhiên, đây là khu vực đặc biệt khó khăn, nằm biệt lập giữa vùng núi cao và hệ thống sông suối, dân cư sinh sống dọc 02 bên bờ sông Long Đại. Khoảng cách gần nhất từ hai bản đến các khu dân cư liền kề khoảng 60 km, xa hơn rất nhiều so với điều kiện quản lý thông thường ở khu vực nông thôn. Do khoảng cách địa lý lớn và không có sự kết nối giao thông thuận lợi nên việc sáp nhập với các thôn, bản khác sẽ tạo ra đơn vị dân cư có phạm vi quản lý quá rộng, gây khó khăn cho công tác chỉ đạo, điều hành và phục vụ Nhân dân. Nếu sáp nhập với bản Lâm Ninh, thôn Kim Sen về phía Đông thì không có đường giao thông, di chuyển bằng thuyền máy dọc sông Long Đại, gia tăng khoảng cách địa lý lên đến 70-75km, diện tích quản lý tăng cao. Còn nếu sáp nhập với bản Cỏ Tràng, Khe Cát thì cũng phải di chuyển bằng thuyền máy, vượt thác Tam Lu và Rào Tràng, nhưng đây là 02 vị trí hết sức nguy hiểm, muốn qua khu vực này phải thuê thuyền máy và lái thuyền có kinh nghiệm mới có thể vượt qua được. Vì vậy, việc sáp nhập thêm thôn, bản khác để đạt quy mô dân số là rất khó khăn, không thuận tiện cho người dân cũng như việc quản lý điều hành thôn, bản.</p>
19	Bản Nước Đắng	36			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
20	Thôn Quyết Thắng	123	Sáp nhập toàn bộ thôn Quyết Thắng và thôn Rào Đá thành 01 thôn mới	255	<p>Quy mô hộ gia đình 255/350 hộ, đạt 72,86%. (1) Xét về vị trí địa lý: Thôn Quyết Thắng và thôn Rào Đá có vị trí địa lý liền kề, thuận lợi cho việc kết nối giao thông và quản lý địa bàn. Thôn Quyết Thắng tiếp giáp với thôn Kim Sen và thôn Rào Trù; thôn Rào Đá tiếp giáp địa bàn xã Trường Ninh. Khoảng cách giữa các khu dân cư tương đối gần, hệ thống giao thông kết nối thuận lợi. Nếu thực hiện sáp nhập, khoảng cách từ hộ dân đầu tiên đến hộ dân cuối cùng của đơn vị mới hình thành ước khoảng 4 - 6 km, bảo đảm thuận tiện cho công tác quản lý hành chính, tổ chức hội họp Nhân dân, triển khai các phong trào và thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Mặc dù quy mô dân số chưa đạt yêu cầu nhưng nếu sáp nhập với thôn, bản khác liền kề như thôn Kim Sen thì mùa mưa bão hết sức khó khăn vì thôn Quyết Thắng và Rào Đá đặc thù địa hình thấp trũng, mùa mưa thường bị ngập lụt cao, nếu thêm thôn Kim Sen dân cư sống 02 bên bờ sông Long Đại và khe Rào Trù (một nhánh sông Long Đại) mùa mưa lũ cũng thường xuyên bị ngập lụt, cô lập thì rất khó khăn trong việc tiếp cận người dân, xử lý điều hành hoạt động của thôn.</p>
21	Thôn Rào Đá	132			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
22	Thôn Kim Sen	172	Sáp nhập toàn bộ thôn Rào Trù và 120 hộ Thôn Kim Sen (Khu vực Nam Kim Sen) và thành 01 thôn mới	204	<p>Quy mô hộ gia đình 204/350 hộ, đạt 58,28%. (1) Xét về vị trí địa lý: Thôn Rào Trù và khu vực Nam Kim Sen có ranh giới liền kề nhau, giao thông kết nối thuận lợi, liên thông với các khu dân cư lân cận. Thôn Rào Trù tiếp giáp bản Khe Ngang, bản Khe Dây và thôn Quyết Thắng; khu vực Nam Kim Sen tiếp giáp thôn Quyết Thắng. Khoảng cách từ khu dân cư đến đơn vị dân cư liền kề gần nhất khoảng 1,4 km, xa nhất khoảng 5,2 km theo tuyến giao thông hiện có. Nếu thực hiện sáp nhập, khoảng cách từ hộ dân đầu tiên đến hộ dân cuối cùng của đơn vị mới hình thành khoảng 6 - 7 km, bảo đảm thuận lợi cho công tác quản lý địa bàn, tổ chức hội họp Nhân dân, triển khai các hoạt động cộng đồng và thực hiện nhiệm vụ chính trị tại cơ sở. Việc sáp nhập thêm thôn bản khác như bản Khe Dây, bản Khe Ngang hoặc thôn Quyết Thắng sẽ làm tăng khoảng cách lên 10-15km, diện tích người dân sinh sống và sản xuất tăng lên 35-40km vuông. Mùa mưa lũ cũng khó khăn trong việc cứu hộ, cứu nạn vì các bản Khe Ngang, Khe Dây, thôn Quyết Thắng địa hình thấp, nhiều khe suối, thôn Quyết Thắng nằm phía hạ lưu Hồ Rào Đá với trữ lượng nước lớn, nguy hiểm. Nên việc sáp nhập Thôn Rào Trù với các hộ dân thôn Kim Sen (phía Nam sông Long Đại) để thuận tiện điều hành, sinh hoạt cộng đồng.</p>
23	Thôn Rào Trù	84			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
24	Bản Lâm Ninh	52	Sáp nhập toàn bộ Bản Lâm Ninh và 52 hộ thôn Kim Sen (Khu vực Bắc Kim Sen) thành 01 bản mới	104	Quy mô hộ gia đình 104/350 hộ, đạt 29,71%. (1) Xét về vị trí địa lý: Bản Lâm Ninh và khu vực Bắc Kim Sen có ranh giới liền kề, hệ thống giao thông kết nối thuận lợi, có sự tương đồng về điều kiện kinh tế - xã hội và đã hình thành mối liên kết cộng đồng bền vững trong quá trình sinh sống, sản xuất. Bản Lâm Ninh tiếp giáp bản Nước Đắng với khoảng cách khoảng 30 km đường sông, đồng thời tiếp giáp thôn Long Đại của xã Trường Ninh; khu vực Bắc Kim Sen cũng tiếp giáp thôn Long Đại của xã Trường Ninh. Hai khu vực này nằm tách biệt với các cụm dân cư khác trên địa bàn xã bởi điều kiện địa hình và hệ thống sông Long Đại. Nếu sáp nhập thêm bản khác như bản Nước Đắng thì không có đường giao thông, chỉ di chuyển bằng thuyền máy cách khoảng 40-45km; nếu sáp nhập với thôn Quyết Thắng thì phải qua cầu Long Đại, đi về phía Núi Thần Đinh qua dốc Ma Nang khoảng 10km. Mặc dù, quy mô dân số không đạt yêu cầu nhưng việc sáp nhập thêm thôn, bản khác không thuận tiện cho giao thông, sinh hoạt cộng đồng và điều hành hoạt động của thôn, bản.

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
25	Bản Khe Ngang	132	Sáp nhập toàn bộ Bản Khe Dây và Bản Khe Ngang	177	<p>Quy mô hộ gia đình 177/350 hộ, đạt 50,57%. (1) Xét về vị trí địa lý: Bản Khe Ngang và bản Khe Dây có vị trí địa lý liền kề, hệ thống giao thông kết nối tương đối thuận lợi, điều kiện kinh tế - xã hội có nhiều nét tương đồng. Dân cư chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời trên địa bàn. Bản Khe Ngang tiếp giáp bản Hang Chuồn - Nà Lâm; bản Khe Dây tiếp giáp thôn Kim Sen và thôn Rào Trù. Khoảng cách từ bản đến đơn vị dân cư liền kề gần nhất khoảng 1,7 km, xa nhất khoảng 5 km theo tuyến giao thông hiện có. Tuy nhiên, nếu tiếp tục thực hiện sáp nhập thêm với các thôn, bản lân cận thì khoảng cách từ hộ dân đầu tiên đến hộ dân cuối cùng của đơn vị mới hình thành có thể đạt từ 8 - 12 km, làm mở rộng đáng kể địa bàn quản lý, gây khó khăn cho việc tổ chức hội họp, triển khai các hoạt động cộng đồng và thực hiện nhiệm vụ chính trị tại cơ sở. Tổng diện tích khu vực có dân cư sinh sống và sản xuất khoảng 8 - 12 km², tạo nên phạm vi quản lý tương đối rộng đối với địa bàn miền núi. Việc sáp nhập thêm thôn bản liền kề như bản Hang Chuồn - Nà Lâm không thuận lợi trong sinh hoạt, điều hành vì gia tăng khoảng cách các hộ lên đến 10km, mùa mưa lũ phải qua ngầm Khe Ngang rất nguy hiểm, nước chảy siết, gây cô lập giữa 02 vùng; còn nếu sáp nhập với thôn Rào Trù thì khoảng cách giảm lại từ 3-5km nhưng mùa mưa lũ cũng bị ngăn cách bởi ngầm Khe Dây, cô lập 01 vùng dân cư. Mặc dù quy mô dân số không đạt nhưng việc sáp nhập toàn bộ 02 bản Khe Ngang và Khe Dây là hợp lý, không thể sáp nhập thêm thôn bản khác vì khó khăn trong giao thông đi lại, quản lý điều hành và sinh hoạt cộng đồng.</p>
26	Bản Khe Dây	45			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
27	Thôn Trường Nam	67	Sáp nhập toàn bộ Thôn Trường Nam và Bản Hang Chuồn - Nà Lâm thành 01 bản mới	133	Thôn Trường Nam và bản Hang Chuồn - Nà Lâm có vị trí liền kề nhau, có sự gắn kết về giao thông và sinh hoạt cộng đồng từ nhiều năm nay. Hai thôn, bản có tính tương đồng cao về điều kiện tự nhiên, kinh tế và đời sống xã hội. Đồng thời, khu vực này còn tiếp giáp với các bản Chân Trộng, Đá Chát và cách trung tâm xã khoảng 30 km. Khoảng cách giữa các hộ xã nhất lên đến 10km. Nếu sáp nhập với bản Khe Ngang liền kề thì gia tăng khoảng cách địa lý lên tới 20km, diện tích rộng hơn 35-40km vuông. Còn nếu sáp nhập với bản Chân Trộng hoặc bản Đá Chát thì khoảng cách lên đến 40-50km, phải đi qua khu vực dốc Nà Lâm rất khó đi lại, thông tin liên lạc, sinh hoạt cộng đồng dân cư. Mặc dù quy mô dân số không đạt yêu cầu nhưng với địa bàn rộng, khoảng cách xa trung tâm hành chính, nếu tiếp tục sáp nhập thêm dân cư sẽ làm tăng phạm vi quản lý, gây khó khăn cho công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền cơ sở cũng như việc tiếp cận các dịch vụ công của người dân.
28	Bản Hang Chuồn - Nà Lâm	66			
27	XÃ BẮC TRẠCH	8.499		8.499	
1	Thôn Thanh Khê	711	Giữ nguyên	711	
2	Thôn Thanh Vinh	519	Giữ nguyên	519	
3	Thôn Quyết Thắng	562	Giữ nguyên	562	
4	Thôn Tiên Phong	881	Giữ nguyên	881	
5	Thôn Thanh Gianh	285	Sáp nhập toàn bộ Thôn Thanh Gianh, Thôn Thanh Hải, Thôn Thanh Xuân thành 01 thôn mới	879	
6	Thôn Thanh Hải	236			
7	Thôn Thanh Xuân	358			
8	Thôn 1	271	Sáp nhập toàn bộ Thôn 1, Thôn 2, Thôn 9 thành 01 thôn mới	581	
9	Thôn 2	158			
10	Thôn 9	152			
11	Thôn 3	204			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
12	Thôn 4	215	Sáp nhập toàn bộ Thôn 3, Thôn 4, Thôn 8 thành 01 thôn mới	590	
13	Thôn 8	171			
14	Thôn 5	179	Sáp nhập toàn bộ Thôn 5, Thôn 6, Thôn 7 thành 01 thôn mới	529	
15	Thôn 6	208			
16	Thôn 7	142			
17	Thôn 1 Hạ Trạch	131	Sáp nhập toàn bộ Thôn 1 Hạ Trạch, Thôn 2 Hạ Trạch, Thôn 3 Hạ Trạch, Thôn 4 Hạ Trạch thành 01 thôn mới	456	
18	Thôn 2 Hạ Trạch	109			
19	Thôn 3 Hạ Trạch	122			
20	Thôn 4 Hạ Trạch	94			
21	Thôn 5 Hạ Trạch	192	Sáp nhập toàn bộ Thôn 5 Hạ Trạch, Thôn 6 Hạ Trạch, Thôn 8 Hạ Trạch thành 01 thôn mới	442	
22	Thôn 6 Hạ Trạch	111			
23	Thôn 8 Hạ Trạch	139			
24	Thôn 7 Hạ Trạch	271	Sáp nhập toàn bộ Thôn 7 Hạ Trạch, Thôn 9 Hạ Trạch thành 01 thôn mới	373	
25	Thôn 9 Hạ Trạch	102			
26	Thôn 1 Mỹ Trạch	198	Sáp nhập toàn bộ Thôn 1 Mỹ Trạch, Thôn 2 Mỹ Trạch, Thôn 3 Mỹ Trạch, Thôn 4 Mỹ Trạch thành 01 thôn mới	555	
27	Thôn 2 Mỹ Trạch	139			
28	Thôn 3 Mỹ Trạch	125			
29	Thôn 4 Mỹ Trạch	93			
30	Thôn 5 Mỹ Trạch	88	Sáp nhập toàn bộ Thôn 5 Mỹ Trạch, Thôn 6 Mỹ Trạch, Thôn 7 Mỹ Trạch thành 01 thôn mới	355	
31	Thôn 6 Mỹ Trạch	99			
32	Thôn 7 Mỹ Trạch	168			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)			
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ				
33	Thôn Phú Kinh	223	Sáp nhập toàn bộ Thôn Phú Kinh, Thôn Liên Sơn thành 01 thôn mới	264	<p>- Xã Bắc Trạch là xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn) giai đoạn 2026 - 2030. Thôn Phú Kinh và thôn Liên Sơn đều là thôn miền núi, thuộc danh mục thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị.</p> <p>- Hai thôn có địa bàn rộng, địa hình đồi núi phức tạp, dân cư sinh sống phân tán dọc các sườn đồi, không tập trung thành các cụm dân cư lớn. Vào mùa mưa lũ, nhiều khu vực thường xảy ra tình trạng chia cắt cục bộ, gây khó khăn cho việc đi lại, tổ chức các hoạt động cộng đồng và công tác quản lý ở cơ sở.</p> <p>- Do điều kiện địa hình đặc thù của khu vực miền núi, việc sáp nhập hai thôn thành một đơn vị thôn mới với quy mô 264 hộ gia đình là phù hợp với thực tiễn địa phương, bảo đảm yêu cầu tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa và triển khai các chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn</p>			
34	Thôn Liên Sơn	41				35	Thôn Phú Hữu	282
36	Thôn Liên Thủy	200	37	Thôn Tân Hội	320	Giữ nguyên	320	<p>- Xã Bắc Trạch là xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn) giai đoạn 2026 - 2030; thôn Tân Hội là thôn miền núi, thuộc danh mục thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị.</p> <p>- Qua rà soát thực tế, nếu thực hiện sáp nhập thôn Tân Hội với thôn liền kề sẽ hình thành đơn vị thôn có địa bàn quản lý rất rộng, khoảng cách từ trung tâm thôn đến các khu dân cư xa nhất khoảng 13 km. Địa hình khu vực bị chia cắt bởi sông Sơn; vào mùa mưa lũ thường xảy ra tình trạng ngập lụt, chia cắt giao thông, ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động của cộng đồng dân cư.</p> <p>- Bên cạnh đó, thôn Tân Hội có đặc điểm riêng về đời sống văn hóa, tín ngưỡng, trong đó khoảng 80% dân số theo đạo Công giáo, đã hình thành cộng đồng dân cư ổn định từ nhiều năm. Việc giữ nguyên hiện trạng thôn Tân Hội sẽ bảo đảm tính ổn định trong đời sống Nhân dân, thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, công tác dân vận, hoạt động tôn giáo và việc triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trên địa bàn.</p>

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
28	XÃ QUẢNG TRẠCH	7.595		7.663	<i>Tăng 68 hộ nhập từ thôn Đông Tiến, xã Trung Thuần</i>
1	Thôn Đông Dương	274	Sáp nhập toàn bộ Thôn Đông Dương và toàn bộ Thôn 2 thành lập 01 thôn mới	689	
2	Thôn Tô Xá	415			
3	Thôn Pháp Kệ	933	Giữ nguyên	933	
4	Thôn Hướng Phương	812	Giữ nguyên	812	
5	Thôn Xuân Kiều	642	Giữ nguyên	642	
6	Thôn Thanh Lương	475	Giữ nguyên	475	
7	Thôn Xuân Hoà	950	Giữ nguyên	950	
8	Thôn Thanh Bình	630	Giữ nguyên	630	
9	Thôn Hưng Lộc	615	Giữ nguyên	615	
10	Thôn Hoà Bình	866	Sáp nhập toàn bộ thôn Hòa Bình và 68 hộ dân <i>thôn Đông Tiến, xã Trung Thuần</i> thành 01 thôn	934	
11	Thôn Tú Loan 1	291	Sáp nhập toàn bộ thôn Tú Loan 1, toàn bộ thôn Tú Loan 2 và toàn bộ thôn Tú Loan 3 thành lập 01 thôn mới	983	
12	Thôn Tú Loan 2	237			
13	Thôn Tú Loan 3	455			
29	XÃ TRUNG THUẦN	4.290		4.222	<i>Chuyển 68 hộ thôn Đông Tiến sang xã Quảng Trạch</i>
1	Thôn Vân Tiên	811	Giữ nguyên	811	
2	Thôn Tam Đa	449	Giữ nguyên	449	
3	Thôn Phù Lưu	629	Giữ nguyên	629	
4	Thôn Văn Hà	378	Giữ nguyên	378	
5	Thôn Hải Lưu	388	Giữ nguyên	388	
6	Thôn Hà Tiến	467	Giữ nguyên	467	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
7	Thôn Đông Tiến	68	Chuyển sang xã Quảng Trạch		Thôn Đông Tiến hiện nay thuộc quản lý hành chính của xã Trung Thuần nhưng nằm trong địa giới hành chính của xã Quảng Trạch. Thống nhất chuyển giao về xã Quảng Trạch quản lý theo đúng quy định
8	Thôn 1	28	Sáp nhập toàn bộ Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3, Thôn 4 và Thôn 9 thành lập 01 thôn mới	517	
9	Thôn 2	126			
10	Thôn 3	95			
11	Thôn 4	219			
12	Thôn 9	49			
13	Thôn 5	253	Sáp nhập toàn bộ Thôn 5, Thôn 7 và Thôn 8 thành lập 01 thôn mới	583	
14	Thôn 7	154			
15	Thôn 8	176			
30	XÃ THƯỢNG TRẠCH	883		883	
1	Bản Đòong	12	Giữ nguyên	12	<ul style="list-style-type: none"> - Là Bản thuộc xã biên giới, Bản thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Bản đặc biệt khó khăn; có vị trí địa lý biệt lập nằm trong vùng lõi Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng bao quanh bởi đồi núi hiểm trở; - Chưa có đường giao thông giao thông kiên cố, để vào Bản phải đi bộ theo đường dân sinh dọc khe suốt hết sức khó khăn. Khoảng cách từ bản đến Đường Hồ Chí Minh nhánh Tây là 06 km; khoảng cách đến Bản 39 (bản liền kề gần nhất) là 42 km; mùa mưa xảy ra chia cắt giao thông do nước từ các khe suối dâng cao; - Đa phần người đồng bào dân tộc thiểu số không có phương tiện giao thông, chủ yếu đi bộ; Diện tích tự nhiên là 0,15 km²; Diện tích có người dân sinh sống là 0,44952 km²; - Nếu sáp nhập Bản Đòong với Bản 39 thì địa hình rộng lớn chia cắt, khó trong việc quản lý, tuyên truyền vận động người dân; - Người dân ở hai Bản thuộc hai thành phần dân tộc khác nhau (Bru Vân kiều - Chứt), có bản sắc văn hóa, phong tục tập quán riêng.

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
2	Bản Aky	38	Giữ nguyên	38	<ul style="list-style-type: none"> - Là Bản thuộc xã biên giới, Bản thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Bản đặc biệt khó khăn; có đường biên giới giáp với Cụm bản Noong Mạ/Lào, có vị trí chiến lược về quốc phòng - an ninh; - Việc duy trì Bản góp phần ổn định dân cư, giữ đất, giữ rừng, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia; - Khoảng cách đến đường tỉnh 562 là 07 km, đến Bản 61 (Bản liền kề gần nhất) là 10,5 km; mùa mưa thường xảy ra chia cắt do sạt lở đất; đa phần người đồng bào dân tộc thiểu số chưa có phương tiện giao thông, chủ yếu đi bộ; - Diện tích tự nhiên là 63,1 km², diện tích có người dân sinh sống là 0,99932 km²; - Nếu sáp nhập Bản Aky với Bản 61 (Bản liền kề gần nhất) thì quy mô diện tích rất lớn, khoảng cách để người dân từ đầu Bản Aky đến cuối Bản 61 là hơn 18 Gkm đường giao thông đi lại hiểm trở, qua khe suối thường xuyên bị chia cắt sau khoảng 4-5 giờ mưa, qua đồi núi đá cheo leo có nguy cơ sạt lở về mùa mưa.
3	Bản Troi	30	Giữ nguyên	30	<ul style="list-style-type: none"> - Là Bản thuộc xã biên giới, Bản thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Bản đặc biệt khó khăn; có đường biên giới giáp với Cụm bản Noong Mạ/Lào; - Là Bản đặt trạm kiểm soát cửa khẩu Cà Roòng - Noong Mạ thuộc Đồn Biên phòng Cà Roòng có vị trí đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, quản lý đường biên, mốc giới và giữ gìn an ninh khu vực biên giới; - Việc duy trì Bản góp phần ổn định dân cư, giữ đất, giữ rừng, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia; - Khoảng cách đến tại Bản Tuộc (Bản liền kề gần nhất) là 07 km, giao thông đi lại khó khăn qua các núi đá hiểm trở, mùa mưa lũ các cây lớn dọc tuyến đường liên Bản thường xảy ra gãy đổ dẫn đến mất an toàn, chia cắt; - Đa phần người đồng bào dân tộc thiểu số chưa có phương tiện giao thông, chủ yếu đi bộ; - Diện tích tự nhiên là 16,6km², diện tích có người dân sinh sống là 0,99856 km².

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
4	Bản Cồn Roàng	70	Giữ nguyên	70	<ul style="list-style-type: none"> - Là Bản thuộc xã biên giới, Bản thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Bản đặc biệt khó khăn; - Có đường biên giới giáp với Cụm bản Noong Ma/Lào, có vị trí chiến lược về quốc phòng - an ninh; - Khoảng cách đến tại Bản Coóc (Bản liền kề gần nhất) là 04km; Đường giao thông từ Bản Cồn Roàng đến Bản Coóc qua khe suối thường xuyên bị chia cắt khi mùa mưa lũ, cây cối ngã đổ; - Đa phần người đồng bào dân tộc thiểu số chưa có phương tiện giao thông, chủ yếu đi bộ; - Diện tích tự nhiên là 19,61km², diện tích có người dân sinh sống là 1,1 km².
5	Bản 39	87	Giữ nguyên	87	<ul style="list-style-type: none"> - Là Bản thuộc xã biên giới, Bản thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Bản đặc biệt khó khăn; - Có vị trí địa lý biệt lập bao quanh bởi đồi núi hiểm trở; bản ở vị trí trung thấp, khoảng cách đến Bản Ban (Bản liền kề gần nhất) là 6,3 km giao thông rất hiểm trở đi qua núi đá vôi dựng đứng thường xuyên ra sạt lở chia cắt đường vào mùa mưa lũ; - Có 73/87 hộ dân tộc Chứt (chiếm 84%) đồng bào dân tộc Chứt thuộc diện cần được quan tâm bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống, ngôn ngữ, tập quán sản xuất và sinh hoạt đặc thù của cộng đồng dân cư, có nét văn hóa khác với các Bản còn lại là dân tộc Bru-Vân kiều; - Là Bản được tập trung phát triển du lịch cộng đồng; - Đa phần người đồng bào dân tộc thiểu số chưa có phương tiện giao thông, chủ yếu đi bộ; - Diện tích tự nhiên là 83,97km², diện tích có người dân sinh sống là 0,5002 km².
6	Bản Cờ Đỏ	73	Giữ nguyên	73	<ul style="list-style-type: none"> - Là Bản thuộc xã biên giới, Bản thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Bản đặc biệt khó khăn; - Có vị trí địa lý biệt lập bao quanh bởi đồi núi hiểm trở và khe suối; khoảng cách đến Bản Nồong (bản liền kề gần nhất) là 6,5km đường quanh co, nhiều đèo dốc, thường xảy ra chia cắt vào mùa mưa lũ do nước từ khe suối dâng cao và sạt lở đất đá; - Là Bản được tập trung đầu tư xây dựng Nông thôn mới; - Đa phần người đồng bào dân tộc thiểu số chưa có phương tiện giao thông, chủ yếu đi bộ; - Diện tích tự nhiên là 5,955km², diện tích có người dân sinh sống là 0,499768 km².

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
7	Bản Chăm Pu	40	Giữ nguyên	40	<ul style="list-style-type: none"> - Là Bản thuộc xã biên giới, Bản thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Bản đặc biệt khó khăn; có vị trí địa lý biệt lập bao quanh bởi đồi núi hiểm trở nằm tách biệt trên một quả đồi bao quanh khe suối; - Khoảng cách đến Bản 51 (Bản liền kề gần nhất) là 03 km đường quanh co, dọc các sườn núi đá vôi, mùa mưa thường xảy ra trơn trượt và sạt lở đất đá; - Là Bản được tập trung đầu tư xây dựng mô hình lúa nước; đa phần người đồng bào dân tộc thiểu số chưa có phương tiện giao thông, chủ yếu đi bộ. - Diện tích tự nhiên là 4,94 km², diện tích có người dân sinh sống là 01 km²; - Nếu sáp nhập Bản Chăm Pu với Bản 51 (Bản liền kề gần nhất) thì khoảng cách từ đầu Bản đến cuối Bản trên 04 km đường giao thông bị chia cắt bởi khe suối.
8	Bản Ban	53	Sáp nhập bản Ban và bản Khe Rung thành bản mới	78	<ul style="list-style-type: none"> - Là Bản thuộc xã biên giới, Bản thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Bản đặc biệt khó khăn; - Có vị trí địa lý biệt lập bao quanh bởi đồi núi hiểm trở; dân cư phân tán thành 02 cụm cách nhau 0,8km; - Có đặc điểm lịch sử hình thành lâu đời, có bản sắc văn hóa, phong tục tập quán riêng, gắn bó chặt chẽ với cộng đồng dân cư hiện hữu. Việc sáp nhập cơ học với các bản có thể ảnh hưởng đến đời sống văn hóa, phong tục, tập quán và sự ổn định xã hội tại địa phương; - Khoảng cách đến Bản 39 (Bản liền kề gần nhất) là 6,3 km, giao thông đi lại khó khăn núi đá hiểm trở có nguy cơ xảy ra sạt lở đường, chia cắt vào mùa mưa lũ; - Có 63/78 hộ dân tộc Bru-Vân kiều (chiếm 81%), có nét văn hóa khác với Bản 39; - Đa phần người đồng bào dân tộc thiểu số chưa có phương tiện giao thông, chủ yếu đi bộ; - Diện tích tự nhiên là 25,62 km², diện tích có người dân sinh sống là 1,5 km².
9	Bản Khe Rung	25			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
10	Bản Nịu	40	Sáp nhập bản Nịu, bản Cà Roòng 1 và bản Cà Roòng 2 thành bản mới	143	<ul style="list-style-type: none"> - Là Bản thuộc xã biên giới, Bản thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Bản đặc biệt khó khăn; - Có vị trí địa lý biệt lập bao quanh bởi đồi núi hiểm trở; dân cư sinh sống phân tán 04 cụm (từ bản Nịu đến bản Cà Roòng 1 là 2,5 km; từ trung tâm bản Cà Roòng 1 đến khu định cư mới bản Cà Roòng 2 là 3,5 km; từ bản Cà Roòng 2 đến bản Cà Roòng 1 là 1,5 km). - Giao thông đi đến bản Cu Tồn (bản liền kề gần nhất) là 05 km giao thông đi lại khó khăn thường xuyên xảy ra chia cắt do cây ngã đổ, sạt lở đất đá vào mùa mưa lũ; - Đa phần người đồng bào dân tộc thiểu số chưa có phương tiện giao thông, chủ yếu đi bộ; - Diện tích tự nhiên là 12,43 km², diện tích có người dân sinh sống là 03 km².
11	Bản Cà Roòng 1	58			
12	Bản Cà Roòng 2	45			
13	Bản Bụt	58	Sáp nhập bản Bụt và bản 51 thành bản mới	84	<ul style="list-style-type: none"> - Là Bản thuộc xã biên giới, Bản thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Bản đặc biệt khó khăn; - Có vị trí địa lý biệt lập bao quanh bởi đồi núi hiểm trở; dân cư sống phân tán thành 02 cụm, khoảng cách từ đầu bản đến cuối bản là 1,3 km, tiếp giáp với nhau nhưng phải vượt qua khe suối (hiện tại chưa có cầu, giao thông phải lội qua khe suối nguy hiểm vào mùa mưa lũ), địa hình đồi núi hiểm trở; mùa mưa 2 bản bị chia cắt; - Giao thông đi đến Bản Chấm Pu (Bản liền kề gần nhất) là 03 km có nguy cơ xảy ra chia cắt do, sạt lở đất vào mùa mưa lũ; - Đa phần người đồng bào dân tộc thiểu số chưa có phương tiện giao thông, chủ yếu đi bộ; - Diện tích tự nhiên là 7,42 km², diện tích có người dân sinh sống là 1,5 km².
14	Bản 51	26			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)			
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ				
15	Bản Coóc	36	Sáp nhập bản Coóc và bản Cu Tồn thành bản mới	88	<ul style="list-style-type: none"> - Là Bản thuộc xã biên giới, Bản thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Bản đặc biệt khó khăn; - Có vị trí địa lý biệt lập bao quanh bởi đồi núi hiểm trở; - Bản Coóc có đường biên giới giáp với Cụm bản Noong Ma/Lào, có vị trí đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, quản lý đường biên, mốc giới và giữ gìn an ninh khu vực biên giới; - Dân cư sống phân tán thành 02 cụm, khoảng cách từ đầu Bản đến cuối bản là 04 km. - Giao thông đến bản Cồn Roàng (bản liền kề gần nhất) là 4 km có nguy cơ xảy ra chia cắt, sạt lở đất vào mùa mưa lũ; - Đa phần người đồng bào dân tộc thiểu số chưa có phương tiện giao thông, chủ yếu đi bộ; - Diện tích tự nhiên là 17,14km², diện tích có người dân sinh sống là 02 km². 			
16	Bản Cu Tồn	52				17	Bản Nồng Mới	36
18	Bản Nồng Cũ	18						

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)	
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ		
19	Bản 61	52	Sáp nhập bản 61 và bản Tuộc thành bản mới	86	<ul style="list-style-type: none"> - Là Bản thuộc xã biên giới, Bản thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Bản đặc biệt khó khăn; - Có vị trí địa lý biệt lập bao quanh bởi đồi núi hiểm trở; Bản Tuộc có đường biên giới giáp với Cụm bản Noong Mạ/Lào, có vị trí chiến lược về quốc phòng an ninh; - Dân cư sống phân tán thành 02 cụm, khoảng cách từ đầu bản đến cuối bản là 1,5km; - Giao thông đi lại đến Bản Troi (Bản liền kề gần nhất) là 07km, giao thông đi qua rừng núi đá hiểm trở; - Đa phần người đồng bào dân tộc thiểu số chưa có phương tiện giao thông, chủ yếu đi bộ; - Diện tích tự nhiên là 13,23 km², diện tích có người dân sinh sống là 02 km². 	
20	Bản Tuộc	34				31
1	Thôn Thanh Tân	835	Giữ nguyên	835		
2	Thôn Cao Cự	521	Giữ nguyên	521		
3	Thôn Nhân Hoà	111	Sáp nhập toàn bộ thôn Nhân Hoà và thôn Vĩnh Phú thành 01 thôn mới	663		
4	Thôn Vĩnh Phú	552				
5	Thôn Hợp Hoà	500	Giữ nguyên	500		
6	Thôn Vĩnh Lộc	393	Sáp nhập toàn bộ thôn Vĩnh Lộc và thôn Phú Trịch thành 01 thôn mới	645		
7	Thôn Phú Trịch	252				
8	Thôn Cồn Sẻ	847	Giữ nguyên	847		
9	Thôn Vĩnh Phước	729	Giữ nguyên	729		
10	Thôn La Hà Tây	346	Sáp nhập toàn bộ các thôn La Hà Tây, La Hà Nam và La Hà Đông thành 01 thôn mới	988		
11	Thôn La Hà Nam	304				
12	Thôn La Hà Đông	338				
13	Thôn Văn Phú	788	Giữ nguyên	788		

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
14	Thôn Minh Tiến	326	Giữ nguyên	326	<p>- Thôn Minh Tiến là thôn có diện tích lớn nhất của xã với 1.018,2 ha, Giao thông đi lại rất khó khăn, hiện nay từ Thôn Minh Tiến sang vùng đất liền chưa có cầu (mới có cầu đường sắt phục vụ tàu hoả). Thôn Minh Tiến có gần 80% (1.198/1.512 nhân khẩu) đồng bào theo đạo Thiên chúa giáo; có nhà 02 Thờ Thiên chúa giáo (01 nhà thờ thuộc chuẩn Giáo xứ Thanh Hà và 01 nhà thờ thuộc Giáo họ Thông Thống).</p> <p>- Về vị trí địa lý: Là Thôn vùng Cồn bãi, tách biệt hoàn toàn với khu vực đất liền xã Nam Gianh, trong đó: Phía Tây (khu vực rừng) giáp với xã Nam Ba Đồn; phía Nam giáp với xã Bắc Trạch (ngăn cách bởi Sông Sơn (01 nhánh thuộc sông Gianh)); phía Đông Giáp với vùng Cồn bãi (nguyên 05 Thôn: Cồn Nâm, Tân Định, Đông Thành, Trường Thái và Minh Hà nhập lại thành Thôn Nội Hà, 776 hộ/3.185 nhân khẩu), ngăn cách bởi ngã Ba sông Sơn và sông Nan, 02 bờ cách nhau 298m; phía Bắc giáp với Thôn Nam Minh Lệ (517 hộ/1995 khẩu) ngăn cách bởi sông Nan, 02 bờ cách nhau 212 m.</p> <p>- Nếu nhập với Thôn Nam Minh Lệ sẽ có khoảng cách từ đầu thôn Minh Tiến đến cuối Thôn Nam Minh Lệ là 6,4 km với số hộ 843 hộ/3.507 khẩu. Khoảng cách địa lý rất xa, số nhân khẩu quá lớn, lại bị chia cắt bởi hệ thống Sông Nan sẽ rất khó khăn trong điều hành, quản lý.</p> <p>- Nếu Nhập với Thôn Nội Hà (vùng Cồn bãi, nguyên 05 Thôn: Cồn Nâm, Tân Định, Đông Thành, Trường Thái và Minh Hà) sẽ có khoảng cách từ đầu thôn Minh Tiến đến Cuối thôn Nội Hà là 8,5 km với 1.102 hộ/4.706 nhân khẩu. Khoảng cách địa lý rất xa, số nhân khẩu quá lớn, lại bị chia cắt bởi hệ thống Sông Sơn sẽ rất khó khăn trong điều hành, quản lý.</p>
15	Thôn Nam Minh Lệ	517	Giữ nguyên	517	
16	Thôn Tây Minh Lệ	197	Sáp nhập toàn bộ thôn Tây Minh Lệ và thôn Bắc Minh Lệ thành 01 thôn mới	570	
17	Thôn Bắc Minh Lệ	373			
18	Thôn Cồn Nâm	120	Sáp nhập toàn bộ các thôn Cồn Nâm, Minh Hà, Tân Định, Đông Thành và Trường Thái thành 01 thôn mới	776	
19	Thôn Minh Hà	92			
20	Thôn Đông Thành	222			
21	Thôn Tân Định	157			
22	Thôn Trường Thái	185			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
32	XÃ PHÚ TRẠCH	8.332		8.332	
1	Thôn Minh Sơn	340	Sáp nhập thôn Minh Sơn và Chòm 4, thôn Vĩnh Sơn (138 hộ) thành 1 thôn	478	
2	Thôn Vĩnh Sơn (Chòm 4)	138			
3	Thôn Thọ Sơn	363	Giữ nguyên	363	
4	Thôn Vĩnh Sơn (Trừ Chòm 4)	588	Giữ nguyên sau khi trừ 138 hộ thuộc Chòm 4 của thôn (do năm độc lập sáp nhập vào thôn Minh Sơn)	588	
5	Thôn Đông Hưng	181	Sáp nhập thôn Đông Hưng và thôn 19/5 thành 1 thôn	505	
6	Thôn 19/5	324			
7	Thôn Nam Lãnh	515	Giữ nguyên	515	
8	Thôn Hải Đông	485	Giữ nguyên	485	
9	Thôn Phú Xuân	351	Giữ nguyên	351	
10	Thôn Tân Phú	250	Sáp nhập thôn Tân Phú, thôn Xuân Hải và thôn Phú Lộc 4 thành 1 thôn	718	
11	Thôn Xuân Hải	218			
12	Thôn Phú Lộc 4	250			
13	Thôn Phú Lộc 1	307	Sáp nhập thôn Phú Lộc 1, Phú Lộc 2 và Phú Lộc 3 thành 1 thôn	976	
14	Thôn Phú Lộc 2	297			
15	Thôn Phú Lộc 3	372			
16	Thôn 1	275	Sáp nhập thôn 1 và thôn 5 thành 1 thôn	447	
17	Thôn 5	172			
18	Thôn 2	366	Giữ nguyên và đổi tên	366	
19	Thôn Hùng Sơn	132	Sáp nhập thôn Hùng Sơn, thôn 3, thôn 4 thành 1 thôn	545	
20	Thôn 3	145			
21	Thôn 4	268			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
22	Thôn Hợp Phú	358	Sáp nhập thôn Hợp Phú và thôn Hợp Hạ thành 1 thôn	471	
23	Thôn Hợp Hạ	113			
24	Thôn Hợp Bàn	327	Sáp nhập thôn Hợp Bàn và thôn Hợp Trung thành 1 thôn	567	
25	Thôn Hợp Trung	240			
26	Thôn Thanh Xuân	479	Giữ nguyên	479	
27	Thôn Bưởi Rỏi	478	Giữ nguyên	478	
33	XÃ HÒA TRẠCH	7.788		7.788	
1	Thôn Hòa Lạc	276	Sáp nhập toàn bộ thôn Hòa Lạc và toàn bộ thôn Đất Đỏ thành 01 thôn mới	380	
2	Thôn Đất Đỏ	104			
3	Thôn Tiền Tiến	523	Giữ nguyên	523	
4	Thôn Trung Minh	828	Giữ nguyên	828	
5	Thôn Lý Nguyên	326	Sáp nhập toàn bộ thôn Lý Nguyên và toàn bộ thôn Sơn Tùng thành 01 thôn mới	484	
6	Thôn Sơn Tùng (Quảng Châu cũ)	158			
7	Thôn Tùng Giang	419	Sáp nhập toàn bộ thôn Tùng Giang, toàn bộ thôn Hạ Lý và toàn bộ thôn Tân Châu thành 01 thôn mới	767	
8	Thôn Hạ Lý	177			
9	Thôn Tân Châu	171			
10	Thôn Phúc Kiều	641	Giữ nguyên	641	
11	Thôn Sơn Tùng (Quảng Tùng cũ)	830	Giữ nguyên	830	
12	Thôn Di Lộc	651	Sáp nhập toàn bộ thôn Di Lộc và toàn bộ thôn Di Luân thành 01 thôn mới	944	
13	Thôn Di Luân	293			
14	Thôn Tân Cảnh	478	Giữ nguyên	478	
15	Thôn Cảnh Thượng	296	Sáp nhập toàn bộ thôn Cảnh Thượng và toàn bộ thôn Liên Trung thành 01 thôn mới	666	
16	Thôn Liên Trung	370			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
17	Thôn Thượng Giang	207	Sáp nhập toàn bộ thôn Thượng Giang, toàn bộ thôn Đông Tinh, toàn bộ thôn Đông Dương và toàn bộ thôn Đông Càng thành 01 thôn mới	613	
18	Thôn Đông Tinh	117			
19	Thôn Đông Dương	135			
20	Thôn Đông Càng	154			
21	Thôn Trung Vũ	474	Sáp nhập toàn bộ thôn Trung Vũ và toàn bộ thôn Yên Hải thành 01 thôn mới	634	
22	Thôn Yên Hải	160			
34	XÃ NAM TRẠCH	7.636		7.636	
1	Thôn Nhân Quang	408	Sáp nhập toàn bộ thôn Nhân Quang (bao gồm 03 hộ khu vực Đồi Cát) và dự kiến 50 hộ thôn Nhân Tiến (đoạn phía cầu mẹ Niều đi vào và các hộ thuộc dọc trục đường 567 tiếp giáp thôn Nhân Quang) thành 01 thôn mới	458	
2	Thôn Nhân Tiến (một phần)	50			
3	Thôn Nhân Hải	275	Sáp nhập toàn bộ thôn Nhân Hải, toàn bộ các hộ dân thôn 9, một phần của thôn Nhân Tiến (cụm 1, 2 có 77 hộ dân) thành 01 thôn mới	431	
4	Thôn 9	79			
5	Thôn Nhân Tiến (một phần)	77			
6	Thôn Nhân Nam	318	Sáp nhập toàn bộ thôn Nhân Nam, số hộ còn lại của thôn Nhân Tiến (dự kiến 167 hộ) thành 01 thôn mới	485	
7	Thôn Nhân Tiến (một phần)	167			
8	Thôn Nhân Bắc	379	Sáp nhập toàn bộ thôn Nhân Bắc và toàn bộ thôn Nhân Đức thành 01 thôn mới	710	
9	Thôn Nhân Đức	331			
10	Thôn Bắc Hồng	206	Sáp nhập toàn bộ thôn Bắc Hồng và toàn bộ thôn Nam Hồng thành 01 thôn mới	482	
11	Thôn Nam Hồng	276			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
12	Bản Khe Ngát	109	Giữ nguyên	109	- Bản Khe Ngát có 109 hộ với 441 hộ dân là người dân tộc thiểu số Bru Vân Kiều, thuộc thôn đặc biệt khó khăn; - Khoảng cách địa lý từ Bản với tổ dân phố liền kề là 06 km, giao thông đi lại khó khăn, qua khe suốt, ngâm tràn, địa hình đồi núi, cách trở, bị chia cắt bởi khe suối vào mùa mưa lũ. Bản bị ngăn cách biệt lập với các khu vực lân cận; - Về quy mô diện tích sau khi nếu sắp xếp bản Khe Ngát vào vùng lân cận có người dân sinh sống rộng khoảng 32 km ² , do địa hình trải rộng, dân cư sinh sống bị phân tán lớn ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành; - Ngoài ra, do sự khác biệt về phong tục, tập quán, sinh hoạt, tiếng nói riêng, vì vậy nếu sáp nhập bản Khe Ngát với các tổ dân phố liền kề sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của bà con đồng bào dân tộc thiểu số.
13	TDP Chiến Thắng	210	Sáp nhập toàn bộ TDP Xung Kích, toàn bộ TDP Chiến Thắng, một phần của TDP Thắng Lợi (142 hộ), một phần TDP 3 (47 hộ) thành 01 thôn mới	567	
14	TDP Thắng Lợi (một phần)	142			
15	TDP 3 (một phần)	47			
16	TDP Xung Kích	168			
17	TDP Phú Quý	382	Sáp nhập toàn bộ TDP Quyết Tiến, TDP Phú Quý thành 01 thôn mới	759	
18	TDP Quyết Tiến	377			
19	TDP Quyết Thắng	306	Sáp nhập toàn bộ TDP Quyết Thắng, phần còn lại của TDP Thắng Lợi (221 hộ) và phần còn lại của TDP 3 (194 hộ) thành 01 thôn mới	721	
20	TDP Thắng Lợi (một phần)	221			
21	TDP 3 (một phần)	194			
22	TDP Truyền Thống	259	Sáp nhập toàn bộ TDP Truyền Thống, TDP Hữu Nghị, TDP Dũng cảm thành 01 thôn mới	722	
23	TDP Hữu Nghị	242			
24	TDP Dũng Cảm	221			
25	Thôn Đông Thành	193	Sáp nhập toàn bộ thôn Đông Thành, thôn Tây Thành thành 01 thôn mới	392	
26	Thôn Tây Thành	199			
27	Thôn Chánh Hòa	256			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
28	Thôn Hòa Trạch	106	Sáp nhập toàn bộ thôn Chanh Hòa, thôn Hòa Trạch và thôn Sao Sa thành 01 thôn mới	517	
29	Thôn Sao Sa	155			
30	Thôn 1	135	Sáp nhập toàn bộ các thôn: 1,2,3,4,5 và phần lớn các hộ dân của thôn 8 (dự kiến 159 hộ) thành 01 thôn mới	746	
31	Thôn 2	101			
32	Thôn 3	67			
33	Thôn 4	155			
34	Thôn 5	129			
35	Thôn 8 (một phần)	159	Sáp nhập toàn bộ các thôn: 6, 7, 10 và phần còn lại của thôn 8 (dự kiến 25 hộ) thành 01 thôn mới	537	
36	Thôn 6	179			
37	Thôn 7	188			
38	Thôn 8 (một phần)	25			
39	Thôn 10	145			
35	XÃ NAM BA ĐỒN	7.013		7.013	
1	Thôn Tiên Phong	309	Sáp nhập toàn bộ thôn Tiên Phong, toàn bộ thôn Vinh Quang và toàn bộ thôn Trường Thọ thành thôn mới	743	
2	Thôn Vinh Quang	206			
3	Thôn Trường Thọ	228			
4	Thôn Long Trung	221	Sáp nhập toàn bộ thôn Tiên Sơn, toàn bộ thôn Long Trung và toàn bộ Thôn Tiên Phan thành thôn mới	552	
5	Thôn Tiên Phan	163			
6	Thôn Tiên Sơn	168			
7	Thôn Tiên Xuân	202	Sáp nhập toàn bộ thôn Tiên Xuân và toàn bộ Thôn Công Hòa thành thôn mới	533	
8	Thôn Công Hòa	331			
9	Thôn Trung Thôn	500	Sáp nhập toàn bộ thôn Thượng Thôn và toàn bộ Thôn Trung Thôn thành thôn mới	787	
10	Thôn Thượng Thôn	287			
11	Thôn Biểu Lệ	554	Giữ nguyên	554	
12	Thôn Tân Trường	247	Sáp nhập toàn bộ thôn Tân Trường, toàn bộ Thôn		

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
13	Thôn Tân Đức	248	Tân Đức và toàn bộ thôn Tân Hóa thành thôn mới	706	
14	Thôn Tân Hóa	211			
15	Thôn Tân Lộc	228	Sáp nhập toàn bộ thôn Tân Lộc và toàn bộ Thôn Tân Tiến thành thôn mới	491	
16	Thôn Tân Tiến	263			
17	Thôn Xuân Thủy	144	Sáp nhập toàn bộ thôn Xuân Thủy, toàn bộ Thôn Nam Thủy, toàn bộ thôn Thượng Thủy, toàn bộ thôn Trung Thủy và toàn bộ thôn Đông Bắc thành thôn mới	756	
18	Thôn Nam Thủy	194			
19	Thôn Thượng Thủy	133			
20	Thôn Trung Thủy	162			
21	Thôn Đông Bắc	123			
22	Thôn Tân Sơn	162	Giữ nguyên	162	<ul style="list-style-type: none"> - Thôn Tân Sơn có 162 hộ với 806 khẩu, 100% là đồng bào theo đạo thiên chúa giáo, không có diện tích và phong tục canh tác lúa nước. Do sự khác biệt về phong tục tập quán sinh hoạt giữa tôn giáo thiên chúa giáo và không theo đạo vì vậy khó hòa nhập nếu sắp xếp lại. Là thôn duy nhất của xã Nam Ba Đồn được công nhận thôn khó khăn; - Khoảng cách từ thôn Tân Sơn đến thôn liền kề là thôn Linh Cận Sơn trên 10km; - Về quy mô diện tích sau khi nếu sắp xếp 46,5km², địa hình đồi núi đi lại khó khăn, người dân thôn Tân sơn từ sau dự án đập rào nan thì được tập trung ra gần đường giao thông sinh sống, trải dài tầm 5km chạy dài.
23	Thôn Linh Cận Sơn	245	Sáp nhập toàn bộ thôn Linh Cận Sơn, toàn bộ Thôn Hà Sơn, toàn bộ thôn Trung Thượng, toàn bộ thôn Minh Sơn và toàn bộ thôn Bắc Sơn thành thôn mới	818	
24	Thôn Hà Sơn	69			
25	Thôn Trung Thượng	184			
26	Thôn Minh Sơn	126			
27	Thôn Bắc Sơn	194			
28	Thôn Diên Trường	433	Giữ nguyên	433	
29	Thôn Thọ Hạ	478	Giữ nguyên	478	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
36	XÃ HOÀN LÃO	10.334		10.334	
1	Tổ dân phố 1	243	Sáp nhập toàn bộ TDP 1 và toàn bộ TDP 11 thành 01 thôn mới	443	
2	Tổ dân phố 11	200			
3	Tổ dân phố 2	354	Sáp nhập một phần thôn 8 (106 hộ) và toàn bộ TDP 2 thành 01 thôn mới	460	
4	Thôn 8	106			
5	Tổ dân phố 3	295	Sáp nhập toàn bộ TDP 3 và toàn bộ TDP 4 thành 01 thôn mới	563	
6	Tổ dân phố 4	268			
7	Tổ dân phố 5	376	Sáp nhập toàn bộ TDP 6 và toàn bộ TDP 5 thành 01 thôn mới	661	
8	Tổ dân phố 6	285			
9	Tổ dân phố 8	178	Sáp nhập toàn bộ TDP 8 và toàn bộ TDP 10 thành 01 thôn mới	433	
10	Tổ dân phố 10	255			
11	Tổ dân phố 7	237	Sáp nhập toàn bộ TDP 7 và toàn bộ TDP 9 thành 01 thôn mới	527	
12	Tổ dân phố 9	290			
13	Tổ dân phố 12	238	Sáp nhập toàn bộ TDP 12 và toàn bộ TDP 15 thành 01 thôn mới	456	
14	Tổ dân phố 15	218			
15	Thôn 1	74	Sáp nhập toàn bộ Thôn 1, toàn bộ Thôn 2 và toàn bộ Thôn 3 thành 01 thôn mới	441	
16	Thôn 2	200			
17	Thôn 3	167			
18	Thôn 4	252	Sáp nhập toàn bộ Thôn 4 và toàn bộ Thôn 5 thành 01 thôn mới	366	
19	Thôn 5	114			
20	Thôn 6	157	Sáp nhập toàn bộ Thôn 6, toàn bộ Thôn 7 và một phần thôn 8 (193 hộ) thành 01 thôn mới	577	
21	Thôn 7	227			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
22	Thôn 8	193			
23	Thôn Phúc Tự Đông	511	Giữ nguyên	511	
24	Thôn Đông Bắc	357	Giữ nguyên	357	
25	Thôn Lý Nhân	353	Giữ nguyên	353	
26	Thôn Phúc Tự Tây	520	Giữ nguyên	520	
27	Thôn Phương Hạ	351	Sáp nhập toàn bộ Thôn Đại Nam 1 và toàn bộ Thôn Phương Hạ thành 01 thôn mới	455	
28	Thôn Đại Nam 1	104			
29	Thôn Đại Nam 2	124	Sáp nhập toàn bộ Thôn Đại Nam 2 và toàn bộ Thôn Đại Nam thành 01 thôn mới	401	
30	Thôn Đại Nam	277			
31	Thôn Làng	248	Sáp nhập toàn bộ Thôn Làng và toàn bộ Thôn Chùa Sỏi thành 01 thôn mới	509	
32	Thôn Chùa Sỏi	261			
33	Thôn Cồn Mít	265	Sáp nhập toàn bộ Thôn Cồn Mít và toàn bộ Thôn Rẫy thành 01 thôn mới	529	
34	Thôn Rẫy	264			
35	Thôn Võ Thuận 1	133	Sáp nhập toàn bộ Thôn Võ Thuận 1, toàn bộ Thôn Võ Thuận 2 và toàn bộ Thôn Võ Thuận 3 thành 01 thôn mới	426	
36	Thôn Võ Thuận 2	139			
37	Thôn Võ Thuận 3	154			
38	Thôn Cà	352	Giữ nguyên (352 hộ, trong đó có 20 hộ đang làm các thủ tục nhập hộ vào ở tại Khu tái định cư của thôn Cà)	352	
39	Thôn Hổ	217	Sáp nhập toàn bộ Thôn Hổ và toàn bộ Thôn Dài thành 01 thôn mới	405	
40	Thôn Dài	188			
41	Thôn Hòa Đồng	140	Sáp nhập toàn bộ Thôn Hoà Đồng, toàn bộ Thôn Bàng và toàn bộ Thôn Sen thành 01 thôn mới	589	
42	Thôn Bàng	267			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
43	Thôn Sen	182			
37	XÃ ĐÔNG TRẠCH	8.341		8.341	
1	Thôn Tân Lộc	81	Sáp nhập toàn bộ Thôn Tân Lộc và Thôn Thanh Lộc thành 01 thôn mới	201	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số hộ sau sáp nhập 201 hộ. Đây là 2 thôn thuộc thôn miền núi của xã Đông Trạch, theo quyết định số 668/QĐ-UBND, ngày 13/02/2026, của UBND tỉnh Quảng Trị. - Thôn Tân Lộc có diện tích 380 ha, thôn Thanh Lộc 235 ha, dân cư sống biệt lập so với các thôn kề cận cách thôn kề cận 1,5km bởi quả đồi, rừng cao su và rừng keo của Công ty Lâm công nghiệp Bắc Quảng Bình - Chi nhánh rừng thông Bồ Trạch. - Địa bàn 2 thôn này còn ngăn cách các thôn khác bởi Khe Su, là nơi thường xảy ra ngập lụt, chia cắt khi vào mùa mưa lũ.
2	Thôn Thanh Lộc	120			
3	Thôn Sơn Lý	193	Sáp nhập toàn bộ Thôn Sơn Lý, Đồng Sơn, Phú Sơn thành 01 thôn mới	503	
4	Thôn Đồng Sơn	168			
5	Thôn Phú Sơn	142			
6	Thôn 1	254	Sáp nhập toàn bộ Thôn 1, Thôn 2 thành 01 thôn mới	475	
7	Thôn 2	221			
8	Thôn 3	163	Sáp nhập toàn bộ Thôn 3, Thôn 4 thành 01 thôn mới	382	
9	Thôn 4	219			
10	Thôn 5	250	Sáp nhập toàn bộ Thôn 5, Thôn 6 thành 01 thôn mới	544	
11	Thôn 6	294			
12	Thôn Mai Hồng	171	Sáp nhập toàn bộ Thôn Mai Hồng, Thôn Thượng Đức thành 01 thôn mới	549	
13	Thôn Thượng Đức	378			
14	Thôn Đông Đức	303	Sáp nhập toàn bộ Thôn Đông Đức, Thôn Trung Đức thành 01 thôn mới	546	
15	Thôn Trung Đức	243			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
16	Thôn Nam Đức	592	Giữ nguyên	592	
17	Thôn Đức Trung	415	Sáp nhập toàn bộ Thôn Đức Trung, Thôn Bàu Bàng thành 01 thôn mới	578	
18	Thôn Bàu Bàng	163			
19	Thôn Bắc Duyệt	114	Sáp nhập toàn bộ Thôn Bắc Duyệt, Trung Duyệt, Nam Duyệt thành 01 thôn mới	278	<p>- Thôn Bắc Duyệt có diện tích 207.8 ha, thôn Trung Duyệt 10.2 ha, thôn Nam Duyệt 45.3 ha, diện tích rộng, người dân sống phân tán; 3 thôn này ngăn cách với các thôn khác bởi cánh đồng rộng tầm 1km và đập Bàu Cừa. Đập này là nơi thường xảy ra ngập lụt vào mùa mưa, chia cắt vào mùa mưa lũ.</p> <p>- Xét về yếu tố văn hóa: 3 thôn này trước đây cùng một làng, có tên là làng Kè Đồi, năm 1946 gọi là làng Hỷ Duyệt. Xét từ nguồn gốc xa xưa, 3 thôn trên có nhiều nét tương đồng về văn hóa, phong tục tập quán. Vì vậy nguyện vọng người dân muốn thành lập lại thôn như trước đây để lưu giữ nét văn hóa truyền thống.</p>
20	Thôn Trung Duyệt	73			
21	Thôn Nam Duyệt	91			
22	Thôn Đông Duyệt 1	122	Sáp nhập toàn bộ thôn Đông Duyệt 1, Đông Duyệt 2, Bắc Sơn và thôn Nam Sơn thành 01 thôn mới	484	
23	Thôn Đông Duyệt 2	77			
24	Thôn Bắc Sơn	120			
25	Thôn Nam Sơn	165			
26	Thôn Bình Thuận	123	Sáp nhập toàn bộ Thôn Bình Thuận, Quý Thuận và Thôn Trung Thuận thành 01 thôn mới	385	
27	Thôn Quý Thuận	154			
28	Thôn Trung Thuận	108			
29	Thôn Quốc lộ 1A	373	Giữ nguyên	373	
30	Thôn Nội Hải	383	Giữ nguyên	383	
31	Thôn Tân Lý	706	Giữ nguyên	706	
32	Thôn Nội Hoà	476	Giữ nguyên	476	
33	Thôn Thượng Hoà	381	Giữ nguyên	381	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
34	Thôn Ngoại Hoà	248	Sáp nhập toàn bộ Thôn Ngoại Hoà, Thôn Trung Hoà thành 01 thôn mới	505	
35	Thôn Trung Hoà	257			
38	XÃ PHONG NHA	10.043		10.043	
1	TDP Xuân Sơn	505	Tách 505 hộ TDP Xuân Sơn từ giáp ranh ngã ba thôn Phúc Đồng về ngã ba đường Ngô Quyền và đường Trường Chinh thành 01 thôn mới	505	
2	TDP Gia Tĩnh	243	Sáp nhập toàn bộ TDP Gia Tĩnh và 112 hộ gia đình của TDP Xuân Sơn giáp ranh với TDP Gia Tĩnh đến Ngã ba đường Ngô Quyền và đường Trường Chinh (TDP Xuân Sơn) thành thôn mới	355	
3	TDP Xuân Sơn	112			
4	TDP Na	251	Giữ nguyên toàn bộ số hộ gia đình và thay đổi từ tổ dân phố thành thôn	251	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ dân phố Na cách khu dân cư tập của TDP Xuân Sơn 1,2 km về phía Đông, giao thông kết nối khó khăn, địa hình phức tạp; cách khu dân cư tập trung của tổ dân phố Trầm Mé 3km về phía Tây và không có đường giao thông kết nối; phía Nam giáp với Sông Sơn; phía Bắc là dãy núi đá vôi. - Tổ dân phố Na (nay đổi thành thôn Na) là thôn thuộc vùng miền núi theo Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị. - Do điều kiện địa hình đặc thù của khu vực miền núi, bị chia cắt bởi sông, núi, giao thông đi lại khó khăn, việc không sáp nhập thôn Na với quy mô 251 hộ gia đình là phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 8; điểm a, khoản 3, Điều 10, Nghị định 185/2026/NĐ-CP và thực tiễn địa phương, tạo thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở. - Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa và triển khai các chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
5	Bản Rào Con	61	Giữ nguyên	61	<ul style="list-style-type: none"> - Tại Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, xã Phong Nha thuộc xã khu vực III, miền núi; Bản Rào Con thuộc danh mục thôn đặc biệt khó khăn. - Bản Rào Con thuộc địa bàn miền núi với 100% đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn, có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán dọc các sườn núi; đời sống văn hóa, phong tục tập quán khác biệt so với các thôn, tổ dân phố khác xã Phong Nha. - Qua rà soát thực tế, nếu thực hiện sáp nhập bản Rào Con với TDP Phong Nha sẽ hình thành đơn vị TDP có địa bàn quản lý rất rộng, khoảng cách từ trung tâm thôn đến các khu dân cư thuộc bản Rào Con khoảng 15km. - Do điều kiện địa hình đặc thù của khu vực miền núi, việc giữ nguyên bản Rào Con với quy mô 61 hộ gia đình là phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 8; điểm a, khoản 3, Điều 10, Nghị định 185/2026/NĐ-CP và thực tiễn địa phương, tạo thuận lợi cho đời sống văn hóa, phong tục tập quán, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa và triển khai các chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.
6	TDP Cù Lạc 1	496	Tách 496 hộ đến phần ranh giới nhà ông Phòng thành 01 thôn mới	496	
7	TDP Cù Lạc 2	382	Giữ nguyên toàn bộ số hộ gia đình và thay đổi từ tổ dân phố thành thôn	382	
8	TDP Xuân Tiến	306	Sáp nhập toàn bộ TDP Xuân Tiến với toàn bộ TDP Hà Lòi và 16 hộ gia đình TDP Cù Lạc 1 (từ nhà ông Phòng đến giáp ranh với TDP Xuân Tiến) thành 01 thôn mới	623	
9	TDP Hà Lòi	301			
10	TDP Cù Lạc 1	16			
11	TDP Phong Nha	524	Giữ nguyên toàn bộ số hộ gia đình và thay đổi từ tổ dân phố thành thôn	524	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
12	Thôn 1 Xuân Trạch	163	Sáp nhập toàn bộ Thôn 1 Xuân Trạch, Thôn 2 Xuân Trạch, Thôn 3 Xuân Trạch và toàn bộ Thôn 4 Xuân Trạch thành 1 thôn mới	738	
13	Thôn 2 Xuân Trạch	206			
14	Thôn 3 Xuân Trạch	166			
15	Thôn 4 Xuân Trạch	203			
16	Thôn 5 Xuân Trạch	256	Sáp nhập toàn bộ Thôn 5 Xuân Trạch, Thôn 6 Xuân Trạch và toàn bộ Thôn 7 Xuân Trạch thành 01 thôn mới	657	
17	Thôn 6 Xuân Trạch	225			
18	Thôn 7 Xuân Trạch	176			
19	Thôn 8	161	Sáp nhập toàn bộ Thôn 8, Thôn 9 và toàn bộ Thôn 10 thành 01 thôn mới	484	
20	Thôn 9	169			
21	Thôn 10	154			
22	Thôn 1 Lâm Trạch	187	Sáp nhập toàn bộ Thôn 1 Lâm Trạch, Thôn 2 Lâm Trạch, toàn bộ Thôn 3 Lâm Trạch và 04 hộ gia đình của Thôn 4 Lâm Trạch (từ ngã tư điểm Trạm Y tế Lâm Trạch giáp ranh với thôn 3 Lâm Trạch) thành 01 thôn mới	565	
23	Thôn 2 Lâm Trạch	182			
24	Thôn 3 Lâm Trạch	192			
25	Thôn 4 Lâm Trạch	4			
26	Thôn 4 Lâm Trạch	137	Sáp nhập 137 hộ của Thôn 4 Lâm Trạch, Thôn 5 Lâm Trạch, Thôn 6 Lâm Trạch và toàn bộ Thôn 7 Lâm Trạch thành 01 thôn mới	606	
27	Thôn 5 Lâm Trạch	152			
28	Thôn 6 Lâm Trạch	230			
29	Thôn 7 Lâm Trạch	87			
30	Thôn 1 Phúc Đồng	409	Sáp nhập toàn bộ Thôn 1 Phúc Đồng và toàn bộ Thôn 4 Phúc Đồng thành 01 thôn mới	751	
31	Thôn 4 Phúc Đồng	342			
32	Thôn 2 Phúc Đồng	351	Sáp nhập toàn bộ Thôn 2 Phúc Đồng và toàn bộ Thôn 3 Phúc Đồng thành 01 thôn mới	841	
33	Thôn 3 Phúc Đồng	490			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
34	Thôn 1 Phúc Khê	333	Sáp nhập toàn bộ Thôn 1 Phúc Khê và 89 hộ gia đình của Thôn 2 Phúc Khê (từ ngã tư sân bóng Thôn 2 Phúc Khê đến phần giáp ranh với Thôn 1 Phúc Khê) thành 01 thôn mới	422	
35	Thôn 2 Phúc Khê	89			
36	Thôn 2 Phúc Khê	130	Sáp nhập toàn bộ Thôn 3 Phúc Khê và 130 hộ gia đình của Thôn 2 Phúc Khê (từ ngã tư sân bóng Thôn 2 Phúc Khê đến phần giáp ranh với Thôn 3 Phúc Khê) thành 01 thôn mới	419	
37	Thôn 3 Phúc Khê	289			
38	Thôn 1 Thanh Sen	304	Sáp nhập toàn bộ thôn 1 Thanh Sen, Thôn 2 Thanh Sen, Thôn 3 Thanh Sen và toàn bộ Thôn 4 Thanh Sen thành 01 thôn mới	758	
39	Thôn 2 Thanh Sen	180			
40	Thôn 3 Thanh Sen	166			
41	Thôn 4 Thanh Sen	108			
42	Thôn Chày Lập	304	Sáp nhập toàn bộ Thôn Chày Lập và toàn bộ TDP Trầm Mé thành 01 thôn mới	605	
43	TDP Trầm Mé	301			
39	XÃ BỐ TRẠCH	8.911		8.911	
1	Thôn Dài	243	Sáp nhập toàn bộ Thôn Dài, Rẫy, Mới thành 01 thôn mới	681	
2	Thôn Rẫy	184			
3	Thôn Mới	254			
4	Thôn Sen	84	Sáp nhập toàn bộ Thôn Sen, Tròn, Sỏi thành 01 thôn mới	366	
5	Thôn Tròn	140			
6	Thôn Sỏi	142			
7	Thôn Đông	198	Sáp nhập toàn bộ Thôn Đông, Tây, Dinh Lễ thành 01 thôn mới	491	
8	Thôn Tây	132			
9	Thôn Dinh Lễ	161			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
10	Thôn Nam	191	Sáp nhập toàn bộ Thôn Nam, Bắc, Thọ Lộc thành 01 thôn mới	544	
11	Thôn Bắc	193			
12	Thôn Thọ Lộc	160			
13	Thôn Nam Định	143	Sáp nhập toàn bộ Thôn Nam Định, Trung Định, Tân Định thành 01 thôn mới	410	
14	Thôn Trung Định	136			
15	Thôn Tân Định	131			
16	Thôn Bắc Định	128	Sáp nhập toàn bộ Bắc Định, Tây Định, Sơn Định thành 01 thôn mới	412	
17	Thôn Tây Định	141			
18	Thôn Sơn Định	143			
19	Thôn Sen Năm	127	Sáp nhập toàn bộ Sen Năm, Bắc Năm, Hà Môn thành 01 thôn mới	445	
20	Thôn Bắc Năm	142			
21	Thôn Hà Môn	176			
22	Thôn Tân Năm	336	Sáp nhập toàn bộ Tân Năm, Mỹ Sơn thành 01 thôn mới	561	
23	Thôn Mỹ Sơn	225			
24	Thôn Nam Năm	226	Sáp nhập toàn bộ Nam Năm, Đông Năm, Tây Năm, Trung Năm thành 01 thôn mới	665	
25	Thôn Đông Năm	111			
26	Thôn Tây Năm	161			
27	Thôn Trung Năm	167			
28	Thôn Đông Sơn	231	Sáp nhập toàn bộ Đông Sơn, Trung Sơn, Hoà Sơn, Nguyên Sơn thành 01 thôn mới	658	
29	Thôn Trung Sơn	111			
30	Thôn Hoà Sơn	136			
31	Thôn Nguyên Sơn	180			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
32	Thôn Khương Hà 1	387	Sáp nhập toàn bộ Khương Hà 1 và Khương Hà 4 thành 01 thôn mới	520	
33	Thôn Khương Hà 4	133			
34	Thôn Khương Hà 2	417	Sáp nhập toàn bộ Khương Hà 2 và Khương Hà 3 thành 01 thôn mới	600	
35	Thôn Khương Hà 3	183			
36	Thôn Cổ Giang 1	372	Sáp nhập toàn bộ Cổ Giang 1 và Cổ Giang 2 thành 01 thôn mới	692	
37	Thôn Cổ Giang 2	320			
38	Thôn Thanh Hưng 1	394	Giữ nguyên, dự kiến đổi tên	394	
39	Thôn Thanh Hưng 2	471	Sáp nhập 80 hộ thôn Thanh Bình 1 vào Thanh Hưng 2 thành 01 thôn mới	551	
40	Thôn Thanh Bình 1	80			
41	Thôn Thanh Bình 1	192	Sáp nhập 192 hộ Thanh Bình 1, Thanh Bình 2, Thanh Bình 3 thành 01 thôn mới	509	
42	Thôn Thanh Bình 2	220			
43	Thôn Thanh Bình 3	97			
44	Thôn Bồng Lai 1	212	Sáp nhập toàn bộ Bồng Lai 1 và Bồng Lai 2 thành 01 thôn mới	412	
45	Thôn Bồng Lai 2	200			
40	XÃ TRƯỜNG PHÚ	5.232		5.389	<i>Tiếp nhận 157 hộ dân của Thôn 1, xã Lệ Ninh chuyển qua</i>
1	Thôn 1 - Long Đại	170	Sáp nhập toàn bộ Thôn Long Đại, thôn Giang Sơn, thôn Trường Giang và toàn bộ Thôn Hương Thi thành 01 thôn mới	529	
2	Thôn 2 - Giang Sơn	145			
3	Thôn 3 - Trường Giang	146			
4	Thôn 4 - Hương Thi	68			
5	Thôn 5 - Văn Thủy	193	Sáp nhập toàn bộ Thôn Văn Thủy, Thôn Việt Xô và toàn bộ Thôn Đông Xuân thành 01 thôn mới	560	
6	Thôn 6 - Việt Xô	224			
7	Thôn 7 - Đông Xuân	143			
8	Thôn 8 - Văn Minh	212	Sáp nhập toàn bộ Thôn Văn Minh và toàn bộ	352	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
9	Thôn 9 - Trạng Cau	140	Thôn Trạng Cau thành 01 thôn mới	140	
10	Thôn 10 - Thái Xá	234	Sáp nhập toàn bộ Thôn Thái Xá, Thôn Quảng Trung, Thôn Mai Thượng và toàn bộ Thôn Lê Bình thành 01 thôn mới	602	
11	Thôn 11 - Quảng Trung	32			
12	Thôn 12 - Mai Thượng	231			
13	Thôn 13 - Lê Bình	105			
14	Thôn 14 - Xuân Lai	194	Sáp nhập toàn bộ Thôn Xuân Lai và toàn bộ Thôn Mai Hạ thành 01 thôn mới	476	
15	Thôn 15 - Mai Hạ	282			
16	Thôn 16 - Châu Xá	277	Sáp nhập toàn bộ Thôn Châu Xá và toàn bộ Thôn Lê Xá thành 01 thôn mới	701	
17	Thôn 17 - Lê Xá	424			
18	Thôn 19 - Văn Xá	392	Sáp nhập toàn bộ Thôn Văn Xá và toàn bộ Thôn Phú Xuân thành 01 thôn mới	481	
19	Thôn 20 - Phú Xuân	89			
20	Thôn 18 - Thạch Bàn	372	Giữ nguyên	372	
21	Thôn 21 - Phú Hòa	752	Sáp nhập toàn bộ thôn Phú Hòa và 80 hộ của Thôn 1, xã Lê Ninh thành 01 thôn mới	832	
22	Thôn 22 - Tam Hương	407	Sáp nhập toàn bộ thôn Tam Hương và 77 hộ của Thôn 1, xã Lê Ninh thành 01 thôn mới	484	
41	XÃ LỆ NINH	5.866		5.709	<i>Chuyển 157 hộ của Thôn 1 sang xã Trường phú</i>
1	Thôn Mỹ Hòa	100	Sáp nhập toàn bộ Thôn Mỹ Hoà, toàn bộ Thôn Ngô Bắc và toàn bộ Thôn Vinh Quang thành 01 thôn mới	399	
2	Thôn Ngô Bắc	110			
3	Thôn Vinh Quang	189			
4	Thôn Lại Xá	233	Sáp nhập toàn bộ Thôn Lại Xá và toàn bộ Thôn Ngô Xá, 133 Thôn Hoàng Đàm thành 01 thôn mới	495	
5	Thôn Ngô Xá	129			
6	Thôn Hoàng Đàm	167			
7	Thôn Lộc Xá	154	Sáp nhập toàn bộ Thôn Lộc Xá và toàn bộ Thôn		

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
8	Thôn Trung Tín	161	Trung Tín + 34 hộ thôn Hoàng Đàm + 04 hộ Thôn 1 thành 01 thôn mới	353	
9	Thôn 1	161			
10	Thôn Hoàng Viễn	397	Giữ nguyên	397	
11	Thôn Xuân Bắc 1	314	Sáp nhập toàn bộ Thôn Xuân Bắc 1 và 20 hộ Thôn Xuân Bắc 3 + 15 hộ thôn Xuân Bắc 2 + 5 hộ thôn Eo Rú thành 01 thôn mới	354	
12	Thôn Xuân Bắc 3 (một phần)	20			
13	Thôn Xuân Bắc 2 (một phần)	15			
14	Thôn Eo Rú (một phần)	5			
15	Thôn Xuân Bắc 3 (một phần)	157	Sáp nhập 270 hộ Thôn Xuân Bắc 2 và 157 hộ Thôn Xuân Bắc 3 thành 01 thôn mới	427	
16	Thôn Xuân Bắc 2 (một phần)	270			
17	Thôn Xuân Sơn	142	Sáp nhập toàn bộ Thôn Xuân Sơn và toàn bộ Thôn Mã thành 01 thôn mới	359	
18	Thôn Mã	217			
19	Thôn Ninh Lộc	259	Sáp nhập toàn bộ Thôn Ninh Lộc, toàn bộ Thôn Phước Vinh và toàn bộ Thôn Thượng Xá thành 01 thôn mới	590	
20	Thôn Phước Vinh	203			
21	Thôn Thượng Xá	128			
22	Thôn Eo Rú (một phần)	157	Sáp nhập 157 hộ Thôn Eo Rú và toàn bộ Thôn Lăng Chùa thành 01 thôn mới	391	
23	Thôn Lăng Chùa	234			
24	Thôn Mỹ Đức	556	Giữ nguyên	556	
25	Thôn 4	269	Sáp nhập toàn bộ Thôn 4 và toàn bộ Thôn 6 thành 01 thôn mới	438	
26	Thôn 6	169			
27	Thôn 2	281	Sáp nhập toàn bộ Thôn 2 và toàn bộ Thôn Liên Cơ thành 01 thôn mới	559	
28	Thôn Liên Cơ	278			
29	Thôn 3	266	Sáp nhập toàn bộ Thôn 3 và Thôn 2+Quyết Tiến thành 01 thôn mới	391	
30	Thôn 2+Quyết Tiến	125			
42	XÃ LỆ THỦY	12.708		12.708	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
1	Thôn Thượng Giang	965	Giữ nguyên	965	
2	Thôn Phong Giang	352	Giữ nguyên	352	
3	Thôn Xuân Giang	796	Giữ nguyên	796	
4	Thôn Thượng Phong	980	Giữ nguyên	980	
5	Thôn Đại Phong	1.087	Giữ nguyên	1.087	
6	Thôn Tuy Lộc	857	Giữ nguyên	857	
7	Thôn An Xá	423	Giữ nguyên	423	
8	Thôn Lộc Thượng	715	Giữ nguyên	715	
9	Thôn Lộc Hạ	642	Giữ nguyên	642	
10	Thôn Lộc An	546	Giữ nguyên	546	
11	Thôn Phú Thọ	501	Giữ nguyên	501	
12	Thôn Thạch Bàn	365	Sáp nhập toàn bộ thôn Thạch Bàn và toàn bộ thôn Tân Lệ thành 01 thôn mới	511	
13	Thôn Tân Lệ	146			
14	Thôn Xuân Bò	454	Sáp nhập toàn bộ thôn Xuân Bò và toàn bộ thôn Tiên Thiệp thành 01 thôn mới	550	
15	Thôn Tiên Thiệp	96			
16	Thôn Hoàng Giang	214	Sáp nhập toàn bộ thôn Hoàng Giang và toàn bộ thôn Phan Xá thành 01 thôn mới	536	
17	Thôn Phan Xá	322			
18	Thôn Mai Hạ	246	Sáp nhập toàn bộ thôn Mai Hạ và toàn bộ thôn Xuân Lai thành 01 thôn mới	594	
19	Thôn Xuân Lai	348			
20	Thôn Uẩn Áo	381	Giữ nguyên	381	
21	Thôn Quy Hậu	1.014	Giữ nguyên	1.014	
22	Thôn Đông Thành	485	Giữ nguyên	485	
23	Thôn Xuân Hồi	773	Giữ nguyên	773	
43	XÃ CAM HỒNG	6.134		6.095	<i>Chuyển 39 hộ của thôn Trung Thành qua xã Sen Ngr</i>

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
1	Thôn An Định	352	Giữ nguyên	352	
2	Thôn Mốc Định	377	Giữ nguyên	377	
3	Thôn Mốc Thượng 1	213	Sáp nhập toàn bộ 2 Thôn gồm: Mốc Thượng 1 và Mốc Thượng 2 thành 01 thôn mới	426	
4	Thôn Mốc Thượng 2	213			
5	Thôn Thạch Thượng 1	225	Sáp nhập toàn bộ 3 Thôn gồm: Thạch Thượng 1 và Thạch Thượng 2 và thôn Thạch Trung thành 01 thôn mới	665	
6	Thôn Thạch Thượng 2	166			
7	Thôn Thạch Trung	274			
8	Thôn Thạch Hạ	301	Sáp nhập toàn bộ 02 thôn, gồm: Thôn Thạch Hạ và thôn Đông Hải thành 01 thôn mới	500	
9	Thôn Đông Hải	199			
10	Thôn Bắc Hoà	271	Sáp nhập toàn bộ 02 thôn, gồm: Thôn Bắc Hoà và thôn Tân Hải thành 01 thôn mới	670	
11	Thôn Tân Hải	399			
12	Thôn Tân Thuận	131	Sáp nhập toàn bộ 2 thôn, gồm: Thôn Tân Thuận, Tân Hoà và 159 hộ thôn Trung Thành thành 01 thôn mới	485	
13	Thôn Tân Hoà	195			
14	Thôn Trung Thành	198			
15	Thôn Đặng Lộc 1	157	Sáp nhập toàn bộ 4 Thôn. Gồm thôn Đặng Lộc 1, Đặng Lộc 2, Đặng Lộc 3 và Tân Lộc thành 01 thôn mới	501	
16	Thôn Đặng Lộc 2	130			
17	Thôn Đặng Lộc 3	153			
18	Thôn Tân Lộc	61			
19	Thôn Tân Tiến	65	Sáp nhập toàn bộ 5 Thôn, gồm thôn Tân Tiến, Tân Phong, Hoà Tân, Hoà Luật Nam, Mỹ Duyệt thành 01 thôn mới	632	
20	Thôn Tân Phong	96			
21	Thôn Hoà Tân	100			
22	Thôn Hoà Luật Nam	137			
23	Thôn Mỹ Duyệt	234			
24	Thôn 1 Thanh Mỹ	285	Sáp nhập toàn bộ 2 Thôn, gồm 1 Thanh Mỹ, 2	560	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
25	Thôn 2 Thanh Mỹ	275	Thanh Mỹ thành 01 thôn mới	275	
26	Thôn 3 Thanh Mỹ	179	Sáp nhập toàn bộ 2 thôn, gồm thôn: Thôn 3 Thanh Mỹ, 1 Thanh Tân thành 01 thôn mới	371	
27	Thôn 1 Thanh Tân	192			
28	Thôn 2 Thanh Tân	226	Sáp nhập toàn bộ 3 Thôn, gồm 2 Thanh Tân, 3 Thanh Tân , 4 Thanh Tân thành 01 thôn mới	556	
29	Thôn 3 Thanh Tân	174			
30	Thôn 4 Thanh Tân	156			
44	XÃ SEN NGU'	4.847		4.859	<i>Tiếp nhận 39 hộ của thôn Trung Thành, xã Cam Hồng chuyển sang; Chuyển 27 hộ thôn Làng Mới sang xã Tân Mỹ</i>
1	Thôn Tây Giáp	181	Sáp nhập toàn bộ thôn Tây Giáp, Xóm Mới, Phù Thi, Nội Mai thành 01 thôn mới	557	
2	Thôn Xóm Mới	108			
3	Thôn Phù Thi	123			
4	Thôn Nội Mai	145			
5	Thôn Thắng Lợi	143	Sáp nhập toàn bộ thôn Thắng Lợi, Thôn Đâu Tranh, Thôn Tương Trợ, Thôn Đoàn Kết thành 01 thôn mới	665	
6	Thôn Đâu Tranh	162			
7	Thôn Tương Trợ	177			
8	Thôn Đoàn Kết	183			
9	Thôn Phù Lưu	125	Sáp nhập toàn bộ thôn Phù Lưu, Thôn Hòa Đông, Thôn Phù Thiết 1, Thôn Phù Thiết 2 thành 01 thôn mới	512	
10	Thôn Hòa Đông	150			
11	Thôn Phù Thiết 1	144			
12	Thôn Phù Thiết 2	93	Sáp nhập toàn bộ thôn Sen Đông , Thôn Sen Thượng 1, Thôn Sen Thượng 2 thành 01 thôn mới	444	
13	Thôn Sen Đông	163			
14	Thôn Sen Thượng 1	129			
15	Thôn Sen Thượng 2	152			
16	Thôn Xóm Phường	188			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
17	Thôn Xóm Đồn	132	Sáp nhập toàn bộ thôn Xóm Phường, Thôn Xóm Đồn, Thôn Nôm Bóc, Thôn Xóm Dum thành 01 thôn mới	593	
18	Thôn Nôm Bóc	122			
19	Thôn Xóm Dum	151			
20	Thôn Hòa Bình	127	Sáp nhập toàn bộ thôn Hòa Bình, Thôn Trung Tân, Thôn Sen Bình thành 01 thôn mới	426	
21	Thôn Trung Tân	135			
22	Thôn Sen Bình	164			
23	Thôn Thanh Sơn	71	Sáp nhập toàn bộ thôn Thanh Sơn, Thôn Trầm Kỳ thành 01 thôn mới	163	Thôn sau khi sáp nhập 02 thôn Thanh Sơn và Trầm Kỳ có 163 hộ dân, trước đây do người dân khu vực giữa của xã Sen Ngư lên làm kinh tế mới; thuộc vùng gò đồi của xã Sen Ngư khoảng cách đến thôn gần nhất là 5,1 km, trong trường hợp nhập vào thôn gần nhất này thì quy mô diện tích rất lớn, khoảng cách các hộ dân từ đầu thôn đến cuối thôn là hơn 12 km; nếu được thành lập quy mô diện tích của thôn sau khi sáp nhập 02 thôn Thanh Sơn và Trầm Kỳ hơn 2,4 km ²
24	Thôn Trầm Kỳ	92			
25	Thôn Thượng Bắc	151	Sáp nhập toàn bộ thôn Thượng Bắc, Thôn Thượng Hải + 39 hộ của thôn Trung Thành (xã Cam Hồng) thành 01 thôn mới	354	
26	Thôn Thượng Hải	164			
27	Thôn Thượng Nam	135	Sáp nhập toàn bộ thôn Thượng Nam, Thôn Nam Hải, Thôn Tân Thượng Hải thành 01 thôn mới	356	
28	Thôn Nam Hải	147			
29	Thôn Tân Thượng Hải	74			
30	Thôn Liêm Tiến	250	Sáp nhập toàn bộ thôn Liêm Tiến, Nam Tiến thành 01 thôn mới	415	
31	Thôn Nam Tiến	165			
32	Thôn Liêm Bắc	177	Sáp nhập toàn bộ thôn Liêm Bắc, Thôn Liêm Nam, Thôn Tây Thôn thành 01 thôn mới	374	
33	Thôn Liêm Nam	122			
34	Thôn Tây Thôn	75			
35	Thôn Làng mới	27	Chuyển qua xã Tân Mỹ		

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
45	XÃ TÂN MỸ	5.770		5.902	<i>Tiếp nhận 105 hộ của thôn An Mã, xã Kim Ngân chuyển qua; Tiếp nhận 27 hộ của thôn Làng Mới, xã Sen Ngư chuyển qua</i>
1	Thôn Đông Thiện	193	Sáp nhập toàn bộ thôn Nam Thiện và toàn bộ thôn Đông Thiện thành 01 thôn mới	356	
2	Thôn Nam Thiện	163			
3	Thôn Tây Thiện	200	Sáp nhập toàn bộ Thôn Tây Thiện và toàn bộ thôn Trung Thiện thành 01 thôn mới	433	
4	Thôn Trung Thiện	233			
5	Thôn Bình Minh	355	Giữ nguyên	355	
6	Thôn Mỹ Trạch	356	Sáp nhập toàn bộ thôn Thống Nhất và toàn bộ thôn Mỹ Trạch thành 01 thôn mới	505	
7	Thôn Thống nhất	149			
8	Thôn Thuận Trạch	672	Giữ nguyên	672	
9	Thôn Mỹ Hà	461	Giữ nguyên	461	
10	Thôn Tân Hoà	209	Sáp nhập toàn bộ thôn Tân Hạ, thôn Tân Lạc, thôn Tân Hòa và toàn bộ thôn Tân Ninh thành 01 thôn mới	652	
11	Thôn Tân Hạ	105			
12	Thôn Tân Ninh	216			
13	Thôn Tân Lạc	122			
14	Thôn Tân Thái	101	Sáp nhập toàn bộ thôn Tân Ly, thôn Tân Thái, thôn Tân Bằng và toàn bộ thôn Tân Thịnh thành 01 thôn mới	484	
15	Thôn Tân Bằng	114			
16	Thôn Tân Ly	83			
17	Thôn Tân Thịnh	186			
18	Thôn Tân Truyền	128	Sáp nhập toàn bộ thôn Tân Lục, thôn Tân Truyền, thôn Tân Lộc và toàn bộ thôn Tân Đa thành 01 thôn mới	508	
19	Thôn Tân Lộc	140			
20	Thôn Tân Lục	97			
21	Thôn Tân Đa	143			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
22	Thôn Bắc Thái	220	Sáp nhập toàn bộ Thôn Bắc Thái (trừ 3 hộ nhập vào thôn Minh Tiến) và toàn bộ thôn Trung Thái (trừ 8 hộ nhập vào thôn Minh Tiến) thành 01 thôn mới	437	
23	Thôn Trung Thái	228			
24	Thôn Thanh Sơn	208	Sáp nhập toàn bộ Thôn Thanh Sơn và thôn Nam Thái (trừ 12 hộ nhập vào thôn Minh Tiến) và 27 hộ Làng Mới, xã Sen Ngư thành 01 thôn mới	576	
25	Thôn Nam Thái	353			
26	Thôn Minh Tiến	335	Sáp nhập toàn bộ thôn Minh Tiến và 23 hộ xóm ga thuộc các thôn Nam Thái (12 hộ), Trung Thái (8 hộ), Bắc Thái (3 hộ) có nguyện vọng được sáp nhập về thôn Minh Tiến và 105 hộ thuộc thôn An Mã, xã Kim Ngân thành 01 thôn mới	463	
46	XÃ KIM NGÂN	2.484		2.379	<i>Chuyển 105 hộ của thôn An Mã qua xã Tân Mỹ</i>
1	Bản Cỏ Kiềng	55	Giữ nguyên	55	- 55/350 hộ gia đình, đạt 15,71% so với tiêu chuẩn. (1) Xét về vị trí địa lý: chỉ tiếp giáp với 01 thôn duy nhất thuộc xã Kim Ngân là thôn An Mã, đi qua thôn An Mã 15 km đường rừng mới về bản Cây Bông (2) Xét về đặc điểm dân cư: Khoảng cách địa lý đến thôn, bản gần kề từ 15 km đường rừng (qua 01 thôn Trường hợp phải nhập với thôn, bản liền kề thì khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 25 km đường rừng. (3) Xét về điều kiện tự nhiên: . Địa hình đồi núi, giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt về mùa mưa lũ. (4) Xét về yếu tố Văn hóa - xã hội: Đời sống văn hóa gắn liền với phong tục, tập quán, lễ nghi sinh hoạt cộng đồng mang tính truyền thống theo từng bản làng riêng biệt. Xét từ vị trí địa lý và những yếu tố đặc thù trên, không phù hợp để thực hiện sáp nhập thêm dân cư nhằm đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn.
2	Thôn An Mã	105	Chuyển qua xã Tân Mỹ		

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
3	Bản Cây Bông	146	Sáp nhập toàn bộ bản Cồn Cùn và bản Cây Bông thành 01 bản mới	313	313/350 hộ gia đình, đạt 89,42% so với tiêu chuẩn. (1) Xét về vị trí địa lý: Bản Cây Bông tiếp giáp với Thôn An Mã cách nhau 15 km, bản Cồn Cùn tiếp giáp với bản Bang 12 km (2) Xét về đặc điểm dân cư: Khoảng cách địa lý đến thôn, bản liền kề từ 10-12 km đường rừng. Trường hợp phải nhập với thôn, bản liền kề thì khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 12 km đường rừng. (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Nếu sáp nhập 2 bản Cây Bông và bản Cồn Cùn thì quy mô diện tích có người dân sinh sống khoảng 70,55 km ² . (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Địa hình đồi núi, nhiều khe suối, giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt về mùa mưa lũ. (4) Xét về yếu tố Văn hóa - xã hội, an ninh- Quốc phòng: Đời sống văn hóa gắn liền với phong tục, tập quán, lễ nghi sinh hoạt cộng đồng mang tính truyền thống theo từng bản làng riêng biệt, có bản Cây Bông là địa bàn thuộc khu vực phòng thủ cấp xã. Xét từ vị trí địa lý và những yếu tố đặc thù trên, không phù hợp để thực hiện sáp nhập thêm dân cư để đảm bảo đủ tiêu chuẩn.
4	Bản Cồn Cùn	167			
5	Bản Khe Khế	87	Sáp nhập toàn bộ bản Chuôn, bản Khe Khế và bản Bang thành 01 bản mới	391	
6	Bản Bang	165			
7	Bản Chuôn	139			
8	Bản Hà Lạc	63	Sáp nhập toàn bộ bản An bai, bản Hà Lạc thành 01 bản mới	197	197/350 hộ gia đình, đạt 56,28% so với tiêu chuẩn. (1) Xét về vị trí địa lý: Bản Hà Lạc tiếp giáp với bản Trung Đoàn cách nhau 15 km đường mòn đèo qua nhiều khe, ngầm tràn; bản An Bai tiếp giáp với bản Chuôn cách nhau 12 km, đường đi là đường mòn đèo qua nhiều khe suối. (2) Xét về đặc điểm dân cư: dân cư sống thưa thớt, rải rác. Khoảng cách địa lý đến thôn, bản liền kề từ 10-12 km đường rừng. Trường hợp phải nhập với thôn, bản liền kề thì khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 12 km đường rừng. (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Nếu sáp nhập 2 bản An Bai và bản Hà Lạc thì quy mô diện tích có người dân sinh sống khoảng 65,55 km ² . (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Địa hình chủ yếu là đồi núi dốc cao, bị chia cắt mạnh bởi 5 khe suối, giao thông kết nối nội vùng cực kỳ khó khăn, đặc biệt về mùa mưa lũ. (4) Xét về yếu tố Văn hóa - xã hội: Đời sống văn hóa gắn liền với phong tục, tập quán, lễ nghi sinh hoạt cộng đồng mang tính truyền thống theo từng bản làng riêng biệt. Xét từ vị trí địa lý và những yếu tố đặc thù trên, không phù hợp để thực hiện sáp nhập thêm dân cư để đảm bảo đủ tiêu chuẩn.
9	Bản An Bai	134			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
10	Bản Ho Rum	114	Sáp nhập toàn bộ bản Ho Rum, bản Trung Đoàn, bản Mít Cát thành 01 bản mới	255	- 255/350 hộ gia đình, đạt 72,85% so với tiêu chuẩn. (1) Xét về vị trí địa lý: Bản Ho Rum bản biên giới tiếp giáp với tỉnh Saphanakhet Lào, các bản Trung Đoàn, bản Mít Cát cách nhau từ 12-15 km. (2) Xét về đặc điểm dân cư: Khoảng cách địa lý đến thôn, bản liền kề từ 12-15 km đường rừng. Trường hợp phải nhập với thôn, bản liền kề thì khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 15-17 km đường rừng. (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Nếu sáp nhập 3 bản Ho Rum, bản Trung Đoàn, bản Mít Cát thì quy mô diện tích có người dân sinh sống khoảng 120,55 km ² , Địa hình chủ yếu là đồi núi dốc cao, bị chia cắt giao thông đi lại vô cùng khó khăn, đặc biệt về mùa mưa lũ. (4) Xét về yếu tố Văn hóa - xã hội, an ninh- Quốc phòng: Đời sống văn hóa gắn liền với phong tục, tập quán, lễ nghi sinh hoạt cộng đồng mang tính truyền thống theo từng bản làng riêng biệt, có bản Ho rum và bản Mít cát là 2 địa bản thuộc khu vực phòng thủ cấp xã, 3 bản này tỷ lệ người dân tộc Bru - Vân Kiều đạt trên 80%. Đây là tuyến đầu giữ vững chủ quyền lãnh thổ, bảo đảm an ninh biên giới của tỉnh Quảng Trị. Xét từ vị trí địa lý và những yếu tố đặc thù trên, không phù hợp để thực hiện sáp nhập thêm dân cư để đảm bảo đủ tiêu chuẩn.
11	Bản Trung Đoàn	54			
12	Bản Mít Cát	87			
13	Bản Mới	86	Sáp nhập toàn bộ bản Mới và bản Xà Khía thành 01 bản mới	165	- 165/350 hộ gia đình, đạt 47,14% so với tiêu chuẩn. (1) Xét về vị trí địa lý: Các bản cách nhau từ 7-9 km (2) Xét về đặc điểm dân cư: Khoảng cách địa lý đến thôn, bản liền kề từ 10-12 km đường rừng. Trường hợp phải nhập với thôn, bản liền kề thì khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 12 km đường rừng. (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Nếu sáp nhập 2 bản Mới và bản Xà Khía thì quy mô diện tích có người dân sinh sống khoảng 55,57 km ² . Địa hình đồi núi, nhiều khe suối, ngàn tràn, giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt về mùa mưa lũ. (4) Xét về yếu tố Văn hóa - xã hội: Đời sống văn hóa gắn liền với phong tục, tập quán, lễ nghi sinh hoạt cộng đồng mang tính truyền thống theo từng bản làng riêng biệt. Xét từ vị trí địa lý và những yếu tố đặc thù trên, không phù hợp để thực hiện sáp nhập thêm dân cư để đảm bảo đủ tiêu chuẩn.
14	Bản Xà Khía	79			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
15	Bản Tăng Ký	69	Sáp nhập toàn bộ bản Tăng Ký và bản Tân Ly thành 01 bản mới	156	- 156/350 hộ gia đình, đạt 44,57% so với tiêu chuẩn. (1) Xét về vị trí địa lý: Các bản cách nhau từ 7-9 km (2) Xét về đặc điểm dân cư: Khoảng cách địa lý đến thôn, bản liền kề từ 7-9 km đường rừng. Trường hợp phải nhập với thôn, bản liền kề thì khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 12 km đường rừng. (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Nếu sáp nhập 2 bản Tăng Ký và bản Tân Ly thì quy mô diện tích có người dân sinh sống khoảng 57,85 km ² . Địa hình đồi núi, nhiều khe suối, ngấn tràn, giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt về mùa mưa lũ, (4) Xét về yếu tố Văn hóa - xã hội, an ninh- Quốc phòng: Đời sống văn hóa gắn liền với phong tục, tập quán, lễ nghi sinh hoạt cộng đồng mang tính truyền thống theo từng bản làng riêng biệt, có bản Tân Ly là địa bàn thuộc khu vực phòng thủ cấp xã. Xét từ vị trí địa lý và những yếu tố đặc thù trên, không phù hợp để thực hiện sáp nhập thêm dân cư để đảm bảo đủ tiêu chuẩn.
16	Bản Tân Ly	87			
17	Bản Eo Bù-Chút Mút	72	Giữ nguyên	72	- 72/350 hộ gia đình, đạt 20,57% so với tiêu chuẩn. (1) Xét về vị trí địa lý: Bản Eo Bù - Chút Mút là bản biên giới tiếp giáp với tỉnh Saphanakhet Lào, bản xa nhất của xã Kim Ngân. (2) Xét về đặc điểm dân cư: Khoảng cách dân cư di chuyển từ các hộ dân đến trung tâm bản lân cận cách xa nhau từ 12-15 km, là đường độc đạo qua 7 con suối. Khoảng cách địa lý đến thôn, bản liền kề từ 7-9 km đường rừng. Trường hợp phải nhập với thôn, bản liền kề thì khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 17 km đường rừng. (3) Quy mô diện tích có người dân sinh sống khoảng 65,5 km ² . Địa hình đồi núi, nhiều khe suối, ngấn tràn, giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt về mùa mưa lũ. (4) Xét về yếu tố Văn hóa - xã hội: Đời sống văn hóa gắn liền với phong tục, tập quán, lễ nghi sinh hoạt cộng đồng, tỷ lệ người dân tộc Bru - Vân Kiều đạt trên 85%. Đây là tuyến đầu giữ vững chủ quyền lãnh thổ, bảo đảm an ninh biên giới của tỉnh Quảng Trị. Xét từ vị trí địa lý và những yếu tố đặc thù trên, không phù hợp để thực hiện sáp nhập thêm dân cư để đảm bảo đủ tiêu chuẩn.

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
18	Bản Bạch Đàn	59	Giữ nguyên	59	- 59/350 hộ gia đình, đạt 16,85% so với tiêu chuẩn. (1) Xét về vị trí địa lý: Bản Bạch Đàn tiếp giáp với đường biên giới Lào. (2) Xét về đặc điểm dân cư: Khoảng cách địa lý đến thôn, bản liền kề từ 7-9 km đường rừng, 9 con suối. Trường hợp phải nhập với thôn, bản liền kề thì khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 15 km đường rừng. (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Quy mô diện tích có người dân sinh sống khoảng 55,75 km ² . Địa hình đồi núi, nhiều khe suối, ngằm tràn, giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt về mùa mưa lũ (4) Xét về yếu tố Văn hóa - xã hội, an ninh- Quốc phòng: Đời sống văn hóa gắn liền với phong tục, tập quán, lễ nghi sinh hoạt cộng đồng mang tính truyền thống theo từng bản làng riêng biệt, là địa bàn thuộc khu vực phòng thủ cấp xã, tỷ lệ người dân tộc Bru - Vân Kiều đạt trên 75%. Xét từ vị trí địa lý và những yếu tố đặc thù trên, không phù hợp để thực hiện sáp nhập thêm dân cư để đảm bảo đủ tiêu chuẩn.
19	Bản Khe Giữa	152	Giữ nguyên	152	- 152/350 hộ gia đình, đạt 43,42% so với tiêu chuẩn. (1) Xét về vị trí địa lý: Bản Bản Khe Giữa là bản tách biệt với các bản còn lại, cách bản KM14 15km (2) Xét về đặc điểm dân cư: Khoảng cách địa lý đến thôn, bản liền kề từ 10-12 km đường rừng, 7 con suối. Trường hợp phải nhập với thôn, bản liền kề thì khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 15 km đường rừng. (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Quy mô diện tích có người dân sinh sống khoảng 75,75 km ² . Địa hình chủ yếu là đồi núi dốc cao, bị chia cắt giao thông đi lại vô cùng khó khăn, đặc biệt về mùa mưa lũ. (4) Xét về yếu tố Văn hóa - xã hội, an ninh- Quốc phòng: Đời sống văn hóa gắn liền với phong tục, tập quán, lễ nghi sinh hoạt cộng đồng mang tính truyền thống theo từng bản làng riêng biệt, là địa bàn thuộc khu vực phòng thủ cấp xã, tỷ lệ người dân tộc Bru - Vân Kiều đạt trên 70%. Xét từ vị trí địa lý và những yếu tố đặc thù trên, không phù hợp để thực hiện sáp nhập thêm dân cư để đảm bảo đủ tiêu chuẩn.

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
20	Bản Còi Đá	84	Giữ nguyên	84	- 84/350 hộ gia đình, đạt 24% so với tiêu chuẩn. (1) Xét về vị trí địa lý: Bản Còi Đá là bản tách biệt với các bản còn lại, cách bản KM14 và bản Khe Sung 15km (2) Xét về đặc điểm dân cư: Khoảng cách địa lý đến thôn, bản liền kề từ 10-12 km đường rừng, 7 con suối. Trường hợp phải nhập với thôn, bản liền kề thì khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 15 km đường rừng. (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Quy mô diện tích có người dân sinh sống khoảng 55,57 km ² . Địa hình chủ yếu là đồi núi dốc cao, bị chia cắt giao thông đi lại vô cùng khó khăn, đặc biệt về mùa mưa lũ. (4) Xét về yếu tố Văn hóa - xã hội: Đời sống văn hóa gắn liền với phong tục, tập quán, lễ nghi sinh hoạt cộng đồng, tỷ lệ người dân tộc Bru - Vân Kiều đạt trên 80%. Xét từ vị trí địa lý và những yếu tố đặc thù trên, không phù hợp để thực hiện sáp nhập thêm dân cư để đảm bảo đủ tiêu chuẩn.
21	Bản Km14	180	Sáp nhập toàn bộ bản Km14 và bản Khe Sung thành 01 bản mới	226	- 226/350 hộ gia đình, đạt 64,57% so với tiêu chuẩn. (1) Xét về vị trí địa lý: Bản Km 14 tiếp giáp với bản Khe Giữa, bản Khe Sung tiếp giáp với và bản Còi Đá nhưng cách nhau 12-15 km, (2) Xét về đặc điểm dân cư: Khoảng cách địa lý đến thôn, bản liền kề từ 10-12 km đường rừng. Trường hợp phải nhập với thôn, bản liền kề thì khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 12 km. (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Nếu sáp nhập 2 bản KM 14 và bản Khe Sung thì quy mô diện tích có người dân sinh sống khoảng 85,67 km ² . Địa hình đồi núi, nhiều khe suối, ngàn tràn, giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt về mùa mưa lũ Địa hình đồi núi, giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt về mùa mưa lũ. (4) Xét về yếu tố Văn hóa - xã hội: Đời sống văn hóa gắn liền với phong tục, tập quán, lễ nghi sinh hoạt cộng đồng mang tính truyền thống theo từng bản làng riêng biệt. Xét từ vị trí địa lý và những yếu tố đặc thù trên, không phù hợp để thực hiện sáp nhập thêm dân cư để đảm bảo đủ tiêu chuẩn.
22	Bản Khe Sung	46			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)	
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ		
23	Bản Cẩm Ly	164	Sáp nhập toàn bộ bản Cẩm Ly và bản Cửa Mọc thành 01 bản mới	254	- 226/350 hộ gia đình, đạt 64,57% so với tiêu chuẩn. (1) Xét về vị trí địa lý: Bản Km 14 tiếp giáp với bản Khe Giữa, bản Khe Sung tiếp giáp với và bản Còi Đá nhưng cách nhau 12-15 km, (2) Xét về đặc điểm dân cư: Khoảng cách địa lý đến thôn, bản liền kề từ 10-12 km . Trường hợp phải nhập với thôn, bản liền kề thì khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 12 km. (3) Xét về điều kiện tự nhiên: Nếu sáp nhập 2 bản Cẩm Ly và bản Cửa Mọc thì quy mô diện tích có người dân sinh sống khoảng 85, 55 km ² .Địa hình đồi núi, giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt về mùa mưa lũ. (4) Xét về An ninh- Quốc phòng: bản Cẩm Ly là địa bàn thuộc khu vực phòng thủ cấp xã. Xét từ vị trí địa lý và những yếu tố đặc thù trên, không phù hợp để thực hiện sáp nhập thêm dân cư để đảm bảo đủ tiêu chuẩn.	
24	Bản Cửa Mọc	90				47
1	Thôn 1	300	Sáp nhập toàn bộ Thôn 1 và toàn bộ Thôn 3 thành 01 thôn mới	583		
2	Thôn 3	283				
3	Thôn Hữu Nghị	259	Sáp nhập toàn bộ Thôn Hữu Nghị, Thôn Thành Công và thôn Thống Nhất thành 01 thôn mới	636		
4	Thôn Thành Công	187				
5	Thôn Thống Nhất	190				
6	Thôn Hoà Phú	260	Sáp nhập toàn bộ Thôn Hoà Phú và thôn Phú Thị thành 01 thôn mới	448		
7	Thôn Phú Thị	188				
8	Thôn 5	296	Sáp nhập toàn bộ Thôn 5 và Thôn 6 thành 01 thôn mới	514		
9	Thôn 6	218				
10	Thôn 4	183	Sáp nhập toàn bộ Thôn 4 và Thôn Phú Thị Đông thành 01 thôn mới	395		
11	Thôn Phú Thị Đông	212				
12	Thôn 7	231	Sáp nhập toàn bộ Thôn 7 và Thôn Lao Động thành 01 thôn mới	408		
13	Thôn Lao Động	177				

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
14	Thôn 8	348	Sáp nhập toàn bộ Thôn 8 và Thôn 9 thành 01 thôn mới	655	
15	Thôn 9	307			
16	Thôn Vĩnh Tiến	208	Sáp nhập toàn bộ Thôn Vĩnh Tiến và Thôn Thôn Chợ Huyện thành 01 thôn mới	369	
17	Thôn Chợ Huyện	161			
18	Thôn Gia Lâm	149	Sáp nhập toàn bộ Thôn Gia Lâm, Thôn Phúc Lâm và Thôn Sa Nam thành 01 thôn mới	509	
19	Thôn Phúc Lâm	190			
20	Thôn Sa Nam	170			
21	Thôn Sa Bắc	182	Sáp nhập toàn bộ Thôn Sa Bắc Thôn Hoà Nam và Thôn Trung Lập thành 01 thôn mới	478	
22	Thôn Hoà Nam	142			
23	Thôn Trung Lập	154			
24	Thôn Quảng Xá	166	Sáp nhập toàn bộ Thôn Quảng Xá và Thôn Thôn Tân Lập thành 01 thôn mới	401	
25	Thôn Tân Lập	235			
26	Thôn Nhà Tài	133	Sáp nhập toàn bộ Thôn Nhà Tài, Thôn Xóm Mọi và Thôn Thượng Hoà thành 01 thôn mới	520	
27	Thôn Xóm Mọi	176			
28	Thôn Thượng Hoà	211			
29	Thôn Cháp Bắc	188	Sáp nhập toàn bộ Thôn Cháp Bắc, Thôn Cháp Nam và Thôn Cháp Lễ (trừ 52 hộ của Cụm Sa Lung) thành 01 thôn mới	576	
30	Thôn Cháp Nam	163			
31	Thôn Cháp Lễ (trừ 52 hộ của Cụm Sa Lung)	225			
32	Thôn Bình An	322	Sáp nhập 322 hộ thuộc Thôn Bình An và Thôn Tân Định thành 01 thôn mới	507	
33	Thôn Tân Định	185			
34	Thôn Lai Bình + Cụm Sa Lung (Cháp Lễ) + Cụm Tân Bình (Bình An)	351	Sáp nhập toàn bộ Thôn Lai Bình, 52 hộ của cụm Sa Lung thuộc Thôn Cháp Lễ và 26 hộ của cụm Tân Bình thuộc Thôn Bình An thành 01 thôn mới	351	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
48	XÃ VĨNH HOÀNG	5.243		5.243	
1	Thôn Từ Chính	157	Sáp nhập toàn bộ thôn Từ Chính và toàn bộ thôn Trường Kỳ thành 01 thôn mới	405	
2	Thôn Trường Kỳ	248			
3	Thôn Phường Duyệt	205	Sáp nhập toàn bộ thôn Phường Duyệt và toàn bộ thôn Thủy Tú thành 01 thôn mới	392	
4	Thôn Thủy Tú	187			
5	Thôn Tây 3	161	Sáp nhập toàn bộ thôn Tây 3 và toàn bộ thôn Huỳnh Công Tây thành 01 thôn mới	357	
6	Thôn Huỳnh Công Tây	196			
7	Thôn Đơn Duệ	332	Sáp nhập toàn bộ thôn Đơn Duệ và toàn bộ thôn Linh Đơn thành 01 thôn mới	495	
8	Thôn Linh Đơn	163			
9	Thôn Hòa Bình	358	Giữ nguyên	358	
10	Thôn Hiền Dũng	368	Giữ nguyên	368	
11	Thôn Nam Phú	407	Giữ nguyên	407	
12	Thôn Nam Cường	388	Sáp nhập toàn bộ thôn Nam Hùng và toàn bộ thôn Nam Cường thành 01 thôn mới	633	
13	Thôn Nam Hùng	245			
14	Thôn Huỳnh Công Đông	231	Sáp nhập toàn bộ thôn Huỳnh Công Đông và toàn bộ thôn Thủy Trung thành 01 thôn mới	644	
15	Thôn Thủy Trung	413			
16	Thôn Mỹ Hội	92	Sáp nhập toàn bộ thôn Mỹ Hội, thôn Tân Thuận và toàn bộ thôn Tân Hoà thành 01 thôn mới	359	
17	Thôn Tân Thuận	92			
18	Thôn Tân Hoà	175			
19	Thôn Đông Luật	168	Sáp nhập toàn bộ thôn Đông Luật và toàn bộ thôn Thử Luật thành 01 thôn mới	353	
20	Thôn Thử Luật	185			
21	Thôn Tân Mạch	169	Sáp nhập toàn bộ thôn Tân Mạch, thôn Mạch Nước và toàn bộ thôn Thái Lai thành 01 thôn mới	472	
22	Thôn Thái Lai	254			
23	Thôn Mạch Nước	49			
49	XÃ CỬA TÙNG	7.767		7.767	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
1	Hiền Lương	171	Sáp nhập thôn Hiền Lương, Liêm Công Phường, Liêm Công Tây thành 01 thôn mới	614	
2	Liêm Công Phường	232			
3	Liêm Công Tây	211			
4	Liêm Công Đông	189	Sáp nhập thôn Liêm Công Đông, Tân Trại Thượng thành 01 thôn mới	470	
5	Tân Trại Thượng	281			
6	Phúc Đức	129	Sáp nhập thôn Phúc Đức, Hoà Bình, Tân An 1, Tân Trường, Thái Mỹ thành 01 thôn mới	594	
7	Hòa Bình	107			
8	Tân An 1	125			
9	Tân Trường	124			
10	Thái Mỹ	109	Sáp nhập thôn Tân Trại 1, Tân Trại 2, Tân Mỹ thành 01 thôn mới	527	
11	Tân Trại 1	213			
12	Tân Trại 2	142			
13	Tân Mỹ	172	Sáp nhập thôn Di Loan, Tùng Luật thành 01 thôn mới	555	
14	Di Loan	210			
15	Tùng Luật	345	Sáp nhập thôn Cổ Mỹ, Tân An 2 thành lập 01 thôn mới	453	
16	Cổ Mỹ	310			
17	Tân An 2	143	Sáp nhập thôn An Du Nam 1, An Du Nam 2, Cát, Hắc Hiền thành 01 thôn mới	546	
18	An Du Nam 1	139			
19	An Du Nam 2	212			
20	Cát	132			
21	Hắc Hiền	63	Sáp nhập thôn An Du Đông 1, An Du Đông 2 thành 01 thôn mới	429	
22	An Du Đông 1	150			
23	An Du Đông 2	279	Sáp nhập thôn An Đức 1, An Đức 2, An Đức 3 thành 01 thôn mới	547	
24	An Đức 1	185			
25	An Đức 2	172			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
26	An Đức 3	190			
27	An Hòa 2	303	Sáp nhập thôn An Hoà 1, An Hoà 2 thành lập 01 thôn mới	616	
28	An Hòa 1	313			
29	Hòa Lý Hải	325	Sáp nhập thôn Hoà Lý Hải, Trung Nam, Bắc Bàn thành lập 01 thôn mới	594	
30	Trung Nam	136			
31	Bắc Bàn	133			
32	Động Sỏi	76	Sáp nhập thôn Động Sỏi, An Lễ, Xóm Bọc, Khe Ba, An Cỏ, An Đông, Sơn Thượng thành lập 01 thôn mới	467	
33	An Lễ	26			
34	Xóm Bọc	99			
35	Khe Ba	83			
36	An Cỏ	75			
37	An Đông	54			
38	Sơn Thượng	54			
39	Vịnh Mốc	433	Giữ nguyên	433	
40	Thủy Nam	55	Sáp nhập thôn Thủy Nam, Thủy Trung, Thủy Bắc, Đông, Tây, Sơn Hạ thành lập 01 thôn mới	418	
41	Thủy Trung	70			
42	Thủy Bắc	104			
43	Đông	49			
44	Tây	52			
45	Sơn Hạ	88			
46	Hương Bắc	86	Sáp nhập thôn Hương Bắc, Sẻ, Hương Nam, Xuân, Roọc, Bàu, Nồng thành lập 01 thôn mới	504	
47	Sẻ	61			
48	Hương Nam	71			
49	Xuân	74			
50	Roọc	67			
51	Bàu	69			
52	Nồng	76			
50	XÃ VĨNH THỦY	5.707		5.707	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
1	Thôn Phan Hiền	451	Giữ nguyên	451	
2	Thôn Huỳnh Thượng	351	Sáp nhập toàn bộ thôn Huỳnh Thượng và toàn bộ thôn Huỳnh Xá Hạ thành 01 thôn mới	564	
3	Thôn Huỳnh Xá Hạ	213			
4	Thôn Tiên An	247	Sáp nhập toàn bộ thôn Tiên An và toàn bộ thôn Nam Sơn thành 01 thôn mới	544	
5	Thôn Nam Sơn	297			
6	Thôn Lê Xá	281	Sáp nhập toàn bộ thôn Lê Xá và phần còn lại của thôn Minh Phước sau khi tách xóm Cây Dưới (Gồm 13 hộ dân và 63 nhân khẩu) thành 01 thôn mới	402	
7	Thôn Minh Phước	134			
8	Thôn Duy Viên	281	Sáp nhập toàn bộ thôn Duy viên và toàn bộ thôn Đặng xá thành 01 thôn mới	468	
9	Thôn Đặng Xá	187			
10	Thôn Lâm Cao	212	Sáp nhập toàn bộ thôn Lâm Cao và toàn bộ thôn Quảng Xá thành 01 thôn mới	443	
11	Thôn Quảng Xá	231			
12	Thôn Tiên Mỹ 1	332	Sáp nhập toàn bộ thôn Tiên Mỹ 1 và xóm Tiên Trao thuộc thôn Tiên Mỹ 2 (gồm 38 hộ dân, 150 nhân khẩu) thành 01 thôn mới	370	
13	Thôn Tiên Lai	119	Sáp nhập toàn bộ thôn Tiên Lai và phần còn lại Tiên Mỹ 2 sau khi tách xóm Tiên Trao (gồm 38 hộ dân, 150 nhân khẩu) thành 01 thôn mới	374	
14	Thôn Tiên Mỹ 2	293			
15	Thôn Đức Xá	551	Sáp nhập toàn bộ thôn Đức Xá và toàn bộ thôn Linh Hải thành 01 thôn mới	707	
16	Thôn Linh Hải	156			
17	Thôn Thủy Ba Đông	293	Sáp nhập toàn bộ thôn Thủy Ba Đông và toàn bộ	837	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
18	Thôn Thủy Ba Tây	544	thôn Thủy Ba Tây thành 01 thôn mới	544	
19	Thôn Thủy Ba Hạ	447	Sáp nhập toàn bộ thôn Thủy Ba Hạ, toàn bộ thôn Tân Thủy và xóm Cây Dưới thuộc thôn Minh Phước (Gồm 13 hộ dân và 63 nhân khẩu) thành 01 thôn mới	547	
20	Thôn Tân Thủy	87			
51	XÃ BẾN QUAN	3.173		3.173	
1	Thôn 1	252	Sáp nhập toàn bộ Thôn 1 và toàn bộ Thôn 2 thành 01 thôn mới	472	
2	Thôn 2	220			
3	Thôn 3	189	Sáp nhập toàn bộ Thôn 3 và toàn bộ Thôn 4 thành 01 thôn mới	411	
4	Thôn 4	222			
5	Thôn 5	310	Sáp nhập toàn bộ Thôn 5 và toàn bộ Thôn Rào Trường thành 01 thôn mới	440	
6	Thôn Rào Trường	130			
7	Thôn Công Ba	184	Sáp nhập toàn bộ Thôn Công Ba và toàn bộ Thôn Trường Tiên thành 01 thôn mới	353	
8	Thôn Trường Tiên	169			
9	Thôn Khe Hó Trù	191	Sáp nhập toàn bộ Thôn Khe Hó Trù và toàn bộ Thôn Bãi Hà Mới thành 01 thôn mới	361	
10	Thôn Bãi Hà Mới	170			
11	Thôn Khe Cát	167	Sáp nhập toàn bộ Thôn Khe Cát và toàn bộ Thôn Mới thành 01 thôn mới	352	
12	Thôn Mới	185			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
13	Thôn Xung Phong	201	Giữ nguyên	201	<p>Thôn Xung Phong, phía Đông Nam giáp thôn Quảng Xá, phía Đông Bắc giáp hồ thủy lợi Bảo Đài (xã Vĩnh Linh), phía Tây giáp Thôn 1, phía Bắc giáp thôn Khe Cát. Diện tích tự nhiên 5,69 km vuông (lớn hơn một số xã thuộc huyện Vĩnh Linh trước sắp xếp đơn vị hành chính), quy mô diện tích thôn có người ở khoảng 2,8 km vuông (các điểm dân cư phân tán), địa hình, giao thông: Từ đầu thôn đến cuối thôn trải dài khoảng 9 km, từ trung tâm thôn Xung Phong đến trung tâm Thôn 1 và Thôn 2 (dự kiến hình thành thôn Ngã Tư) khoảng 12,2 km, địa hình tách biệt, không thuận lợi cho việc kết nối cộng đồng dân cư và tổ chức quản lý thống nhất. Từ trung tâm thôn Xung Phong đến khu vực Thôn Khe Cát, Thôn Mới (dự kiến hình thành thôn Mới) khoảng 17,4 km, phải đi qua khoảng 05 khe suối nhỏ, việc đi lại gặp nhiều khó khăn. Dân cư, dân số và đặc điểm phân bố dân cư: Thôn Xung Phong hiện có 201 hộ với 423 nhân khẩu, trong đó đồng bào dân tộc Vân Kiều chiếm trên 94,3% dân số. Do đặc điểm địa bàn miền núi bị chia cắt mạnh, giao thông khó khăn, dân cư phân bố phân tán theo nhiều cụm nhỏ, Vì vậy, việc giữ ổn định thôn Xung Phong và áp dụng yếu tố đặc thù đối với thôn chưa đạt tiêu chí quy mô hộ gia đình là phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ. Kết quả sau sắp xếp: Quy mô số hộ gia đình 201 hộ, đạt 57,4% so với tiêu chuẩn về số hộ được quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ.</p> <p>Trường hợp không đủ tiêu chí số hộ và không xét yếu tố đặc thù, do yếu tố tách biệt của thôn Xung phong, cách thôn 1 12.5 km, cách thôn Khe Cát 17.4km, nên việc sắp xếp với thôn 1, hoặc thôn Khe Cát là không phù hợp với điều kiện tự nhiên và yếu tố kinh tế, xã hội của cộng đồng dân cư</p>

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
14	Bản Cây Tăm	61	Sáp nhập toàn bộ Bản Cây Tăm, thôn Xóm Mới và toàn bộ Thôn Thúc thành 01 thôn mới	244	<p>Bản Cây Tăm, thôn Xóm Mới và thôn Thúc nằm ở khu vực miền núi phía Tây của xã Bến Quan; phía Đông giáp thôn Khe Hó Trù và thôn Bãi Hà Mới, phía Bắc giáp xã Kim Ngân, phía Nam giáp xã Cồn Tiên, phía Tây giáp Bản Lèn. Tổng diện tích tự nhiên 48,37 km² (lớn hơn nhiều xã đồng bằng của huyện Vĩnh Linh trước khi sắp xếp và gấp 1,5 lần quy mô chuẩn xã đồng bằng hiện nay), quy mô diện tích thôn có người ở khoảng 12,8 km vuông (có 7 điểm dân cư sống phân tán). Địa hình, giao thông: Địa hình khu vực chủ yếu là núi cao có độ cao dao động từ khoảng 500 mét đến 1.000 mét so với mực nước biển, nhiều khe suối nhỏ xen kẽ, dân cư phân bố dọc theo các triền núi và ven khe suối tự nhiên. Dân cư, dân số và đặc điểm phân bố dân cư: Bản Cây Tăm, thôn Xóm Mới và thôn Thúc có 244 hộ dân 673 nhân khẩu, người dân tộc Vân Kiều chiếm đa số (Bản Cây Tăm 99,4%, thôn Xóm Mới 79,4% và thôn Thúc 99,1%), dân cư chia thành 8 cụm, khoảng cách giữa các cụm dân cư xa nhau từ 1km đến 5 km. Theo Quyết định số 104/QĐ-BD TTG ngày 27/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, các thôn Xóm Mới, thôn Thúc và Bản Cây Tăm thuộc diện thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Kết quả sau sắp xếp: Quy mô số hộ gia đình 244 hộ, đạt 69,7% so với tiêu chuẩn về số hộ được quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ. Trường hợp nếu không đủ tiêu chí về số hộ, không xét yếu tố đặc thù và buộc phải sắp xếp với Bản Lèn, Bản Xà Lơi thành một thôn mới do không đủ số hộ thì khoảng cách từ đầu thôn đến cuối thôn, tính theo đường giao thông có người ở khoảng 16,5km, diện tích thôn lớn 61,61km vuông, như vậy là rất lớn và công tác điều hành ở thôn khó triển khai chính sách với người dân trong thực tiễn. (Không sắp xếp với thôn Bãi Hà Mới và thôn Khe Hó Trù vì khoảng cách xa khoảng 16.5 km và có địa hình núi cao, đèo Lọng Gió chia cắt địa hình).</p>
15	Thôn Xóm Mới	105			
16	Thôn Thúc	78			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
17	Bản Lèn	132	Sáp nhập toàn bộ Bản Lèn và toàn bộ Bản Xà Lòi thành 01 thôn mới	207	<p>Bản Lèn, bản Xà Lòi là hai thôn tiếp giáp, liền kề, phía Đông giáp các Thôn Xóm Mới, Thôn Thúc và Bản Cây Tăm; phía Nam giáp xã Cồn Tiên, phía Bắc giáp xã Kim Ngân, phía Tây giáp bản Xà Ninh, diện tích tự nhiên 13,24 km² (lớn hơn nhiều xã đồng bằng của huyện Vĩnh Linh trước khi sắp xếp), quy mô diện tích thôn có người ở khoảng 4,8 km vuông (có 7 điểm dân cư sống phân tán). Địa hình, giao thông: Địa hình khu vực chủ yếu là núi cao có độ cao dao động từ khoảng 400 mét đến trên 700 mét so với mực nước biển, nhiều khe suối nhỏ phân cắt địa hình, dân cư phân bố dọc theo các triền núi và ven khe suối tự nhiên. Về khoảng cách hai điểm dân cư xa nhất trong nội thôn là 4,8 km. Dân cư, dân số và đặc điểm phân bố dân cư: Bản Lèn, bản Xà Lòi có 207 hộ với 564 nhân khẩu, có đồng đồng bào Bru – Vân Kiều sinh sống (Bản Lèn 97,3%, bản Xà Lòi 95,9%). Kết quả sau sắp xếp: Quy mô số hộ gia đình 207 hộ, đạt 59,2% so với tiêu chuẩn về số hộ được quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ.</p> <p>Trường hợp nếu không đủ tiêu chí về số hộ và không xét yếu tố đặc thù thì phải sắp xếp với Bản Cây Tăm, thôn Xóm Mới và thôn Thúc; thì khoảng cách từ đầu thôn đến cuối thôn, tính theo đường giao thông có người ở khoảng 16,5km, diện tích thôn lớn 61,61km vuông, như vậy là rất lớn và công tác điều hành ở thôn khó triển khai chính sách với người dân trong thực tiễn. (Không sắp xếp với thôn Bản Xà Ninh và bản Mịch vì khoảng cách xa khoảng 10 km và có địa hình núi cao, khe suối chia cắt địa hình).</p>
18	Bản Xà Lòi	75			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
19	Bản Xà Ninh	48	Sáp nhập toàn bộ Bản Xà Ninh và toàn bộ Bản Mích thành 01 thôn mới	132	<p>Bản Xà Ninh, bản Mích là hai thôn tiếp giáp liền kề, phía Bắc giáp xã Kim Ngân, phía Tây giáp xã Hướng Lập, phía Nam giáp xã Cồn Tiên, phía đông giáp bản Lèn, diện tích tự nhiên: 25,72 km²., quy mô diện tích có người ở khoảng 5,1 km, cư dân ở phân tán (diện tích rộng hơn nhiều xã của huyện Vĩnh Linh trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, gần bằng quy mô chuẩn xã đồng bằng hiện nay). Bản Xà Ninh, bản Mích có 132 hộ với 314 nhân khẩu, theo Quyết định số 104/QĐ-BD TTG ngày 27/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bản Xà Ninh và Bản Mích thuộc diện thôn đặc biệt khó khăn với 99% là người đồng bào Vân Kiều. Địa hình, giao thông: Bản Xà Ninh, bản Mích nằm ở khu vực thượng nguồn sông Bến Hải, địa hình đồi núi cao 500 - 700 mét so với mặt nước biển, nhiều khe suối chia cắt, dân cư phân bố không tập trung, giao thông đi lại khó khăn, thường bị ảnh hưởng bởi ngập lụt cục bộ vào mùa mưa. Dân cư, dân số và đặc điểm phân bố dân cư: Bản Xà Ninh, bản Mích dân cư chủ yếu là đồng bào Vân Kiều sinh sống lâu đời (Bản Xà Ninh 96,3%, bản Mích 100%) dân cư sinh sống phân tán gồm 6 điểm cụm dân cư, khoảng cách giữa hai điểm dân cư xa nhất của thôn khoảng 7 km, khoảng cách từ điểm dân cư phía Đông gần nhất đến Trung tâm thôn Lèn là tiếp giáp khoảng 10km, khoảng cách từ điểm dân cư phía Tây đến trung tâm thôn Lèn khoảng 17 km, đường giao thông đường đồi núi, đi lại khó khăn mùa mưa bão bị ngập lụt cục bộ. Vì vậy, sắp xếp toàn bộ bản Xà Ninh và bản Mích thành 01 thôn mới là phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Kết quả sau sắp xếp: Quy mô số hộ gia đình 132 hộ, đạt 37,8% so với tiêu chuẩn về số hộ được quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ.</p> <p>Do yếu tố địa hình và phân bố cộng đồng dân cư, nếu trường hợp do không đủ tiêu chí về số hộ và yếu tố đặc thù mà phải sắp xếp với Bản Lèn, Bản Xà Lôi thì sẽ hình thành một thôn có diện tích 39 km vuông, chiều dài từ điểm đầu, điểm cuối của thôn mới có cư dân sinh sống là 19 km. Như vậy nếu sắp xếp lại thì công tác quản lý, điều hành ở thôn trong thực tiễn sẽ rất khó khăn.</p>
20	Bản Mích	84			
52	XÃ CỬA VIỆT	6.482		6.482	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
1	Thôn Lâm Xuân	466	Giữ nguyên	466	
2	Thôn Mai Xá	729	Giữ nguyên	729	
3	Thôn Mai Đông	435	Giữ nguyên	435	
4	Thôn Tân Minh	123	Sáp nhập toàn bộ Thôn Tân Minh và toàn bộ Thôn Nhĩ Trung thành 01 thôn mới	425	
5	Thôn Nhĩ Trung	302			
6	Thôn Nhĩ Hạ	445	Giữ nguyên	445	
7	Thôn Hoàng Hà	124	Sáp nhập toàn bộ Thôn Hoàng Hà và toàn bộ Thôn Tân Xuân thành 01 thôn mới	457	
8	Thôn Tân Xuân	333			
9	Thôn Xuân Ngọc	386	Sáp nhập toàn bộ Thôn Xuân Ngọc, Thôn Xuân Lộc và toàn bộ Thôn Xuân Tiến thành 01 thôn mới	1.017	
10	Thôn Xuân Lộc	335			
11	Thôn Xuân Tiến	296			
12	Thôn Long Hà 1	179	Sáp nhập toàn bộ Thôn Long Hà 1, Thôn Long Hà 2 và toàn bộ Thôn Long An thành 01 thôn mới	682	
13	Thôn Long Hà 2	199			
14	Thôn Long An	304			
15	Thôn Đại Lộc	150	Sáp nhập toàn bộ Thôn Đại Lộc, Thôn Tân Lợi, Thôn Hải Lộc và toàn bộ Thôn Hà Lộc thành 01 thôn mới	813	
16	Thôn Tân Lợi	246			
17	Thôn Hải Lộc	197			
18	Thôn Hà Lộc	220			
19	Thôn 4	242	Sáp nhập toàn bộ Thôn 4 và toàn bộ Thôn 5 thành 01 thôn mới	427	
20	Thôn 5	185			
21	Thôn 6	285	Sáp nhập toàn bộ Thôn 6 và toàn bộ Thôn Tân Hải thành 01 thôn mới	586	
22	Thôn Tân Hải	301			
53	XÃ GIO LINH	7.550		7.550	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
1	Thôn 1	242	Sáp nhập toàn bộ Thôn 1 và toàn bộ thôn 3 thành 01 thôn mới	529	
2	Thôn 3	287			
3	Thôn 2	249	Sáp nhập toàn bộ thôn 2, thôn 4 và thôn 6 thành 01 thôn mới	797	
4	Thôn 4	334			
5	Thôn 6	214			
6	Thôn 5	276	Sáp nhập toàn bộ thôn 5, thôn 8 và thôn 9 thành 01 thôn mới	730	
7	Thôn 8	199			
8	Thôn 9	255			
9	Thôn Hà Thượng	447	Sáp nhập toàn bộ thôn Hà Thượng và thôn Tân Lịch thành 01 thôn mới	559	
10	Thôn Tân Lịch	112			
11	Thôn Hà Trung	321	Sáp nhập toàn bộ thôn Hà Trung và thôn 7 thành 01 thôn mới	538	
12	Thôn 7	217			
13	Thôn Hà Thanh	330	Sáp nhập toàn bộ Thôn Hà Thanh và phần Bắc Xóm Rú thuộc thôn Trúc Lâm thành 01 thôn mới	354	
14	Thôn Trúc Lâm (phần Bắc Xóm Rú)	24			
15	Thôn Trúc Lâm (trừ đi phần Bắc Xóm Rú nhập vào thôn Hà Thanh)	412	Phần còn lại của thôn Trúc Lâm	412	
16	Thôn Tân Kỳ	202	Sáp nhập toàn bộ thôn Tân Kỳ, thôn Vinh Quang Thượng và thôn Vinh Quang Hạ thành 01 thôn mới	532	
17	Thôn Vinh Quang Thượng	168			
18	Thôn Vinh Quang Hạ	162			
19	Thôn Nhi Thượng	373	Nhập toàn bộ thôn Nhi Thượng và thôn An Mỹ thành 01 thôn mới	570	
20	Thôn An Mỹ	197			
21	Thôn Cẩm Phô	244	Nhập toàn bộ thôn Cẩm Phô và thôn Thủy Khê	425	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
22	Thôn Thủy Khê	181	thành 01 thôn mới	425	
23	Thôn Phước Thị	160	Nhập toàn bộ thôn Lại An và thôn Phước Thị thành 01 thôn mới	542	
24	Thôn Lại An	382			
25	Thôn Long Hải	205	Sáp nhập toàn bộ thôn Long Hải, thôn Xuân Tiến và thôn Bình Minh thành 01 thôn mới	536	
26	Thôn Xuân Tiến	198			
27	Thôn Bình Minh	133			
28	Thôn Lễ Môn	297	Nhập toàn bộ thôn Gia Môn và thôn Lê Môn thành 01 thôn mới	600	
29	Thôn Gia Môn	303			
30	Thôn Lan Đình	426	Giữ nguyên	426	
54	XÃ CÒN TIỀN	5.093		5.093	
1	Thôn Đại Đồng Nhất	291	Sáp nhập toàn bộ thôn Đại Đồng Nhất và thôn Trí Tiến thành một thôn mới	471	
3	Thôn Trí Tiến	180			
4	Thôn Thiện Thành	169	Sáp nhập toàn bộ thôn Thiện Thành và thôn Xuân Thượng thành một thôn mới	362	
5	Thôn Xuân Thượng	193			
6	Thôn Vĩnh Tân	166	Sáp nhập toàn bộ thôn Vĩnh Tân và thôn Đông	327	Thôn Hải Bình nằm về phía đông cách trung tâm xã 7 km, diện tích tự nhiên 10.524 km ² (1052,4 ha). Sau khi sáp nhập thôn Hải Bình có khoảng cách với thôn liền kề là Thôn Đại Đồng Nhất, Trí Tiến xã Gio Hòa cũ khoảng 3km. Cách thôn Xuân Thượng xã Linh Hải cũ khoảng 300m tính theo trục đường giao thông. Trường hợp phải nhập với thôn liền kề thì khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn như sau: - Nếu sáp nhập với thôn Đại Đồng Nhất hoặc Trí Tiến của xã Gio Hòa cũ thì từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn thì khoảng cách khoảng 17km. Quy mô diện tích có người dân sinh sống là

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
7	Thôn Đông Hải	161	Hải thành một thôn mới	161	10km ² . Tuy nhiên, giữa thôn Hải Bình và Thôn Đại Đồng Nhất và Thôn Trí Tiến có 1km không có dân cư và còn cách 01 khe nước lớn và đồng ruộng trải dài, khi mùa nước lũ về thường xuyên bị chia cắt. Giao thông đi lại giữa các thôn này rất khó khăn. - Nếu sáp nhập với thôn Xuân Thượng và thôn Thiện Thành của xã Linh Hải cũ thì hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn khoảng 12 km. Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 9km ² . Trường hợp này có nghĩa là sáp nhập toàn bộ xã Linh Hải cũ trước đây thành một thôn với 695 hộ với diện tích quá rộng ảnh hưởng đến quá trình điều hành của ban điều hành thôn sau sáp nhập.
8	Thôn Lạc Sơn	137	Sáp nhập toàn bộ thôn Lạc sơn, Nam Đông, Phú Ốc thành thôn mới	462	
10	Thôn Nam Đông	164			
11	Thôn Phú Ốc	161			
12	Thôn Nam Tân	179	Sáp nhập toàn bộ thôn Nam Tân và An Khê thành thôn mới	366	
13	Thôn An Khê	187			
14	Thôn An Phú	350	Giữ nguyên thôn An Phú	350	
16	Thôn Hải An	251	Sáp nhập toàn bộ thôn Hải An và thôn Hải Hòa thành một thôn mới	370	
17	Thôn Hải Hòa	119			
18	Thôn Trường Thọ	215	Sáp nhập toàn bộ thôn Trường Thọ và Thôn Trường Trí thành thôn mới	471	
19	Thôn Trường Trí	256			
20	Thôn Tân Văn	117	Sáp nhập toàn bộ thôn Tân Văn, Bình Sơn và Hảo Sơn thành thôn mới	562	
21	Thôn Bình Sơn	250			
22	Thôn Hảo Sơn	195			
23	Thôn An Nha	232	Sáp nhập toàn bộ thôn An Nha, An Hướng và Xuân Hòa thành thôn mới	522	
24	Thôn An Hướng	166			
25	Thôn Xuân Hòa	124			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
26	Thôn Bến Hà	151	Sáp nhập toàn bộ thôn Bến Hà, Cu Đình và Ba De thành thôn mới	386	
27	Thôn Cu Đình	122			
28	Thôn Ba De	113			
29	Thôn Bến Tắt	98	Sáp nhập toàn bộ thôn Bến Tắt, Trường Hải, Đồng Đôn và Trường Thành thành thôn mới	321	Thôn thành lập trên cơ sở sáp nhập 04 thôn: Bến Tắt, Trường Hải, Đồng Đôn, Trường Thành. Dự kiến sau khi sáp nhập thôn Vĩnh Trường có tổng số 311 hộ. Thôn mới nằm cách xa trung tâm xã Cồn Tiên từ 10 km đến 17 km, tiếp giáp với xã Bến Quan. Địa bàn rộng lớn, dân cư sống rất rải rác với khoảng cách giữa các cụm dân cư lên đến 9 km. Sau khi sáp nhập thôn Vĩnh Trường có khoảng cách với thôn liền kề khoảng 4,5km tính theo trục đường giao thông. Trường hợp phải nhập với thôn liền kề thì khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn khoảng 20km. Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 5km ² . Do đó, việc sáp nhập thêm các cụm dân cư khác sẽ làm tăng bán kính quản lý quá mức cho phép, gây khó khăn cho công tác điều hành của ban điều hành thôn.
30	Thôn Trường Hải	104			
31	Thôn Đồng Đôn	94			
32	Thôn Trường Thành	25			
33	Thôn Khe Me	67	Sáp nhập toàn bộ thôn Khe Me và Sông Ngân thành thôn mới	123	Thôn thành lập trên cơ sở sáp nhập 02 thôn: Khe Me và Sông Ngân. Dự kiến sau khi sáp nhập, thôn Khe Me có tổng số 123 hộ. Đây là 2 thôn biệt lập, sâu về phía rừng của xã. Thôn Khe Me cách trung tâm xã 8 km, thôn Sông Ngân cách 10 km. Dân cư sinh sống phân tán (khoảng cách giữa các cụm từ 2 km đến 3 km, khoảng cách giữa 2 thôn cũ là 5 km). Sau khi sáp nhập thôn Khe Me có khoảng cách với thôn liền kề khoảng 1km tính theo trục đường giao thông, Trường hợp phải nhập với thôn liền kề thì khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn khoảng 17km. Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 2km ² . Hai thôn này nằm chung trên một tuyến đường duy nhất, hoàn toàn biệt lập với các khu vực khác của xã bởi hệ thống sông suối. Vào mùa mưa lũ, giao thông tại đây thường xuyên bị chia cắt, cô lập, đe dọa đến an toàn của người dân.
34	Thôn Sông Ngân	56			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
55	XÃ BẾN HẢI	4.105		4.105	
1	Thôn Nam Sơn	321	Sáp nhập toàn bộ 02 thôn Nam Sơn và Bắc Sơn	589	
2	Thôn Bắc Sơn	268			
3	Thôn Thủy Bạ	174	Sáp nhập toàn bộ 03 thôn Thủy Bạ, thôn Cang Gián và thôn Hà Lợi Trung	627	
4	Thôn Cang Gián	186			
5	Thôn Hà Lợi Trung	267			
6	Thôn Bách Lộc	85	Sáp nhập toàn bộ 4 thôn: thôn Bách Lộc, thôn Xuân My và thôn Cao Xá, Xuân Long	758	
7	Thôn Xuân My	155			
8	Thôn Xuân Long	213			
9	Thôn Cao Xá	305			
10	Thôn Hải Chử	287	Sáp nhập toàn bộ 2 thôn: thôn Hải Chử, thôn Xuân Hòa	601	
11	Thôn Xuân Hòa	314			
12	Thôn Võ Xá	431	Giữ nguyên	431	
13	Thôn Bến Hải	364	Giữ nguyên	364	
14	Thôn An Đồng	281	Sáp nhập toàn bộ thôn An Đồng vào thôn Kinh Môn	735	
15	Thôn Kinh Môn	454			
56	XÃ TRIỆU BÌNH	6.026		6.026	
1	Thôn Hà My	321	Sáp nhập 3 thôn Hà My, Bồ Liêu, An Lộng thành thôn mới	709	
2	Thôn Bồ Liêu	126			
3	Thôn An Lộng	262			
4	Thôn Hữu Hòa	219	Sáp nhập 2 thôn Hữu Hòa và Vân Hòa thành thôn mới	616	
5	Thôn Vân Hòa	397			
6	Thôn Đại Hào	547	Giữ nguyên	547	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
7	Thôn Quảng Lượng	183	Sáp nhập 3 thôn Quảng Lượng, Đại Hòa, Mỹ Lộc thành thôn mới	570	
8	Thôn Đại Hòa	160			
9	Thôn Mỹ Lộc	227			
10	Thôn Lương Tài Xá	212	Sáp nhập 2 thôn Quảng Điền và Lương Tài Xá thành thôn mới	593	
11	Thôn Quảng Điền	381			
12	Thôn Võ Phúc An	299	Sáp nhập 2 thôn Võ Phúc An và Dương Lệ Đông thành thôn mới	683	
13	Thôn Dương Lệ Đông	384			
14	Thôn Dương Đại Thuận	377	Sáp nhập 2 thôn Dương Đại Thuận và Dương Văn Lộc thành thôn mới	717	
15	Thôn Dương Văn Lộc	340			
16	Thôn An Lợi	237	Sáp nhập 2 thôn An Lợi và An Trung Đông thành thôn mới	491	
17	Thôn An Trung Đông	254			
18	Thôn Gia Độ	478	Giữ nguyên	478	
19	Thôn Tân Liêm	344	Sáp nhập 2 thôn Tân Liêm và Xuân Quy thành thôn mới	622	
20	Thôn Xuân Quy	278			
57	NAM CỬA VIỆT	6.427		6.427	
1	Thôn Hà Tây	918	Giữ nguyên	918	
2	Thôn Tường Vân	405	Giữ nguyên	405	
3	Thôn Phú Hội	410	Giữ nguyên	410	
4	Thôn Lệ Xuyên	544	Giữ nguyên	544	
5	Thôn Linh An	468	Giữ nguyên	468	
6	Thôn Nam Phước	382	Giữ nguyên	382	
7	Thôn Lương Kim	492	Giữ nguyên	492	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
8	Thôn Bắc phước	350	Giữ nguyên	350	
9	Thôn Thôn 9	353	Giữ nguyên	353	
10	Thôn 7	306	Sắp xếp toàn bộ Thôn 7, thôn 8, thành thôn mới	527	
11	Thôn 8	221			
12	Thôn An Xuân	127	Sắp xếp toàn bộ thôn An Xuân và thôn An Hà thành thôn mới	355	
13	Thôn An Hà	228			
14	Thôn Long Quang	206	Sắp xếp toàn bộ thôn Long Quang, Vân Tường, Đồng Tâm thành thôn mới	694	
15	Thôn Vân Tường	284			
16	Thôn Đồng Tâm	204			
17	Thôn Cao Việt	307	Sắp xếp toàn bộ thôn Cao Việt và thôn An Cư thành thôn mới	529	
18	Thôn An Cư	222			
58	XÃ ÁI TỬ	4.627		4.627	
1	Thôn An Định	237	Sáp nhập toàn bộ Thôn An Định, toàn bộ Thôn Bích Khê, toàn bộ Thôn Bích Lộc Triều và toàn bộ Thôn Đùng Hói Bàu thành 01 thôn mới	913	
2	Thôn Bích Khê	229			
3	Thôn Bích Lộc Triều	251			
4	Thôn Đùng Hói Bàu	196			
5	Thôn Cồn Bồi Kiệt	231	Sáp nhập toàn bộ Thôn Cồn Bồi Kiệt, toàn bộ Thôn Đại Thượng Hạ, toàn bộ Thôn Lưu Nghĩa và toàn bộ Thôn Phương Ngạn thành 01 thôn mới	879	
6	Thôn Đại Thượng Hạ	223			
7	Thôn Lưu Nghĩa	248			
8	Thôn Phương Ngạn	177			
9	Thôn Phú Mỹ Kiên	447	Giữ nguyên	447	
10	Thôn Trà Liên Đông	175	Sáp nhập toàn bộ Thôn Trà Liên Đông và toàn bộ Thôn Trà Liên thành 01 thôn mới	955	
11	Thôn Trà Liên Tây	780			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
12	Thôn Tân Kiên	189	Sáp nhập toàn bộ Thôn Tân Kiên, toàn bộ Thôn Kiên Phước và toàn bộ Thôn Hà Xá thành 01 thôn mới	581	
13	Thôn Kiên Phước	130			
14	Thôn Hà Xá	262			
15	Thôn Ái Tử	687	Sáp nhập toàn bộ Thôn Ái Tử và toàn bộ Thôn Nại Hiệp thành 01 thôn mới	852	
16	Thôn Nại Hiệp	165			
59	XÃ DIÊN SANH	5.705		5.705	
1	Thôn 1	374	Giữ nguyên	374	
2	Thôn 2	189	Sáp nhập toàn bộ thôn 2 (189 hộ) và toàn bộ thôn 5 (363 hộ) thành một thôn mới	552	
3	Thôn 5	363			
4	Thôn 3	309	Sáp nhập 179 hộ thuộc thôn 3 (Trừ 130 hộ ở xóm Hiệp phía Bắc đường 03/2), toàn bộ thôn 4 (366 hộ) và toàn bộ Khu dân cư Diên Trường (39 hộ) thành một thôn mới	584	
5	Thôn 4	366			
6	KDC Diên Trường	39			
7	Thôn 6	252	Sáp nhập thôn 6 (252 hộ) và một phần thôn 3 (130 hộ ở xóm Hiệp, phía Bắc đường 03/2)	382	
8	Thôn 7	386	Giữ nguyên	386	
9	Thôn 8	203	Sáp nhập toàn bộ thôn 8 (203 hộ), toàn bộ thôn 9 (168 hộ) và Khu dân cư Tân Diên (60 hộ) thành một thôn mới	431	
10	Thôn 9	168			
11	KDC Tân Diên	60			
12	Thôn Thiện Tây	475	Giữ nguyên	475	
13	Thôn Thiện Đông	545	Giữ nguyên	545	
14	Thôn Trung Đơn	430	Sáp nhập toàn bộ thôn Trung Đơn (430 hộ) và toàn bộ thôn Phước Điền (138 hộ) thành một thôn mới	568	
15	Thôn Phước Điền	138			
16	Thôn Hậu Trường	443	Sáp nhập toàn bộ thôn Hậu Trường (443 hộ) và một phần thôn Tân Xuân Thọ (Thôn Trường Thọ cũ - 61 hộ) thành một thôn mới	504	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
17	Thôn Trung Trường	291	Sáp nhập toàn bộ thôn thôn Đông Trường (143 hộ), toàn bộ thôn Trung Trường (291 hộ) và một phần của thôn Tân Xuân Thọ (thôn Tân Trường cũ - 73 hộ) thành một thôn mới	507	
18	Thôn Đông Trường	143			
19	Thôn Mỹ Trường	322	Sáp nhập toàn bộ Mỹ Trường (322 hộ) và một phần thôn Tân Xuân Thọ (thôn Trường Xuân cũ - 75 hộ) thành một thôn mới	397	
20	Thôn Tân Xuân Thọ	209	Chia tách: - Quy mô thôn Tân Trường (cũ). - 73 hộ, sáp nhập vào thôn Đông Trường và thôn Trung Trường; - Quy mô thôn Trường Thọ (cũ) - 61 hộ, sáp nhập vào thôn Hậu Trường; - Quy mô thôn Trường Xuân (cũ) - 75 hộ, sáp nhập vào thôn Mỹ Trường.		
60	XÃ VĨNH ĐỊNH	6.011		6.011	
1	Thôn Quy Thiện	494	Giữ nguyên	494	
2	Thôn Trâm Lý	353	Giữ nguyên	353	
3	Thôn Văn Vận	389	Giữ nguyên	389	
4	Thôn Trà Trì Phú	417	Giữ nguyên	417	
5	Thôn Trà Lộc	451	Sáp nhập toàn bộ Thôn Trà Lộc và toàn bộ Thôn Kinh Duy thành 01 thôn mới	686	
6	Thôn Kinh Duy	235			
7	Thôn Lam Thủy	623	Giữ nguyên	623	
8	Thôn Thi Ông	469	Sáp nhập toàn bộ Thôn Thi Ông và toàn bộ Thôn Thuận Chánh An thành 01 thôn mới	619	
9	Thôn Thuận Chánh An	150			
10	Thôn Phương Hải	777	Giữ nguyên	777	
11	Thôn Thống Nhất	628	Giữ nguyên	628	
12	Thôn Hội Yên	198	Sáp nhập toàn bộ Thôn Hội Yên và toàn bộ Thôn	522	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
13	Thôn Đơn Quế	324	Đơn Quế thành 01 thôn mới	324	
14	Thôn Kim Long	503	Giữ nguyên	503	
61	XÃ TRIỆU PHONG	5.789		5.789	
1	Thôn Nại Cửu	800	Giữ nguyên	800	
2	Thôn An Tiêm	365	Giữ nguyên	365	
3	Thôn Cổ Thành	427	Giữ nguyên	427	
4	Khu vực 1 Nhan Biều	498	Giữ nguyên	498	
5	Khu phố 1	239	Sáp nhập toàn bộ khu phố 1 và thôn Ngũ Hiệp thành 01 thôn mới	520	
6	Thôn Ngũ Hiệp	281			
7	Khu phố 2	249	Sáp nhập toàn bộ khu phố 2 và khu phố 5 thành 01 thôn mới	408	
8	Khu phố 5	159			
9	Khu phố 3	294	Sáp nhập toàn bộ khu phố 3 và khu phố 4 thành 01 thôn mới	543	
10	Khu phố 4	249			
11	Thôn Tân Đức	304	Sáp nhập toàn bộ thôn Tân Đức và thôn Hậu Kiên thành 01 thôn mới	396	
12	Thôn Hậu Kiên	92			
13	Thôn Bích -Trung - Nam	185	Sáp nhập toàn bộ thôn Bích Trung Nam và thôn Bích La Đông thành 01 thôn mới	746	
14	Bích La Đông	561			
15	Thôn Trám	130	Sáp nhập toàn bộ thôn Thượng Phước, thôn Tân Xuân và thôn Trám thành 01 thôn mới	457	
16	Thôn Tân Xuân	108			
17	Thôn Thượng Phước	219			
18	Khu vực 2 Nhan Biều	330	Sáp nhập toàn bộ khu vực 2 Nhan Biều và khu vực 3 Nhan Biều thành 01 thôn mới	629	
19	Khu vực 3 Nhan Biều	299			
62	XÃ TRIỆU CƠ	5.180		5.180	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
1	Thôn Đạo Trung	351	Giữ nguyên	351	
2	Thôn Ngô Xá Thanh Lê	360	Giữ nguyên	360	
3	Thôn Linh Chiểu	369	Giữ nguyên	369	
4	Thôn Đồng Văn	352	Giữ nguyên	352	
5	Thôn An Trú	350	Giữ nguyên	350	
6	Thôn Thôn 6	350	Giữ nguyên	350	
7	Thôn Đồng Tâm 1	228	Sáp nhập toàn bộ thôn Đồng Tâm 1 và toàn bộ thôn Đồng Tâm 2 thành 01 thôn mới	470	
8	Thôn Đồng Tâm 2	242			
9	Thôn Tài Lương	161	Sáp nhập toàn bộ thôn Tài Lương, thôn An Hưng và toàn bộ thôn Phú Liêu thành 01 thôn mới	531	
10	Thôn An Hưng	186			
11	Thôn Phú Liêu	184			
12	Thôn Ngô Xá Đông	328	Sáp nhập toàn bộ thôn Ngô Xá Đông và toàn bộ thôn Xuân Tam Mỹ thành 01 thôn mới	614	
13	Thôn Xuân Tam Mỹ	286			
14	Thôn Thượng Phú Phường	213	Sáp nhập toàn bộ thôn Thượng Phú Phường và toàn bộ thôn Phương An thành 01 thôn mới	494	
15	Thôn Phương An	281			
16	Thôn 1	236	Sáp nhập toàn bộ Thôn 1 và toàn bộ Thôn 2 thành 01 thôn mới	398	
17	Thôn 2	162			
18	Thôn Ba Tư	307	Sáp nhập toàn bộ Thôn Ba Tư và toàn bộ Thôn 5 thành 01 thôn mới	541	
19	Thôn 5	234			
63	XÃ NAM HẢI LĂNG	5.351		5.351	
1	Thôn Hà Lộc	127	Sáp nhập toàn bộ thôn Hà Lộc với một phần thôn Đông Sơn (Đội 1,2,3,5, KV Như Sơn, KV Lương Hải) thành 01 thôn mới	763	
2	Thôn Đông Sơn (Đội 1,2,3,5, KV Như Sơn, KV Lương Hải)	636			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
3	Thôn Tây Sơn (Khu vực Khe Mương)	81	Sáp nhập một phần thôn Tây Sơn (khu vực Khe Mương) với một phần thôn Đông Sơn (Đội 4) và toàn bộ thôn Tân Sơn thành 01 thôn mới	367	
4	Thôn Tân Sơn	176			
5	Thôn Đông Sơn (Đội 4)	110			
6	Thôn Tây Chánh	335	Sáp nhập toàn bộ thôn Tây Chánh với toàn bộ thôn Xuân Lộc và một phần thôn Tân Sơn (khu vực Tân Lý) thành 01 thôn mới	598	
7	Thôn Xuân Lộc	189			
8	Thôn Tây Sơn (Khu vực Tân Lý)	74			
9	Thôn Mỹ Chánh (Tổ 1 đến tổ 12)	686	Sáp nhập một phần thôn Mỹ Chánh (Tổ 1 đến Tổ 12) và toàn bộ thôn Hội Kỳ thành 01 thôn mới	794	
10	Thôn Hội Kỳ	108			
11	Thôn Tân Phong	244	Sáp nhập toàn bộ thôn Tân Phong và toàn bộ thôn Nam Chánh thành 01 thôn mới	535	
12	Thôn Nam Chánh	291			
13	Thôn Văn Trị	225	Sáp nhập toàn bộ thôn Văn Trị với toàn bộ thôn Văn Quỳ và một phần thôn một Mỹ Chánh (khu vực Càng Mỹ Chánh) thành 01 thôn mới	557	
14	Thôn Văn Quỳ	290			
15	Thôn Mỹ Chánh (KV Càng Mỹ Chánh)	42			
16	Thôn Hưng Nhơn	265	Sáp nhập toàn bộ thôn Hưng Nhơn với toàn bộ thôn Hội Điền và toàn bộ thôn An Thơ thành 01 thôn mới	729	
17	Thôn Hội Điền	41			
18	Thôn An Thơ	423			
19	Thôn Phú Kinh	384	Giữ nguyên	384	
20	Thôn Câu Hà	624	Giữ nguyên	624	
64	XÃ HẢI LĂNG	4.322		4.322	
1	Thôn Long Hưng	813	Giữ nguyên	813	
2	Thôn Phú Hưng	709	Giữ nguyên	709	
3	Thôn Đại An Khê	706	Giữ nguyên	706	
4	Thôn Thượng Xá	908	Giữ nguyên	908	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
5	Thôn Mai Đàn	451	Giữ nguyên	451	
6	Thôn Xuân Lâm	182	Sáp nhập toàn bộ thôn Xuân Lâm, thôn Thượng Nguyên thành 01 thôn mới	369	
7	Thôn Thượng Nguyên	187			
8	Thôn Tân Phước	208	Sáp nhập toàn bộ thôn Tân Phước, thôn Trường Phước thành 01 thôn mới	366	
9	Thôn Trường Phước	158			
65	XÃ MỸ THỦY	4.107		4.107	
1	Thôn Kim Giao	273	Sáp nhập toàn bộ thôn Kim Giao và toàn bộ thôn Diên Khánh thành 01 thôn mới	874	
2	Thôn Diên Khánh	601			
3	Thôn Đông Dương	258	Sáp nhập toàn bộ thôn Đông Dương, An Nhơn, Xuân Viên thành 01 thôn mới	676	
4	Thôn An Nhơn	160			
5	Thôn Xuân Viên	258			
6	Thôn Thâm Khê	510	Giữ nguyên	510	
7	Thôn Trung An	540	Giữ nguyên	540	
8	Thôn Mỹ Thủy	624	Giữ nguyên	624	
9	Thôn Đông Tân An	458	Sáp nhập toàn bộ thôn Đông Tân An và thôn Tây Tân An thành 01 thôn mới	458	
10	Thôn Tây Tân An	263	Sáp nhập toàn bộ thôn Thuận Đầu và Thôn Tây Tân An thành 01 thôn mới	425	
11	Thôn Thuận Đầu	162			
66	XÃ ĐỒNG LÊ	6.270		6.270	
1	Thôn Kim Sơn	211	Sáp nhập toàn bộ thôn Kim Sơn, thôn Bắc Sơn và thôn Tân Sơn thành 01 thôn mới	502	
2	Thôn Bắc Sơn	111			
3	Thôn Tân Sơn	180			
4	Thôn Xuân Phú	114	Sáp nhập toàn bộ thôn Xuân Phú, thôn Đồng Sơn, tiểu khu Tân Lập và 24 hộ của thôn Tam Đăng thành 01 thôn mới	366	
5	Thôn Đồng Sơn	125			
6	Tiểu khu Tân Lập	103			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
7	Một phần thôn Tam Đăng	24			
8	Thôn Tam Đa	238	Sáp nhập toàn bộ thôn Tam Đa và 162/186 hộ của thôn Tam Đăng thành 01 thôn mới	400	
9	Phần còn lại thôn Tam Đăng	162			
10	Tiểu khu Đồng Văn	383	Sáp nhập toàn bộ Tiểu khu Đồng Văn, Tiểu khu Tam Đông và 26 hộ của Tiểu khu 1 thành 01 thôn mới	633	
11	Tiểu khu Tam Đông	224			
12	Một phần Tiểu khu 1	26			
13	Phần còn lại Tiểu khu 1	273	Sáp nhập toàn bộ Tiểu khu 2 và 273/299 hộ của Tiểu khu 1 thành 01 thôn mới	509	
14	Tiểu khu 2	236			
15	Tiểu khu 3	180	Sáp nhập toàn bộ Tiểu khu 3, Tiểu khu 4, Tiểu khu Đồng Tân thành 01 thôn mới	525	
16	Tiểu khu 4	153			
17	Tiểu khu Đồng Tân	192			
18	Tiểu khu Lưu Thuận	163	Sáp nhập toàn bộ Tiểu khu Lưu Thuận và thôn Yên Xuân thành 01 thôn mới	355	
19	Thôn Yên Xuân	192			
20	Thôn Đồng Lê	204	Sáp nhập toàn bộ thôn Đồng Lê và thôn Quảng Hóa thành 01 thôn mới	435	
21	Thôn Quảng Hóa	231			
22	Thôn Tiên Phong	87	Sáp nhập toàn bộ thôn Tiên Phong và thôn	211	Sau khi thôn Tiên Phong và Thượng Phong nhập lại tạo thành 01 thôn mới có 211 hộ, đạt 60,3% chưa đủ quy mô theo quy định. UBND xã đã rà soát, báo cáo và xin ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy xã xem xét sáp nhập thêm các thôn khác liền kề, tuy nhiên, vì do các điều kiện khách quan như sau: - Nếu nhập thêm Thôn Quảng Hóa (thôn liền kề) thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa thôn mới sau sáp nhập 3 thôn lại với nhau (Quảng Hóa, Tiên Phong, Thượng Phong) là 08km. - Khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn khoảng trên

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
23	Thôn Thượng Phong	124	Thượng Phong thành 01 thôn mới	211	10km. Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 10km ² . - Ngoài ra thôn mới sau sáp nhập bị cách biệt với thôn liền kề bởi giao thông đi lại khó khăn nhất là về mùa mưa. - Thôn Tiên Phong và Thượng Phong là địa bàn có đông đồng bào Công giáo sinh sống (giáo họ Đò Vàng). - Nhằm đảm bảo ổn định tình hình dân cư cũng như phong tục, tập quán sinh hoạt và thể theo nguyện vọng của Nhân dân của 02 thôn này, do vậy, việc lấy tên thôn mới và quy mô dân số như đề xuất là hết sức cần thiết.
24	Thôn Thuận Tiến	167	Sáp nhập toàn bộ thôn Thuận Tiến và Thôn Xuân Canh và thành 01 thôn mới	268	Sau khi nhập, thôn mới có 268 hộ, đạt 76,57%, chưa đủ quy mô theo quy định. UBND xã đã rà soát, báo cáo và xin ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy xã xem xét sáp nhập thêm các thôn khác liền kề, tuy nhiên, vì do các điều kiện khách quan như sau: (1) Nếu nhập thêm Tiểu khu 1 hoặc Tiểu khu Đồng Văn vào (tiểu khu liền kề) thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa thôn mới sau sáp nhập với Tiểu khu 1 hoặc Đồng Văn là 12km. (2) Khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn khoảng trên 10km. Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 10km ² . (3) Ngoài ra thôn mới sau sáp nhập bị cách biệt với thôn liền kề bởi địa hình đồi, núi, giao thông đi lại khó khăn, nhất là về mùa mưa, lũ; nằm dọc sông Gianh thường xuyên bị ngập lụt, chia cắt. (4) Địa bàn có đông đồng bào Công giáo sinh sống (giáo họ Đồng Lào). Nhằm đảm bảo ổn định tình hình dân cư cũng như phong tục, tập quán sinh hoạt và thể theo nguyện vọng Nhân dân của 02 thôn này, do vậy, việc sắp xếp như đề xuất là hết sức cần thiết.
25	Thôn Xuân Canh	101			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
26	Thôn Đồng Lào	123	Sáp nhập toàn bộ thôn Đồng Lào và thôn Hạ Lào thành 01 thôn mới	237	Sau khi nhập, thôn mới có 237 hộ, đạt 67,71%, chưa đủ quy mô theo quy định. UBND xã đã rà soát, báo cáo và xin ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy xã xem xét sáp nhập thêm các thôn khác liền kề, tuy nhiên, vì do các điều kiện khách quan như sau: (1) Nếu nhập thêm thôn Ba Tâm vào (thôn liền kề) thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa thôn mới sau sáp nhập với thôn Ba Tâm là 09km. (2) Khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn khoảng trên 08km. Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 09km ² . (3) Ngoài ra thôn mới sau sáp nhập bị cách biệt với thôn liền kề bởi địa hình đồi, núi, giao thông đi lại khó khăn, nhất là về mùa mưa, lũ; năm dọc sông Gianh thường xuyên bị ngập lụt, chia cắt, về mùa mưa lũ có khoảng 2/3 số nhà bị ngập, đặc biệt những trận lũ lịch sử có gần 100% hộ gia đình bị ngập. (4) Nhằm đảm bảo ổn định tình hình dân cư cũng như phong tục, tập quán sinh hoạt và thể theo nguyện vọng Nhân dân của 02 thôn này, do vậy, việc sắp xếp như đề xuất là hết sức cần thiết.
27	Thôn Hạ Lào	114			
28	Thôn Ba Tâm	222	Giữ nguyên	222	Thôn Ba Tâm có 222 hộ, đạt 63,42% chưa đủ quy mô theo quy định. UBND xã đã rà soát, báo cáo và xin ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy xã xem xét sáp nhập thêm các thôn khác liền kề, tuy nhiên, vì do các điều kiện khách quan như sau: (1) Nếu nhập thêm thôn Đồng Lào và Hạ Lào vào (thôn liền kề) thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa thôn mới sau sáp nhập với 02 thôn trên là 09km. (2) Khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn khoảng trên 08km. Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 09km ² . (3) Ngoài ra thôn mới sau sáp nhập bị cách biệt với thôn liền kề giao thông đi lại khó khăn, nhất là mùa mưa vì có khe Trọ hay bị ngập. Nhằm thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý của địa phương, đồng thời thể theo nguyện vọng của Nhân dân, do vậy, việc giữ nguyên không thực hiện sáp nhập thôn Ba Tâm với thôn khác là hết sức cần thiết.
29	Thôn Kim Thủy	204	Sáp nhập toàn bộ thôn Kim Thủy và thôn Kim Tân thành 01 thôn mới	363	
30	Thôn Kim Tân	159			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
31	Thôn Kim Trung	220	Sáp nhập toàn bộ thôn Kim Trung và thôn Kim Ninh thành 01 thôn mới	370	
32	Thôn Kim Ninh	150			
33	Thôn Kim Lũ 1	281	Sáp nhập toàn bộ thôn Kim Lũ 1, thôn Kim Lũ 2 và thôn Kim Tiến thành 01 thôn mới	669	
34	Thôn Kim Lũ 2	280			
35	Thôn Kim Tiến	108			
36	Thôn Kim Lịch	205	Giữ nguyên	205	Mặc dù chưa đủ quy mô dân số, nhưng thôn Kim Lịch không thể nhập với thôn khác vì nằm biệt lập, giáp với xã Tuyên Sơn, nằm dưới chân Đèo Khe Nét, cách thôn Kim Lũ khoảng 05km tính từ nơi có dân cư sinh sống; giao thông đi lại khó khăn. Nhằm thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý của địa phương, đồng thời thể theo nguyện vọng của Nhân dân, do vậy, việc giữ nguyên không thực hiện sáp nhập thôn Kim Lịch với thôn khác là hết sức cần thiết.
67	XÃ TUYÊN HÓA	5.682		5.682	
1	Thôn Cao Cảnh	145	Nhập toàn bộ 4 thôn gồm thôn Cao Cảnh, Chùa Bụt, Quảng Hòa và Phú Xuân thành thôn mới	410	
2	Thôn Chùa Bụt	143			
3	Thôn Quảng Hòa	67			
4	Thôn Phú Xuân	55			
5	Thôn Sơn Thủy	140	Nhập toàn bộ 4 thôn gồm thôn Sơn Thủy, Tiến Mạ, Vĩnh Xuân và Tân Tiến thành thôn mới	541	
6	Thôn Tiến Mạ	149			
7	Thôn Vĩnh Xuân	105			
8	Thôn Tân Tiến	147			
9	Thôn Lạc Sơn	266	Nhập toàn bộ 3 thôn gồm thôn Lạc Sơn, Thanh Châu và Lâm Lang thành thôn mới	749	
10	Thôn Thanh Châu	144			
11	Thôn Lâm Lang	339			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
12	Thôn Uyên Phong	384	Nhập toàn bộ 2 thôn Uyên Phong và Kinh Châu thành thôn mới	686	
13	Thôn Kinh Châu	302			
14	Thôn Thanh Trúc	141	Nhập toàn bộ 2 thôn Tây Trúc và Thanh Trúc thành thôn mới	392	
15	Thôn Tây Trúc	251			
16	Thôn Tam Đa	228	Nhập toàn bộ thôn Tam Đa và Chợ Cuối thành thôn mới	479	
17	Thôn Chợ Cuối	251			
18	Thôn Tây Thủy	139	Nhập toàn bộ 3 thôn gồm thôn Tây Thủy, Trung Thủy và Đông Tân thành thôn mới	512	
19	Thôn Trung Thủy	166			
20	Thôn Đông Tân	207			
21	Thôn Cương Trung	248	Nhập toàn bộ 2 thôn Cương Trung và Cương Trung C thành thôn mới	367	
22	Thôn Cương Trung C	119			
23	Thôn Thanh Tiến	170	Nhập toàn bộ 3 thôn Thanh Tiến, Bàu và Bàu 3 thành thôn mới	498	
24	Thôn Bàu	173			
25	Thôn Bàu 3	155			
26	Thôn Lê Lợi	258	Nhập toàn bộ 3 thôn Lê Lợi, Bàu Sỏi và Phúc Tự thành thôn mới	526	
27	Thôn Bàu Sỏi	107			
28	Thôn Phúc Tự	161			
29	Thôn Trung Đình	171	Nhập toàn bộ 3 thôn Trung Đình, Xuân Hạ và Xuân Sơn thành thôn mới	522	
30	Thôn Xuân Sơn	217			
31	Thôn Xuân Hạ	134			
68	XÃ KIM ĐIỀN	1.597		1.597	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
1	Bản Hóa Lương	96	Sáp nhập toàn bộ bản Hóa Lương và toàn bộ bản Lương Năng thành 01 thôn mới	207	Sau khi sắp xếp bản Hóa Lương và bản Lương Năng tạo thành thôn mới với 207 hộ đạt 59,1% chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định. Việc xem xét sáp nhập thêm các thôn liền kề đã được xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau: 02 bản Hóa Lương và bản Lương Năng có vị trí địa lý liền kề nhau; khoảng cách từ hộ đầu thuộc bản Hóa Lương đến hộ cuối thuộc bản Lương Năng là 3km; quy mô diện tích có người dân sinh sống là 559km ² . Bản Hóa Lương nằm sát chân núi, bị cách biệt với thôn Thuận Hóa bởi các dốc cao, đồi dốc. Về yếu tố văn hóa: Bản Hóa Lương và bản Lương Năng đều sử dụng chung ngôn ngữ bản địa tiếng dân tộc của dân tộc Chứt để thuận lợi trong giao tiếp và sinh hoạt. Về phong tục, tập quán của 02 bản từ lâu đời đều cùng chung tập tục, luật tục bản làng. Theo lịch sử quá trình hình thành, phát triển 02 bản Hóa Lương và bản Lương Năng được chia tách từ thôn Hóa Lương thuộc xã Hóa Sơn cũ từ tháng 02/2002. Để thuận tiện trong việc quản lý, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư nên việc sáp nhập 02 bản là phù hợp.
2	Bản Lương Năng	111			
3	Thôn Thuận Hóa	100	Sáp nhập toàn bộ thôn Thuận Hóa và toàn bộ thôn Đặng Hóa và toàn bộ thôn Tăng Hóa thành 01 thôn mới	325	
4	Thôn Đặng Hóa	135			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
5	Thôn Tăng Hóa	90			Đặng Hóa được chia tách từ thôn Đặng Hóa thuộc xã Hóa Sơn cũ từ tháng 02/2002. Để thuận tiện trong việc quản lý, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ cột mốc biên giới và xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư nên việc sáp nhập 3 thôn là phù hợp.
6	Thôn Đa Năng	167	Sáp nhập toàn bộ Thôn Đa Năng và toàn bộ Thôn Tân Tiến thành 01 thôn mới	287	Sau khi sắp xếp thôn Đa Năng và thôn Tân Tiến tạo thành thôn mới với 287 hộ đạt 82% chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định. Tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau: 02 thôn có vị trí địa lý liền kề nhau, khoảng cách từ hộ đầu thuộc thôn Đa Năng đến hộ cuối thuộc thôn Tân Tiến là 6 km. Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 2.256 km ² . Hệ thống đường giao thông của 02 thôn kết nối thông suốt, thuận tiện cho người dân trong việc đi lại, sinh hoạt. Việc xem xét sáp nhập thêm các thôn liền kề đã được xem xét, tuy nhiên người dân ở các thôn Đa Năng, Tân Tiến muốn đi họp tại thôn mới vẫn phải lội bộ hoặc đi xe máy quá xa, đèo dốc hiểm trở. Khi mùa mưa lũ sẽ gây ngập lụt cục bộ, người dân không thể đi chuyên. Để thuận tiện trong việc quản lý, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư nên việc sáp nhập 2 thôn là phù hợp.
7	Thôn Tân Tiến	120			
8	Thôn Tân Bình	153	Sáp nhập toàn bộ Thôn Tân Bình và toàn bộ thôn Tân Hòa và toàn bộ thôn Tân Thuận thành 01 thôn mới	361	
9	Thôn Tân Hòa	115			
10	Thôn Tân Thuận	93			
11	Thôn Tân Lợi	161	Sáp nhập toàn bộ Thôn Tân Lợi và toàn bộ thôn Lâm Khai và toàn bộ thôn Lâm Hóa thành 01 thôn mới	417	
12	Thôn Lâm Khai	131			
13	Thôn Lâm Hóa	125			
69	XÃ TUYẾN SƠN	1.673		1.673	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
1	Thôn 1	158	Sáp nhập toàn bộ Thôn 1 và toàn bộ Thôn 4 (2 thôn liền kề) thành 01 thôn mới	284	<p>Sau khi sắp xếp, thôn mới có 284 hộ, đạt 81,14% chưa đạt so với quy mô quy định. Việc sáp nhập thêm các thôn liền kề đã được xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau:</p> <p>Trường hợp 1: Thôn mới (thôn 1, thôn 4) nếu sáp nhập thêm thôn 2 (thôn liền kề) thì sau sáp nhập tổng diện tích là 44,2 km², tổng số hộ dân là 460/350 hộ đạt 131,43%. Bị chia cắt với thôn 2 bởi sông Gianh và nhiều khe suối, cô lập vào mùa mưa lũ, giao thông đi lại khó khăn, đường đồi núi và qua các ngầm tràn. Ngoài ra, do địa hình kéo dài nên khoảng cách giữa điểm dân cư xa nhất của thôn sau sáp nhập thêm là hơn 11km, khoảng cách giữa 2 điểm xa nhất của thôn hơn 15km.</p> <p>Trường hợp 2: Thôn mới (thôn 1, thôn 4) nếu sáp nhập thêm thôn 2 và thôn 3 thì tổng diện tích sau sáp nhập là 60,07 km², tổng số hộ dân là 664/350 hộ đạt 189,71%. Các điểm dân cư bị chia cắt bởi sông Gianh và nhiều khe suối, cô lập vào mùa mưa lũ, giao thông đi lại khó khăn, đường đồi núi và qua các ngầm tràn. Ngoài ra, do địa hình kéo dài nên khoảng cách giữa điểm dân cư xa nhất của thôn sau sáp nhập thêm là hơn 15km, khoảng cách giữa 2 điểm xa nhất của thôn hơn 18km.</p> <p>Các thôn này là thôn miền núi đặc biệt khó khăn (theo Quyết định 104/QĐ-BD TTG ngày 27/2/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo), thuộc xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh. Vì vậy, phương án sáp nhập thôn 1 và thôn 4 thành 1 thôn mới, thôn 2 và thôn 3 thành 1 thôn mới là phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.</p>
2	Thôn 4	126			
4	Thôn 3	204	Sáp nhập toàn bộ Thôn Tân Sơn và toàn bộ Thôn Tân Ấp (2 thôn liền kề) thành 01 thôn mới	384	384
5	Thôn Tân Sơn	204			
7	Thôn Tân Hương	350	Giữ nguyên	350	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
8	Thôn Tân Đức	275	Giữ nguyên	275	<p>Địa bàn thôn Tân Đức rộng 17,45 km², số hộ dân 275 hộ đạt 78,57%, chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định. Việc xem xét sáp nhập thêm các thôn liền kề đã được xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau:</p> <p>Trường hợp sáp nhập thôn Tân Đức với thôn liền kề là thôn Tân Hương (thôn đã đủ quy mô) thì sau sáp nhập, tổng số hộ dân là 625 hộ (đạt 178,57%), diện tích tự nhiên của thôn mới rộng 37,21 km², khoảng cách giữa 2 khu dân cư xa nhất là hơn 13 km, khoảng cách giữa 2 điểm xa nhất của thôn mới là hơn 16 km. Địa giới hành chính của thôn Tân Đức và thôn Tân Hương bị chia cắt bởi sông Ngàn Sâu và sông Rào Bội nên bị cô lập vào mùa mưa lũ, giao thông đi lại khó khăn, đường đồi núi và qua các ngầm tràn.</p> <p>Ngoài ra, thôn Tân Đức có hơn 85% diện tích tự nhiên là đồi núi, địa hình kéo dài, chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn. Mặt khác, thôn Tân Đức có địa giới hành chính giáp tỉnh Hà Tĩnh và không tiếp giáp với các thôn còn lại trong xã (trừ thôn Tân Hương) nên không thể sáp nhập với các thôn khác.</p>
70	XÃ TUYỀN LÂM	2.169		2.169	
1	Thôn 1 Thanh Lạng	158	Sáp nhập toàn bộ thôn 1 Thanh Lạng, Thôn 2 Thanh Lạng, phần lớn Thôn 3 Thanh Lạng (116 hộ, từ ngã 3 nhà ông An đi dọc theo đường mương nước trở về sau) để thành lập thôn mới	436	
2	Thôn 2 Thanh Lạng	162			
3	Thôn 3 Thanh Lạng	162			
4	Thôn 4 Thanh Lạng	183	Sáp nhập toàn bộ thôn 4 Thanh Lạng, thôn 5 Thanh Lạng và một phần thôn 3 Thanh Lạng gồm 46 hộ dân (khu vực từ ngã ba nhà ông An, dọc theo tuyến đường có mương dẫn nước đến nhà ông Minh, tiếp tục đi qua Trường Mầm non Thanh Lạng và giáp thôn 5 Thanh Lạng) để thành lập thôn mới	482	
5	Thôn 5 Thanh Lạng	253			
6	Thôn 1 Bắc Sơn	207	Sáp nhập toàn bộ thôn 1 Bắc Sơn, phần lớn Thôn 2 Bắc Sơn (169 hộ phía Đông đường HCM),	379	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
7	Thôn 2 Bắc Sơn	220	phần nhỏ thôn 3 Bắc Sơn (03 hộ phía Đông đường HCM) để thành lập thôn mới	577	
8	Thôn 4 Bắc Sơn	110	Sáp nhập phần còn lại thôn 2 Bắc Sơn (51 hộ, 197 khẩu phần phía Tây đường HCM), phần lớn thôn 3 Bắc Sơn (239 hộ phần phía Tây đường HCM), toàn bộ Thôn 4 Bắc Sơn, toàn bộ Bản Hà để thành lập thôn mới	477	
9	Thôn 3 Bắc Sơn	242			
10	Bản Hà	77			
11	Thôn Tiên Phong	158	Giữ nguyên	158	<p>Thôn Tiên Phong có số hộ 158 hộ đạt 45%, chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định. Việc xem xét sáp nhập thêm Bản Kè đã được xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu nhập thêm bản Kè thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa thôn Tiên Phong với Bản Kè là 3 km. - Khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 4,5 km; Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 7,5 km² - Ngoài ra thôn Tiên Phong bị cách biệt với bản Kè bởi Sông Gianh, giao thông đi lại khó khăn. <p>Thôn đã hình thành ổn định từ lâu, có những đặc thù riêng về dân cư, phong tục, tập quán và đời sống sinh hoạt, cộng đồng dân cư gắn kết chặt chẽ. Vì vậy, việc giữ nguyên hiện trạng thôn là phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.</p>
12	Bản Kè	61	Giữ nguyên	61	<p>Bản Kè là nơi sinh sống tập trung của 61 hộ đồng bào dân tộc Chứt (nhóm Mã Liềng), đạt 17% chưa đạt tiêu chuẩn so với quy định. Việc xem xét sáp nhập vào thôn Tiên Phong đã được xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu nhập với thôn Tiên Phong thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa Bản Kè với thôn Tiên Phong là 3 km. - Khoảng cách từ hộ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 4,5 km; - Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 7,15km² - Ngoài ra bản Kè bị cách biệt với thôn Tiên Phong bởi Sông Gianh, giao thông đi lại khó khăn. - Bản Kè có những đặc thù riêng về dân cư, phong tục, tập quán và đời sống sinh hoạt.

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
13	Bản Cáo	50	Sáp nhập toàn bộ bản Chuối và bản Cáo thành thôn mới	116	Sau khi sáp nhập, thôn mới với 116 hộ đạt 33% chưa đạt tiêu chuẩn so với quy định. Việc sáp nhập thêm Bản Cà Xen đã được xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau: - Nếu nhập thêm Bản Cà Xen thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa Bản mới với bản Cà Xen khoảng 5 km. - Khoảng cách từ hộ đầu bản đến hộ cuối bản là 6,2 km; - Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 7,7 km ² Bản mới có đặc điểm riêng về văn hóa, phong tục, tập quán và đời sống sinh hoạt, cộng đồng dân cư gắn kết chặt chẽ. Vì vậy, địa phương đề xuất chỉ thực hiện sáp nhập hai bản với nhau, không tiếp tục sáp nhập với các thôn, bản khác để phù hợp với điều kiện thực tế.
14	Bản Chuối	66			
15	Bản Cà Xen	60	Giữ nguyên	60	Bản Cà Xen có 60 hộ dân đạt 19% chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định. Việc xem xét sáp nhập vào Bản Ka Tang đã được xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau: - Nếu nhập vào Bản Ka Tang thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa Bản Ka Tang với bản Cà Xen khoảng 5km. - Khoảng cách từ hộ đầu bản đến hộ cuối bản là 6,2 km; - Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 7,7 km ² Bản Cà Xen là địa bàn sinh sống của đồng bào dân tộc Chứt (Mã Liềng) có đặc điểm riêng về dân cư, phong tục, tập quán và đời sống sinh hoạt; cộng đồng dân cư có sự gắn kết chặt chẽ, giữ gìn và phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa truyền thống.
71	XÃ TÂN GIANH	5.658		5.658	
1	Thôn Tân An	369	Giữ nguyên	369	
2	Thôn Phù Ninh	622	Giữ nguyên	622	
3	Thôn Thanh Sơn	267	Nhập thôn Thanh Sơn và Một phần Thôn Đông Phúc (96 hộ, Phía dưới tuyến đường từ cây xăng 41 đi qua Nhà văn hóa Thôn Đông phúc để tính ranh giới xác lập) thành thôn mới	363	
4	Một phần của thôn Đông Phúc	96			
5	Phần còn lại thôn Đông Phúc	88	Nhập Thôn Thuận Hòa, Thu Trường và phần còn lại của Thôn Đông Phúc (88 hộ Phía trên tuyến		

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
6	Thôn Thu Trường	115	tại của Thôn Đông Phúc (88 hộ, phía trên tuyến đường từ cây xăng 41 đi qua Nhà văn hóa Thôn Đông phúc để tính ranh giới xác lập) thành thôn mới	406	
7	Thôn Thuận Hòa	203			
8	Thôn Hạ Trường	185	Nhập Thôn Xuân Trường và Thôn Hạ Trường thành thôn mới	427	
9	Thôn Xuân Trường	242			
10	Thôn 5	389	Nhập Thôn 5 và Một phần của Thôn 4 (138 hộ Đới 6, lấy phía dưới mốc tuyến đường từ Chợ Sàng đi vào trong để tính ranh giới xác lập) thành thôn mới	527	
11	Một phần của thôn 4	138			
12	Phần còn của lại thôn 4	126	Nhập Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3 và Một phần còn lại của Thôn 4 (126 hộ, Đới 5, lấy phía trên mốc tuyến đường từ Chợ Sàng đi vào trong để tính ranh giới xác lập) thành thôn mới	594	
13	Thôn 3	119			
14	Thôn 2	121			
15	Thôn 1	228			
16	Thôn Tân Thị	449	Nhập Thôn Tân Thị và Thôn Kinh Nhuận thành thôn mới	568	
17	Thôn Kinh Nhuận	119			
18	Thôn Ngọa Cương	176	Nhập Thôn Ngọa Cương và Thôn Cấp Sơn thành thôn mới	397	
19	Thôn Cấp Sơn	221			
20	Thôn Thượng Thọ	137	Nhập Thôn Thượng Thọ, Vịnh Thọ và Thôn Trung Tiến thành thôn mới	554	
21	Thôn Vịnh Thọ	149			
22	Thôn Trung Tiến	268			
23	Thôn Hậu Thành	165	Nhập Thôn Hậu Thành và Thôn Phú Cường thành thôn mới	352	
24	Thôn Phú Cường	187			
25	Thôn Trường Long	266	Nhập Thôn Trường Long và Thôn Trường Xuân thành thôn mới	479	
26	Thôn Trường Xuân	213			
72	XÃ DÂN HÓA	2.327		2.327	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
1	Bản Cha Lo	39	Giữ nguyên	39	Địa bàn tách biệt, khoảng cách từ trung tâm bản đến cụm dân cư bản Bãi Dinh khoảng 10,5 km, đã xem xét sáp nhập với bản Bãi Dinh và bản K. Ai nhưng khoảng cách tính theo đường giao thông hộ từ đầu bản đến hộ cuối bản là 15km; quy mô diện tích có người dân sinh sống trên 50km ² . Ngoài ra bản Cha Lo bị cách biệt với các liền kề bởi vùng đồi núi hiểm trở, có nguy cơ sạt lở (Là bản tái định cư di dời từ vùng sạt lở từ năm 2021).
2	Bản Bãi đình	228	Sáp nhập toàn bộ bản Bãi đình với bản K - Ai thành bản mới	381	
3	Bản K - Ai	153			
4	Bản K - Vi	109	Sáp nhập toàn bộ bản Ôốc, K - Vi thành bản mới	194	Sau khi sắp xếp thành bản mới với số 194 hộ đạt 55% chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định. Việc xem xét sáp nhập thêm các bản liền kề (Bãi Dinh, Ba Lóc, Y Leng) đã được xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau: Nếu nhập thêm bản bản liền kề thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa bản mới sau sáp nhập với bản K Vi là 10km, khoảng cách hộ từ đầu bản đến hộ cuối bản là 12km; quy mô diện tích có người dân sinh sống là 70km ² . Ngoài ra bản mới sau khi sáp nhập bị cách biệt với bản liền kề bởi núi cao, có khu vực sạt lở.
5	Bản Ôốc	85			
6	Bản Y Leng	196	Sáp nhập toàn bộ bản K - Định, Tà Leng, Y Leng thành bản mới	318	Sau khi sắp xếp thành bản mới với số 318 hộ đạt 90,8% chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định. Việc xem xét sáp nhập thêm các bản liền kề (Ba Lóc, Hà Nông, Tà Rà) đã được xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau: Nếu nhập thêm 3 bản liền kề thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa bản mới sau sáp nhập với bản K Vi là 11km, khoảng cách hộ từ đầu bản đến hộ cuối bản là 16 km; quy mô diện tích có người dân sinh sống là 85km ² . Ngoài ra bản mới sau khi sáp nhập bị cách biệt với 3 bản liền kề bởi núi cao, có khu vực sạt lở, đi qua ngầm tràn K Định, thường xuyên bị chia cắt vào mùa mưa lũ.
7	Bản K - Định	67			
8	Bản Tà Leng	55			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
9	Bản Ba Loóc	77	Giữ nguyên	77	Địa bàn tách biệt, khoảng cách từ trung tâm bản đến cụm dân cư bản Y Leng xa 7 km, đã xem xét sáp nhập với bản Y Leng, Tà Rà, Hà Nông nhưng khoảng cách tính theo đường giao thông hộ từ đầu bản đến hộ cuối bản là 10km; quy mô diện tích có người dân sinh sống trên 100km ² . Ngoài ra bản Ba Lóc bị cách biệt với các liền kề bởi vùng đồi núi hiểm trở, có nguy cơ sạt lở, dốc cao.
10	Bản Tà Rà	80	Sáp nhập toàn bộ bản Pa Choong, Tà Rà, Hà Nông thành bản mới	193	Sau khi sắp xếp thành bản mới với số 193 hộ đạt 55% chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định. Việc xem xét sáp nhập thêm các bản liền kề (K Oóc, Ra Mai, Ba Lóc) đã được xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau: Nếu nhập thêm 3 bản liền kề thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa bản mới sau sáp nhập với bản Hà Nông là 10 km, khoảng cách hộ từ đầu bản đến hộ cuối bản là 17 km; quy mô diện tích có người dân sinh sống là 126km ² . Ngoài ra bản mới sau khi sáp nhập bị cách biệt với 3 bản liền kề bởi núi cao, có khu vực sạt lở, đi qua ngầm tràn K Định, Cu Pi, chân đập thủy điện La Trọng, thường xuyên bị chia cắt vào mùa mưa lũ.
11	Bản Pa Choong	58			
12	Bản Hà Nông	55			
13	Bản Rông	46	Giữ nguyên	46	Đã xem xét sáp nhập với các bản liền kề (K Ing, Khe Rông), tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau: Nếu nhập với 2 bản liền kề thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa hộ từ đầu bản đến hộ cuối bản là 18 km; quy mô diện tích có người dân sinh sống là 70 km ² . Ngoài ra bản Rông tách biệt với 2 bản liền kề bởi sông Gianh, đi qua khu vực sạt lở dốc K Ing, hiện chưa có cầu vượt lũ qua sông Gianh, thường xuyên bị chia cắt vào mùa mưa lũ.
14	Bản K- Ing	45	Sáp nhập toàn bộ bản K- Ing, Khe Rông, La Trọng I, La Trọng II thành bản mới	377	
15	Bản Khe Rông	65			
16	Bản La Trọng I	152			
17	Bản La Trọng II	115			
18	Bản Hung	34			Sau khi sắp xếp thành bản mới với số 180 hộ đạt 51% chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định. Việc xem xét sáp nhập thêm các bản

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
19	Bản Ông Tú	34	Sáp nhập toàn bộ bản Hung, Ông Tú, Lẻ, K -Rét, Khe Cây thành bản mới	180	Sau khi sắp xếp thành bản mới với số 180 hộ đạt 61% chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định. Việc xem xét sáp nhập thêm các bản liền kề (La Trọng, K Định, Tà Leng) đã được xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau: Nếu nhập thêm 3 bản liền kề thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa bản mới sau sáp nhập với bản La Trọng là 11 km, khoảng cách hộ từ đầu bản đến hộ cuối bản là 15 km; quy mô diện tích có người dân sinh sống là 130 km ² . Ngoài ra bản mới sau khi sáp nhập bị cách biệt với 3 bản liền kề bởi núi cao, có khu vực sạt lở, thường xuyên bị chia cắt vào mùa mưa lũ.
20	Bản Lẻ	19			
21	Bản K - Rét	54			
22	Bản Khe Cây	39			
23	Bản Ra Mai	177	Sáp nhập toàn bộ bản Ra Mai với bản Sy thành bản mới	215	Sau khi sắp xếp thành bản mới với số 215 hộ đạt 61% chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định. Việc xem xét sáp nhập thêm các bản liền kề (K Oóc, Pa Chong, Cha Cáp) đã được xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau: Nếu nhập thêm 3 bản liền kề thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa bản mới sau sáp nhập với bản Pa Chong là 9 km, khoảng cách hộ từ đầu bản đến hộ cuối bản là 11 km; quy mô diện tích có người dân sinh sống là 110 km ² . Ngoài ra bản mới sau khi sáp nhập bị cách biệt với 3 bản liền kề bởi núi cao, có khu vực sạt lở, đi qua ngầm tràn Ta Cô, Cu Pi, chân đập thủy điện La Trọng, thường xuyên bị chia cắt vào mùa mưa lũ.
24	Bản Sy	38			
25	Bản Cha Cáp	71	Giữ nguyên	71	Đã xem xét sáp nhập với các bản liền kề (K Oóc, Ra Mai, Sy), tuy nhiên do điều kiện khách quan như sau: Nếu nhập với 3 bản liền kề thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa hộ từ đầu bản đến hộ cuối bản là 15 km; quy mô diện tích có người dân sinh sống là 100 km ² . Ngoài ra bản Cha Cáp cách biệt với 2 bản liền kề bởi núi cao, có khu vực sạt lở, đi qua ngầm tràn Ta Cô, Cu Pi, chân đập thủy điện La Trọng, thường xuyên bị chia cắt vào mùa mưa lũ.

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
26	Bản K Oóc	61	Giữ nguyên	61	Đã xem xét sáp nhập với các bản liền kề (Cha Cáp, Ra Mai, Sy, Pa Chong) tuy nhiên do điều kiện khách quan như sau: Nếu nhập với 4 bản liền kề thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa hộ từ đầu bản đến hộ cuối bản là 18 km; quy mô diện tích có người dân sinh sống là 120 km ² . Ngoài ra bản K Oóc cách biệt với 4 bản liền kề bởi núi cao, có khu vực sạt lở, đi qua ngầm tràn Ta Cô, Cu Pi, chân đập thủy điện La Trọng, thường xuyên bị chia cắt vào mùa mưa lũ.
27	Bản Dộ - Tà Vòng	84	Giữ nguyên	84	Đã xem xét sáp nhập với các bản liền kề (Cha Cáp, Lòm - K Chấm), tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau: Nếu nhập với 2 bản liền kề thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa hộ từ đầu bản đến hộ cuối bản là 18 km; quy mô diện tích có người dân sinh sống là 110 km ² . Ngoài ra bản Dộ - Tà Vòng tách biệt với 2 bản liền kề bởi núi cao, có khu vực sạt lở, đi qua ngầm tràn Ta Dong, K Chấm, Khe Dộ, Khu vực sạt lở dốc Dộ, thường xuyên bị chia cắt vào mùa mưa lũ.
28	Bản Lòm - K Chấm	91	Giữ nguyên	91	Đã xem xét sáp nhập với các bản liền kề (Cha Cáp, bản Dộ - Tà Vòng), tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau: Nếu nhập với 2 bản liền kề thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa hộ từ đầu bản đến hộ cuối bản là 18 km; quy mô diện tích có người dân sinh sống là 110 km ² . Ngoài ra bản Lòm - K Chấm tách biệt với 2 bản liền kề bởi núi cao, có khu vực sạt lở, đi qua ngầm tràn Ta Dong, K Chấm, Khe Dộ, Khu vực sạt lở dốc Dộ, thường xuyên bị chia cắt vào mùa mưa lũ.
73	XÃ TUYẾN PHÚ	4.683		4.683	
1	Thôn Đồng Giang	270	Sáp nhập toàn bộ thôn Đại Sơn và toàn bộ thôn Đồng Giang vào Thuận Hoan (trừ 19 hộ xóm Tang Bông của thôn Thuận Hoan) thành thôn mới	784	
2	Thôn Đại Sơn	225			
3	Thôn Thuận Hoan	308			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
4	Thôn Đồng Phú	178	Sáp nhập thôn Đồng Phú với cụm dân cư xóm Tang Bông gồm 19 hộ (thuộc thôn Thuận Hoan) và cụm dân cư xóm Phú Hội gồm 28 hộ (thuộc thôn 2 Thiết Sơn) để hình thành thôn mới	225	Thôn Đồng Phú: Sau khi sắp xếp, thôn được hình thành trên cơ sở sáp nhập thôn Đồng Phú với cụm dân cư xóm Tang Bông gồm 19 hộ (thuộc thôn Thuận Hoan) và cụm dân cư xóm Phú Hội gồm 28 hộ (thuộc thôn 2 Thiết Sơn) để hình thành thôn mới sau sắp xếp; thôn sau sắp xếp với quy mô 225 hộ, đạt 64,29% so với tiêu chuẩn quy định, chưa đáp ứng tiêu chí về số hộ theo quy định. Việc xem xét sáp nhập thêm các thôn liền kề đã được xem xét, tuy nhiên vì do các điều kiện khách quan như sau: Nếu nhập thêm thôn Đồng Giang (thôn liền kề) thì khoảng cách hộ từ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 16 km; quy mô diện tích có người dân sinh sống là hơn 21,6 km ² ; không có đường giao thông để kết nối giữa 2 thôn, do thôn Đồng Phú sau khi sáp nhập bị cách biệt, cô lập với thôn liền kề bởi sông Gianh. Hiện chưa có cầu đê qua lại. Giao thông đi lại chủ yếu là thuyền (đò). Đặc biệt, vào mùa mưa lũ, việc lưu thông qua thôn gặp nhiều khó khăn, phương tiện thuyền (đò) thường phải tạm dừng hoạt động do điều kiện thời tiết, gây ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành ở cơ sở cũng như các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của Nhân dân.
5	Thôn 1 Thiết Sơn	274	Sáp nhập toàn bộ thôn 1 Thiết Sơn vào thôn 2 Thiết Sơn (trừ 28 hộ của xóm Phú Hội của thôn 2 Thiết Sơn) thành thôn mới	498	
6	Thôn 2 Thiết Sơn	252			
7	Thôn 3 Thiết Sơn	192	Sáp nhập toàn bộ thôn 3 Thiết Sơn và toàn bộ thôn 4 Thiết Sơn vào toàn bộ thôn 5 Thiết Sơn và 23 hộ khu vực Ba Cồn thuộc thôn Đạm Thủy 1 và 04 hộ thuộc Thôn Đạm Thủy 2 thành thôn mới	506	
8	Thôn 4 Thiết Sơn	129			
9	Thôn 5 Thiết Sơn	158			
10	Thôn Hòa Bình	193	Sáp nhập toàn bộ thôn Hòa Bình và thôn Đạm Thủy 1 (Trừ 23 hộ xóm Ba Cồn) vào thôn Đạm Thủy 2 (Trừ 04 hộ khu vực Ba Cồn) thành thôn mới	545	
11	Thôn Đạm Thủy 1	197			
12	Thôn Đạm Thủy 2	182			
13	Thôn Đồng Tâm	241	Sáp nhập toàn bộ thôn Đồng Tâm và toàn bộ		

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
14	Thôn Hà Nam	128	thôn Hà Trang vào toàn bộ thôn Hà Nam thành thôn mới	584	
15	Thôn Hà Trang	215			
16	Thôn Phúc Tùng	213	Sáp nhập toàn bộ thôn Phúc Tùng vào toàn bộ thôn Đồng Lâm thành thôn mới	463	
17	Thôn Đồng Lâm	250			
18	Thôn 4 Đức Phú	250	Sáp nhập toàn bộ thôn Cồn Cam vào toàn bộ thôn 4 Đức Phú Thành thôn mới	484	
19	Thôn Cồn Cam	234			
20	Thôn Đức Phú 1	157	Sáp nhập toàn bộ thôn Đức Phú 1 và toàn bộ thôn Đức Phú 3 vào toàn bộ thôn Đức Phú 2 thành thôn mới	594	
21	Thôn Đức Phú 2	198			
22	Thôn Đức Phú 3	239			
74	XÃ TUYẾN BÌNH	4.047		4.047	
1	Thôn Đông Hòa	259	Sáp nhập toàn bộ Thôn Đông Hòa và toàn bộ Thôn Đông Thuận thành 01 thôn mới	482	
2	Thôn Đông Thuận	223			
3	Thôn Bắc Hóa	310	Sáp nhập toàn bộ Thôn Bắc Hóa và toàn bộ Thôn Tây Hóa thành 01 thôn mới	541	
4	Thôn Tây Hóa	231			
5	Thôn Xuân Hóa	228	Sáp nhập toàn bộ Thôn Xuân Hóa và toàn bộ Thôn Nam Sơn thành 01 thôn mới	440	
6	Thôn Nam Sơn	212			
7	Thôn Liên Sơn	145	Sáp nhập toàn bộ 03 Thôn: Liên Sơn, Liên Hóa, Lạc Hóa thành 01 thôn mới	410	
8	Thôn Liên Hóa	222			
9	Thôn Lạc Hóa	43			
10	Thôn Tân Hóa	370	Giữ nguyên	370	
11	Thôn 4	60			Sau khi sắp xếp toàn bộ Thôn 4, thôn 5 và toàn bộ Thôn Tân Lâm thành 01 thôn mới với số 167 hộ đạt 47.7% chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định. Việc xem xét sáp nhập thêm các thôn liền kề đã lãnh đạo địa phương xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau: Nếu nhập thêm thôn Lạc Hóa (thôn liền kề gần nhất) thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa thôn mới

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
12	Thôn 5	36	Sáp nhập toàn bộ 03 Thôn 4, 5, Tân Lâm thành 01 thôn mới	167	nhất) thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa thôn mới sau sáp nhập là 20km, khoảng cách hộ từ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 25km; quy mô diện tích có người dân sinh sống là 50km ² . Ngoài ra thôn mới sau khi sáp nhập bị cách biệt với thôn liền kề bởi đèo dốc biệt lập, mùa lũ cô lập hoàn toàn. Đồng thời không bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại khu vực miền núi cao. Nếu buộc sáp nhập rộng hơn để đạt quy mô 350 hộ dân/thôn thì sẽ phá vỡ phương châm “4 tại chỗ” khi có thiên tai và tạo cách biệt giữa các vùng dân cư. Giao thông đi lại chủ yếu là đường rừng núi, đường gấp khúc và tiềm ẩn nhiều nguy cơ sạt lở sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của Nhân dân
13	Thôn Tân Lâm	71			
14	Thôn Yên Tổ	151	Sáp nhập toàn bộ Thôn Yên Tổ và toàn bộ Thôn Minh Cẩm Trang thành 01 thôn mới	496	
15	Thôn Minh Cẩm Trang	345			
16	Thôn Minh Cẩm Nội	242	Sáp nhập toàn bộ Thôn Minh Cẩm Nội và toàn bộ Thôn Minh Cẩm Ngoại thành 01 thôn mới	379	
17	Thôn Minh Cẩm Ngoại	137			
18	Thôn Cao Trạch	200	Sáp nhập toàn bộ 03 Thôn: Cao Trạch, Mã Thượng, Sào Phong thành 01 thôn mới	762	
19	Thôn Mã Thượng	283			
20	Thôn Sào Phong	279			
75	XÃ TÂN THÀNH	1.490		1.490	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
1	Thôn Sy	135	Giữ nguyên	135	<p>Thôn Sy giữ nguyên (thôn Sy thuộc xã Hóa Phúc cũ) với số hộ 135 (đạt 38,6%) chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định. Việc xem xét sáp nhập vào các thôn liền kề đã được xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau:</p> <p>* Nếu nhập với thôn Kiên Trinh (thôn liền kề) thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa thôn Sy với thôn Kiên Trinh là 7 km.</p> <p>- Khoảng cách từ hộ từ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 10 km;</p> <p>- Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 9 km².</p> <p>Ngoài ra thôn Sy sau khi sáp nhập với thôn Kiên Trinh thì bị cách biệt bởi núi cao, đường núi dốc quanh co, vào mùa mưa, lũ nguy cơ sạt lở, chia cắt, đường giao thông đi lại rất khó khăn.</p> <p>* Nếu nhập với thôn Tân Tiến (thôn liền kề thuộc xã Hóa Tiến cũ) thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa thôn Sy với thôn Tân Tiến là 7 km.</p> <p>- Khoảng cách hộ từ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 11 km;</p> <p>- Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 10 km².</p> <p>Ngoài ra thôn Sy sau khi sáp nhập với thôn Tân Tiến bị cách biệt bởi núi cao, đường giao thông đi lại rất xa, khó khăn trong việc họp thôn và tổ chức các hoạt động của thôn.</p> <p>Là thôn có yếu tố đặc thù vùng miền núi, có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, mang nét đặc trưng về văn hóa, phong tục tập quán riêng. Việc giữ nguyên thôn nhằm bảo đảm tính ổn định cộng đồng dân cư, thuận lợi trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân và thực hiện các chính sách dân tộc, miền núi theo quy định hiện hành.</p>

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
2	Thôn Kiên Trinh	54	Giữ nguyên	54	<p>Thôn Kiên Trinh giữ nguyên (là thôn thuộc xã Hóa Phúc cũ, nằm sâu trong thung lũng, bồn địa, giáp với các xã Tuyên Lâm, Tuyên Sơn, Đồng Lê) với số hộ 54 (đạt 15,42%) chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định. Việc xem xét sáp nhập vào các thôn liền kề đã được xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau: Nếu nhập với thôn Sy (thôn liền kề) thì khoảng cách tính theo đường giao thông từ đầu thôn Sy đến đầu thôn Kiên Trinh là 7 km.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng cách từ hộ từ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 13 km; - Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 9 km² <p>Ngoài ra thôn Kiên Trinh sau khi sáp nhập với thôn Sy thì bị cách biệt bởi núi cao, đường núi dốc quanh co, vào mùa mưa, lũ nguy cơ sạt lở, chia cắt, đường giao thông đi lại rất khó khăn.</p> <p>Là thôn thuộc khu vực đặc biệt khó khăn, điều kiện giao thông chưa thuận lợi, thường bị ảnh hưởng bởi thiên tai, ngập úng, sạt lở, chia cắt cục bộ vào mùa mưa lũ. Việc giữ nguyên tổ chức thôn nhằm bảo đảm hiệu quả quản lý hành chính ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu tổ chức cộng đồng dân cư, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.</p>
3	Thôn Tân Tiến	131	Sáp nhập toàn bộ thôn Tân Tiến và toàn bộ thôn Yên Bình thành thôn mới	353	
4	Thôn Yên Bình	222			
5	Thôn Ông Chinh	130	Sáp nhập toàn bộ thôn Ông Chinh và toàn bộ thôn Yên Vân thành thôn mới	351	
6	Thôn Yên Vân	221			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)	
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ		
7	Thôn Yên Phong	68	Sáp nhập toàn bộ thôn Yên Phong và toàn bộ thôn Yên Hòa thành thôn mới	177	<p>Sau khi sắp xếp, thôn mới với số hộ 177 (đạt 50,6%) chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định. Việc sáp nhập thêm các thôn liền kề đã được xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu nhập thêm thôn Yên Bình (thôn liền kề) thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa thôn mới sau sáp nhập với thôn Yên Bình là 9 km. - Khoảng cách từ hộ từ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 13 km; - Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 5 km² <p>Ngoài ra thôn mới sau khi sáp nhập bị cách biệt với thôn liền kề bởi con suối lớn, chưa có cầu đi qua, chỉ có ngàm tràn, đến mùa mưa, lũ nước ngập, bị chia cắt, đường giao thông đi lại rất khó khăn. Thôn Yên Phong và toàn bộ thôn Yên Hòa có vị trí địa lý liền kề, có nhiều điểm tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, phong tục tập quán và thuận lợi trong kết nối giao thông, sinh hoạt cộng đồng, thuận lợi trong công tác điều hành, tổ chức các hoạt động cộng đồng và huy động nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng. Đồng thời, việc sáp nhập 2 thôn bảo đảm phù hợp với chủ trương sắp xếp, tổ chức lại thôn theo quy định hiện hành và điều kiện thực tế của địa phương.</p>	
8	Thôn Yên Hòa	109				9
10	Thôn Thanh Lâm	109	10	Thôn Thanh Lâm	109	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
11	Thôn Thanh Sơn	71	Sáp nhập toàn thôn Thanh Sơn và toàn thôn Thanh Tân thành thôn mới	140	<p>Sau khi sắp xếp, thôn mới với số hộ 140 (đạt 40%) chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định. Việc sáp nhập thêm các thôn liền kề đã được xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu nhập thêm thôn Thanh Long hoặc Thanh Lâm (thôn liền kề thuộc xã Hóa Thanh cũ) thì khoảng cách tính theo đường giao thông giữa thôn mới sau sáp nhập với thôn Thanh Long hoặc thôn Thanh Lâm là 7 km. Không thể nhập vào các thôn thôn Yên Phong hoặc thôn Yên Bình (xã Hóa tiến cũ) vì khoảng cách đường giao thông quá xa 13 km. - Khoảng cách từ hộ từ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 16 km (đầu thôn giáp xã Hóa tiến cũ, cuối thôn giáp xã Dân Hóa); <p>Quy mô diện tích có người dân sinh sống là 8 km². Ngoài ra thôn mới sau khi sáp nhập bị cách biệt với 02 thôn liền kề bởi con suối lớn, chưa có cầu đi qua, chỉ có ngân tràn, đến mùa mưa, lũ nước ngập, bị chia cắt, đường giao thông đi lại rất khó khăn.</p> <p>Thôn Thanh Sơn và thôn Thanh Tân có vị trí địa lý liền kề, có sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của cộng đồng dân cư; thuận lợi trong kết nối giao thông và tổ chức các hoạt động cộng đồng, tạo điều kiện thuận lợi trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương và tình hình thực tế của xã.</p>
12	Thôn Thanh Tân	69			
76	XÃ MINH HÓA	5.662		5.662	
1	Thôn Tân Sơn	70	Sáp nhập toàn bộ thôn Tân Tiến, thôn Tân Sơn, thôn Kiều Tiến và 01 phần thôn Tân Lợi (đoạn từ đường Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng đường Quốc lộ về phía Tây lên đến giáp ranh giới thôn Kiều Tiến và đoạn từ nhà ông Đình Minh Tiến theo đường Quốc lộ về phía Đông lên đến giáp ranh giới thôn Kiều Tiến) thành 01 thôn mới	487	
2	Thôn Tân Tiến	151			
3	Thôn Kiều Tiến	110			
4	Một phần thôn Tân Lợi	156			
5	Thôn Yên Bình	121	Sáp nhập toàn bộ thôn Yên Bình, thôn Yên Nhất và 01 phần thôn Yên Định (đoạn từ phía Đông		

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)	
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ		
6	Thôn Yên Nhất	122	và 01 phần thôn Yên Định (đoạn từ phía Đông Trường Tiểu học Yên Hóa theo hướng Đông đi vào đến giáp ranh giới thôn Yên Nhất và đoạn phía Đông Khoang Vạo) thành 01 thôn mới	364		
7	Một phần thôn Yên Định	121				
8	Một phần thôn Yên Định	125	Sáp nhập 01 phần thôn Yên Định (đoạn từ Trường Tiểu học Yên Hóa theo hướng ra đường Quốc lộ đến giáp ranh giới thôn Yên Thắng); 01 phần thôn Yên Thắng (đoạn từ giáp ranh thôn Yên Định ra đến Bến xe Quy Đạt, dọc theo hướng Bắc đường Quốc lộ về phía Đông đến giáp ranh giới thôn Tân Lợi); và 01 phần thôn Tân Lợi (đoạn từ giáp ranh thôn Yên Thắng theo hướng Bắc đường Quốc lộ về phía Đông đến nhà ông Đình Minh Tiến) thành một thôn mới	378		
9	Một phần thôn Yên Thắng	228				
10	Một phần thôn Tân Lợi	25				
11	Thôn Minh Xuân	126	Giữ nguyên	126		Thôn Minh Xuân có vị trí địa lý biệt lập, cách xa các khu dân cư liền kề; khoảng cách từ hộ dân ở cuối thôn đến trung tâm thôn Tân Xuân khoảng 03 km và đến trung tâm thôn dự kiến thành lập mới (thôn Ba Nương) khoảng 05 km. Địa hình chủ yếu là đồi núi, bị chia cắt bởi nhiều khe suối, giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt trong mùa mưa lũ, nước từ các khe suối thường dâng cao, gây chia cắt, cô lập cục bộ địa bàn, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống Nhân dân, công tác chỉ đạo, công tác triển khai nhiệm vụ ở cơ sở, tổ chức sinh hoạt cộng đồng và hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền địa phương. Bên cạnh đó, thôn Minh Xuân được quy hoạch là khu căn cứ chiến đấu của xã Minh Hóa, là địa bàn có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh, cần duy trì sự ổn định về tổ chức và quản lý dân cư để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn. Vì vậy, việc giữ nguyên hiện trạng thôn Minh Xuân là cần thiết, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, góp phần bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở, tạo thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của Nhân dân, đồng thời giữ vững quốc phòng, an ninh và ổn định tình hình địa bàn.
12	Thôn Tân Xuân	94	Sáp nhập toàn bộ thôn Tân Xuân, thôn Ba Nương, thôn Cây Dầu, thôn Cây Đa thành 01	366		
13	Thôn Ba Nương	105				

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
14	Thôn Cây Dầu	78	Tnuong, thôn Cây Dầu, thôn Cây Đa thành 01 thôn mới	366	
15	Thôn Cây Đa	89			
16	Thôn Cầu Lợi	222	Sáp nhập toàn bộ thôn Cầu Lợi, thôn Quy Hợp thành 01 thôn mới	431	
17	Thôn Quy Hợp	209			
18	Thôn Tiến Hóa	178	Giữ nguyên	178	
19	Thôn Vè	67	Sáp nhập toàn bộ thôn Vè, thôn Trầu, thôn Rông, thôn Rục thành 01 thôn mới.	351	
20	Thôn Trầu	93			
21	Thôn Rông	77			
22	Thôn Rục	114			
23	Thôn Văn Hóa	255	Sáp nhập toàn bộ thôn Văn Hóa, thôn Quảng Hóa, thôn Yên Hòa, tổ tr quản Cầu Rồng	520	
24	Thôn Quảng Hóa	202			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
25	Thôn Yên Hồng	30	Hòa, thôn Yên Hồng, tổ tự quản Cầu Ròng thành 01 thôn mới	529	
26	Tổ tự quản Cầu Ròng	42			
27	Một phần Tổ dân phố 1	233	Sáp nhập 01 phần TDP 1 (đoạn từ công thoát nước, bắt đầu đường một chiều, theo hướng Bắc đường Quốc lộ đến Bến xe Quy Đạt); 01 phần thôn Yên Thắng (đoạn từ Bến xe Quy Đạt theo đường Quốc lộ về phía Tây đến giáp ranh giới thôn Tân Lợi) và 01 phần thôn Tân Lợi (đoạn từ đường Trung tâm GDNN - GDTX theo đường Quốc lộ về phía Tây đến giáp ranh giới thôn Yên Thắng) thành 01 thôn mới	381	
28	Một phần thôn Yên Thắng	80			
29	Một phần thôn Tân Lợi	68			
30	Tổ dân phố 3	418	Sáp nhập 01 phần TDP 1 (đoạn từ công thoát nước, bắt đầu đường 1 chiều theo hướng Nam đường Quốc lộ đến giáp ranh giới TDP3) vào TDP 3 thành 01 thôn mới.	443	
31	Một phần Tổ dân phố 1	25			
32	Tổ dân phố 2	189	Sáp nhập toàn bộ TDP2, TDP 4, TDP 5 thành 01 thôn mới	685	
33	Tổ dân phố 4	195			
34	Tổ dân phố 5	301			
35	Tổ dân phố 6	246	Sáp nhập toàn bộ TDP 6, TDP 7 thành 01 thôn mới	566	
36	Tổ dân phố 7	320			
37	Tổ dân phố 8	258	Sáp nhập toàn bộ TDP 8, TDP 9 thành 01 thôn mới	377	
38	Tổ dân phố 9	119			
77	XÃ KIM PHÚ	4.249		4.249	
1	Bản Ón	69			Sau khi sắp xếp, bản mới với 206 hộ đạt 58.85% chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định. Việc sáp nhập thêm các bản liền kề đã được xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau: Nếu nhập thêm thôn (thôn liền kề) thì khoảng cách tính theo đường giao

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
2	Bản Yên Hợp	58	Sáp nhập toàn bộ bản Ôn, Yên Hợp và bản Mò O Ồ Ồ thành 01 bản mới	206	thông giữa thôn mới sau sáp nhập với thôn Tiến Hóa là 10 km, khoảng cách hộ từ đầu thôn đến hộ cuối bản là 15 km; quy mô diện tích có người dân sinh sống là 50km ² . Ngoài ra bản mới sau khi sáp nhập bị cách biệt với thôn liền kề bởi các ngầm tràn vào mùa mưa lũ thường bị chia cắt dài ngày (từ 15 ngày đến 30 ngày) Giao thông đi lại chủ yếu là qua bằng thuyền, ca nô và phải di chuyển qua 3 ngọn đồi, dãy núi đá vôi hiểm trở. Có bản sắc đặc thù riêng về văn hóa.
3	Bản Mò O Ồ Ồ	79			
4	Bản Phú Minh	41	Sáp nhập toàn bộ bản Phú Minh và thôn Phú Nhiêu thành 01 thôn mới	238	
5	Thôn Phú Nhiêu	197			
6	Thôn Tiến Hóa	109	Sáp nhập toàn bộ thôn Tiến Hóa, Hát, Khai Hóa và thôn Quyền thành 01 thôn mới	413	
7	Thôn Hát	58			
8	Thôn Khai Hóa	108			
9	Thôn Quyền	138			
10	Thôn Yên Phú	180	Sáp nhập toàn bộ thôn Yên Phú và thôn Liêm Hóa thành 01 thôn mới	593	
11	Thôn Liêm Hóa	413			
12	Thôn Thanh Liêm	354	Giữ nguyên	354	

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
13	Thôn Tiên Phong	293	Giữ nguyên	293	Thôn Tiên Phong hiện có 293 hộ dân, đạt 83,7% tiêu chuẩn quy định. Mặc dù chưa đạt số hộ theo tiêu chuẩn, việc sáp nhập thêm với các thôn liền kề đã được xem xét nhưng không phù hợp do đặc thù địa bàn biên giới, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; địa hình chia cắt, giao thông khó khăn, thường xuyên bị ảnh hưởng bởi mưa lũ. Đồng thời, khoảng cách giữa các khu dân cư xa, điều kiện kết nối hạn chế và có những đặc trưng riêng về văn hóa, tập quán sinh hoạt. Việc tiếp tục sáp nhập sẽ làm giảm hiệu quả quản lý, ảnh hưởng đến công tác bảo đảm an ninh, triển khai chính sách dân tộc và sự ổn định của cộng đồng dân cư. Do đó, việc duy trì thôn Tiên Phong với quy mô hiện có là phù hợp thực tiễn, bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, quốc phòng, an ninh và ổn định đời sống Nhân dân.
14	Thôn Bình Minh	207	Sáp nhập toàn bộ thôn Bình Minh và thôn Bình Minh 1 thành 01 thôn mới	326	Sau khi sáp nhập, thôn mới có 326 hộ dân, đạt 93,1% so với tiêu chuẩn 350 hộ theo quy định; chỉ thiếu 24 hộ (6,9%), là mức chênh lệch không lớn và không ảnh hưởng đến mục tiêu sắp xếp, tinh gọn tổ chức ở cơ sở. Địa phương đã nghiên cứu phương án sáp nhập với các thôn liền kề, tuy nhiên việc tiếp tục sáp nhập không phù hợp do các yếu tố về địa giới, điều kiện quản lý dân cư, tình gắn kết cộng đồng và yêu cầu bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân. Đặc biệt, trên địa bàn hai thôn hiện có khu tái định cư đã hoàn thành đầu giá quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 89 hộ dân. Đây là nguồn tăng dân số đã được xác lập rõ ràng về pháp lý và dự kiến sẽ chuyển đến sinh sống trong thời gian tới. Khi các hộ dân này đến cư trú ổn định, quy mô thôn sẽ đạt khoảng 415 hộ, vượt tiêu chuẩn tối thiểu theo quy định tại Nghị định 185/2026/NĐ-CP.
15	Thôn Bình Minh 1	119			

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
16	Thôn Tân Lý	401	Sáp nhập toàn bộ thôn Tân Lý và thôn Lạc thiện 01 thôn mới	526	
17	Thôn Lạc Thiện	125			
18	Thôn 1 Kim Bảng	188	Sáp nhập toàn bộ thôn 1 Kim Bảng, Thôn 2 Kim Bảng và thôn 3 Kim Bảng 01 thôn mới	532	
19	Thôn 2 Kim Bảng	168			
20	Thôn 3 Kim Bảng	176			
21	Thôn Cổ Liêm	176	Giữ nguyên	176	Thôn Cổ Liêm có 176/350 hộ, chưa đạt tiêu chuẩn quy định. Việc sáp nhập thêm thôn liền kề đã được xem xét, tuy nhiên do điều kiện khách quan như sau: (1) Nếu nhập thêm thôn liền kề thì khoảng cách giữa thôn Cổ Liêm và thôn Lạc Thiện là 4km và Thôn Cổ Liêm và thôn 1 Yên Thọ là 1,5 km, khoảng cách hộ từ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 6 km; quy mô diện tích có người dân sinh sống là 80 km2. (2) Ngoài ra Thôn Cổ Liêm Có phong tục tập quán đặc thù, hoàn toàn khác biệt với các thôn lân cận. Cụ thể: Từ tiếng nói (ngôn ngữ), các phong tục cưới hỏi, tang lễ, phương thức canh tác, lịch thời vụ,... đều khác biệt so với các thôn liền kề. Nếu sáp nhập với thôn khác dễ dẫn đến xung đột về mặt văn hóa. (3) Thôn Cổ Liêm thuộc địa bàn xã biên giới, miền núi, xã loại 3 ĐBK. (4) Thôn Cổ Liêm có truyền thống lịch sử từ lâu đời, danh xưng Cổ Liêm có từ năm 1945 đến nay chưa hề bị thay đổi hay sáp nhập với bất kỳ 1 đơn vị hành chính nào khác. Đây là ngôi làng giàu truyền thống về cách mạng nơi diễn ra sự kiện lịch sử trọng đại là nơi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên của Đảng bộ huyện Minh Hóa cũ (8/1947). Ngày 22/11/1945, Chủ tịch nước ban hành Sắc lệnh 63/SL, quy định việc thành lập HĐND, UBHC các cấp. Chủ tịch nước cũng ban hành Sắc lệnh 148/SL bỏ phủ lập huyện, bỏ tổng lập xã, đổi tên Ủy ban cách mạng lâm thời các làng thành UBHC lâm thời với chức năng điều hành hành chính, quản lý xã hội trong chế độ dân chủ; đồng thời thực hiện nhiệm vụ tổ chức và lãnh đạo bầu cử Quốc hội và HĐND 2 cấp: tỉnh, xã. Thực hiện chủ trương xóa chính quyền cũ, bỏ cấp tổng và lập cấp xã, lúc này Tổng Cơ Sa và Kim Linh bị bãi bỏ. Trên địa bàn huyện Minh Hóa (cũ) đã thành lập các xã như: Quy Phúc, Phúc Lộc, Phúc Yên, Tân Minh, Cổ Liêm, Kim Phú, Kim Điền, Yên Phúc, Tân Thành, Tân Việt, Tân Mỹ. Địa danh Cổ Liêm đã xuất hiện từ đó. (Lịch sử Đảng bộ xã Tân Hóa, Đảng bộ huyện Minh Hóa).

TT	HIỆN TRẠNG		QUY MÔ SỐ HỘ SAU KHI SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI		Lý do, sự cần thiết, căn cứ (Đối với những thôn, TDP sau sắp xếp nhưng không đảm bảo tiêu chí quy mô hộ gia đình)
	Tên thôn, Tổ dân phố	Số hộ	Phương án cụ thể	Số hộ	
22	Thôn 1 Yên Thọ	127	Sáp nhập toàn bộ thôn thôn 1 Yên Thọ, thôn 2 Yên Thọ và thôn 3 Yên Thọ thành 01 thôn mới	395	
23	Thôn 2 Yên Thọ	156			
24	Thôn 3 Yên Thọ	112			
25	Thôn 4 Yên Thọ	79	Sáp nhập toàn bộ thôn 4 Yên Thọ và thôn 5 Yên Thọ thành 01 thôn mới	197	<p>Thôn 4 Yên Thọ và thôn 5 Yên Thọ sau khi sáp nhập tạo thành thôn mới có 197 hộ đạt 56,3% chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định. Việc xem xét sáp nhập thêm thôn liền kề đã được xem xét, tuy nhiên vì do điều kiện khách quan như sau: Nếu nhập thêm thôn liền kề thì khoảng cách giữa thôn này với thôn 3 Yên Thọ là 4 km giao thông đi lại khó khăn, khoảng cách hộ từ đầu thôn đến hộ cuối thôn là 9 km; quy mô diện tích có người dân sinh sống là 101 km².</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thôn thuộc địa bàn xã biên giới, miền núi, xã loại 3 ĐBKK. - Xã Tân Hóa (cũ) là rốn lũ của tỉnh Quảng Bình (cũ). Trong đó thôn 4 Yên Thọ và thôn 5 Yên Thọ là địa bàn bị chia cắt và ngập lụt nặng nhất. Các thôn ở địa bàn chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, tách biệt với những thôn lân cận. Cụ thể: Từ thôn 3 Yên Thọ đến thôn 4 Yên Thọ và thôn 5 Yên Thọ phải đi quan 3 ngàm tràn thường xuyên bị chia cắt vào mùa mưa lũ. - Ngoài ra, trên địa bàn thôn 5 Yên Thọ, có khu tái định cư vùng ngập lụt với khoảng 157 lô đất, trong thời gian tới sẽ giao đất cho người dân. Về cơ bản, trong thời gian tới số lượng hộ sẽ cơ bản đạt hoặc tiệm cận điều kiện tiêu chuẩn theo Nghị định 185/2026/NĐ-CP.
26	Thôn 5 Yên Thọ	118			